**QUỐC HỘI**

**Câu 1:** ***Cử tri Bình Định kiến nghị Quốc hội cần tiếp tục đổi mới hoạt động xây dựng pháp luật theo hướng đổi mới tư duy, siết chặt kỷ cương trong công tác xây dựng pháp luật, khắc phục tình trạng xin lùi, rút ra khỏi Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh như xảy ra nhiều năm qua.***

**Trả lời:**

1. Trong những năm qua, công tác xây dựng pháp luật nói chung từ khâu chuẩn bị đề xuất đưa dự án vào chương trình đến nghiên cứu, soạn thảo, xem xét, thông qua tiếp tục được đổi mới. Công tác phối hợp giữa các cơ quan của Chính phủ, của Quốc hội và cơ quan, tổ chức có liên quan ngày càng chặt chẽ, hiệu quả hơn. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo, chủ trì thẩm tra được tăng cường trong tất cả các giai đoạn của quy trình. Cụ thể như sau:

- Trong việc lập dự kiến Chương trình, công tác tổng kết thi hành pháp luật, tổ chức nghiên cứu xây dựng chính sách trong hồ sơ đề nghị đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xác định rõ yêu cầu, phân công cơ quan chuẩn bị, quyết liệt chỉ đạo các cơ quan vào cuộc từ sớm. Nghị quyết của Quốc hội về Chương trình đã có nhiều cải tiến, các giải pháp đưa ra đã xác định cụ thể, rõ ràng hơn về trách nhiệm của từng cơ quan.

- Chính phủ đã có nhiều chỉ đạo, ưu tiên bố trí nhiều thời gian hơn cho việc thảo luận, cho ý kiến về các dự án; đồng thời, tổ chức một số phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật.

 - Các cơ quan của Quốc hội chủ động nghiên cứu, thu thập thông tin, tài liệu liên quan, phối hợp ngay từ đầu với cơ quan soạn thảo để nắm bắt nội dung, cùng trao đổi, xử lý các vấn đề phát sinh, góp phần nâng cao chất lượng thẩm tra dự án. Việc tiếp thu, chỉnh lý dự án sau khi Quốc hội cho ý kiến được các cơ quan của Quốc hội thực hiện tích cực, chủ động hơn.

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến về việc chuẩn bị các dự án trước khi trình Quốc hội theo đúng trình tự luật định; thận trọng xem xét và có kết luận cụ thể về từng dự án. Đối với các dự án trình lần đầu, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về hồ sơ, quy trình, thủ tục chuẩn bị; phạm vi điều chỉnh và các nội dung lớn còn ý kiến khác nhau... từ đó xác định rõ từng dự án có bảo đảm điều kiện để trình Quốc hội hay không. Trường hợp dự án chưa bảo đảm điều kiện thì giao cơ quan trình tiếp tục hoàn chỉnh với những định hướng cụ thể để trình vào thời gian thích hợp. Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ đạo sát sao, nghiêm túc việc tiếp thu ý kiến các vị đại biểu Quốc hội để chỉnh lý, hoàn thiện dự án báo cáo Quốc hội; xem xét kỹ lưỡng, thảo luận, cho ý kiến nhiều lần các dự án luật trước khi trình Quốc hội thông qua. Bên cạnh đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội tiếp tục tổ chức hội nghị đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách để thảo luận, cho ý kiến trước đối với một số dự án luật quan trọng, có nội dung phức tạp, ý kiến còn khác nhau. Một số vấn đề lớn, phức tạp đều có sự trao đổi, thống nhất giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội với Thường trực Chính phủ; các chủ trương lớn của dự án đều được báo cáo, xin ý kiến cấp có thẩm quyền trước khi trình Quốc hội.

- Cách thức thảo luận tại Hội trường tiếp tục được đổi mới, tính đối thoại và tranh luận, phản biện trong phát biểu của đại biểu Quốc hội được tăng cường. Tại các phiên họp Quốc hội cho ý kiến về các dự án đều bố trí thời gian để Bộ trưởng, Trưởng Ban soạn thảo báo cáo cung cấp thêm thông tin với Quốc hội. Bên cạnh đó, đối với một số dự án, qua thảo luận còn nhiều ý kiến khác nhau, Quốc hội cũng đã yêu cầu tiếp tục nghiên cứu, làm rõ để tiếp thu, hoàn thiện trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp sau . Có thể thấy, với sự cải tiến trong tổ chức thực hiện, sự cố gắng, nỗ lực của các cơ quan, sự đóng góp tâm huyết, trí tuệ của các vị đại biểu Quốc hội, các chuyên gia, các ngành, các cấp và của đông đảo nhân dân, công tác xây dựng pháp luật của Quốc hội thời gian qua đã có những chuyển biến tích cực, chất lượng văn bản được nâng lên; tính dân chủ, công khai, minh bạch được tăng cường, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật trên các lĩnh vực.

2. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số bất cập, hạn chế như kiến nghị cử tri đã nêu, cụ thể là: trong việc lập dự kiến Chương trình, tính dự báo không cao, tính “gối đầu” các dự án chuẩn bị cho năm tiếp theo thấp. Tình trạng xin lùi, rút hoặc bổ sung dự án vào Chương trình còn nhiều ; vẫn còn tình trạng một số hồ sơ dự án luật được gửi đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cơ quan thẩm tra, đại biểu Quốc hội chậm so với quy định, có dự án đến ngày khai mạc phiên họp thẩm tra, phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội vẫn chưa nhận được hồ sơ, nên đã phải rút nội dung và điều chỉnh chương trình phiên họp. 3. Để khắc phục tình trạng nêu trên, Ủy ban Pháp luật sẽ tham mưu với Ủy ban Thường vụ Quốc hội yêu cầu các cơ quan trong thời gian tới siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong công tác xây dựng pháp luật, có các biện pháp cụ thể để khắc phục tình trạng xin lùi, rút dự án ra khỏi Chương trình. Trước mắt, đối với các dự án được đề nghị bổ sung vào Chương trình năm 2019, do thời gian từ nay đến kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2019) không còn nhiều, để bảo đảm thực hiện tốt Chương trình, hạn chế tình trạng xin lùi, xin rút ra khỏi Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, Ủy ban Pháp luật đã tham mưu với Ủy ban Thường vụ Quốc hội yêu cầu các cơ quan khẩn trương hoàn thiện hồ sơ dự án, dự thảo văn bản theo quy định để gửi các cơ quan của Quốc hội thẩm tra và Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến về nội dung dự án, dự thảo đồng thời với việc quyết định bổ sung dự án, dự thảo vào Chương trình kỳ họp thứ 8; còn những nội dung nào không chuẩn bị kịp thì đề nghị chuyển sang kỳ họp sau. Đồng thời, Ủy ban Pháp luật sẽ chuyển kiến nghị của cử tri đến cơ quan soạn thảo dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các cơ quan có liên quan để nghiên cứu, rà soát nếu cần thiết thì đề xuất sửa đổi các quy định có liên quan trong Luật nhằm khắc phục triệt để tình trạng mà cử tri đã nêu.

**Câu 2:** ***Cử tri đề nghị, Quốc hội cần tăng cường hơn nữa công tác giám sát đối với các dự án đầu tư từ ngồn vốn nhà nước, các dự án trọng điểm quốc gia, đặc biệt là các dự án giao thông vận tải, đảm bảo việc đầu tư hiệu quả, tránh tăng chi ngân sách và ngăn chặn tình trạng tham nhũng, lãng phí trong đầu tư công, nội dung giám sát bao gồm cả chất lượng, tiến độ thi công, việc lựa chọn nhà thầu và cả việc thu hồi vốn của công trình; Đề nghị giám sát các dự án đầu tư kém hiệu quả, đặc biệt là các dự án đầu tư ra nước ngoài của Tập đoàn dầu khí Việt Nam.***

**Trả lời**

Đúng như cử tri phản ánh, thời gian vừa qua, công tác quản lý, thực hiện dự án đầu tư công có lúc, có nơi xảy ra tình trạng thất thoát, lãng phí, hiệu quả thấp; vẫn còn tình trạng đấu thầu chưa đúng quy định, tổ chức thi công chưa đảm bảo thời gian và còn xảy ra tình trạng đội vốn so với ban đầu; có dự án đầu tư kém hiệu quả, gây lãng phí nguồn lực; tại một số DNNN còn xảy ra tình trạng tiêu cực, tham nhũng, lãng phí, làm thất thoát tài sản nhà nước . Qua các kỳ họp Quốc hội, các phiên chất vấn của UBTVQH, vấn đề này đã được ĐBQH kiến nghị làm rõ và xử lý vi phạm. Những sai phạm trong đầu tư công đã được các cơ quan thanh tra, kiểm toán, điều tra, xử lý vi phạm tiếp tục triển khai và đạt một số kết quả: theo báo cáo của Bộ Công thương, từ sau Kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIV tới nay, đã ban hành thêm được Kết luận thanh tra đối với Dự án mở rộng giai đoạn II Nhà máy gang thép Thái Nguyên và khởi tố Vụ án hình sự về tội ""Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng"" và tội ""Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí"" xảy ra tại Dự án; khởi tố bị can, bắt tạm giam đối với 5 đối tượng có liên quan. Đã phát hành báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính và các hoạt động có liên quan đến quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước năm 2017 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, trong đó có 05 dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc danh sách 12 dự án, doanh nghiệp mà Ban Chỉ đạo đang xem xét, xử lý. Việc xử lý các tập thể, cá nhân có sai phạm đã được thực hiện nghiêm minh theo quy định của pháp luật - Về thể chế, chính sách: Tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khoá XIV, sau khi tiếp thu đầy đủ ý kiến của các cơ quan hữu quan trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, qua 02 kỳ họp, Quốc hội đã biểu quyết thông qua Luật Đầu tư công (sửa đổi) với những quy định chặt chẽ hơn trong sử dụng vốn đầu tư công, đã có chế tài mạnh mẽ hơn đối với trách nhiệm người đứng đầu, đối với đơn vị sử dụng vốn đầu tư công. Bên cạnh đó, quyền giám sát đầu tư công của cử tri đã được quan tâm và nâng lên, ý kiến của cử tri đối với tính hiệu quả của đồng vốn, thời gian thi công sẽ được ghi nhận và phản ánh. Đồng thời, các quy định đã chặt chẽ hơn từ khâu đề xuất chủ trương dự án, phê duyệt dự án, đấu thầu dự án, cũng như giám sát quá trình thực hiện dự án đã có gắn kết hơn. - Về công tác triển khai các hoạt động giám sát của Quốc hội: Trong những năm vừa qua, công tác giám sát của Quốc hội đối với các dự án đầu tư sử dụng nguồn lực NSNN đã từng bước được đẩy mạnh. Quốc hội đã tổ chức nhiều đoàn giám sát chuyên đề đối với những lĩnh vực có sử dụng ngân sách ngân sách nhà nước , qua đó, Quốc hội đã kiến nghị nhiều giải pháp thiết thực nhằm nâng cao chất lượng quản lý các chương trình, dự án và nguồn lực tài chính công. Bên cạnh đó, nhiều dự án được đưa vào kế hoạch kiểm toán theo ý kiến của đại biểu Quốc hội, các dự án do cử tri và báo chí phản ánh cũng được xem xét, giám sát… Đối với tiến độ thực hiện và chất lượng thực hiện các dự án trọng điểm, dự án quan trọng quốc gia trong lĩnh vực giao thông vận tải luôn được chú trọng (như đối với dự án Cảng quốc tế Long Thành: Quốc hội đã giám sát ngay ban đầu, từ đề xuất chủ trương dự án đến việc phê duyệt dự án). Do các dự án trọng điểm, dự án quan trọng quốc gia trong lĩnh vực giao thông vận tải thường có tổng mức đầu tư rất lớn, gắn quy hoạch của cả nước, gắn với an sinh xã hội và phát triển kinh tế, xã hội, vì thế Quốc hội luôn đặt mối quan tâm hàng đầu đối với các dự án này. Tiếp thu ý kiến cử tri, thời gian tới, Quốc hội sẽ tiếp tục tăng cường công tác giám sát các dự án đầu tư công nói chung và các dự án quan trọng quốc gia nói riêng, góp phần tăng cường đầu tư hiệu quả sử dụng nguồn vốn NSNN, ngăn chặn tình trạng tham nhũng, lãng phí trong đầu tư công. Hiện nay số lượng dự án đầu từ công rất lớn và rất nhiều, Quốc hội không thể giám sát chi tiết đối với tất cả các dự án mà cần có sự phân cấp, tăng cường công tác kiểm tra giám sát, thanh tra chuyên ngành, giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp… và có sự giám sát của cử tri, của các cơ quan báo chí…

**CHÍNH PHỦ**

**Câu 1:** ***Cử tri kiến nghị Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tiếp tục chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, nâng cao chất lượng tăng trưởng, đẩy nhanh tiến độ các dự án, công trình trọng điểm quốc gia, phát triển hạ tầng giao thông, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, khơi dậy tinh thần sáng tạo, khởi nghiệp, khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, hợp tác xã kiểu mới.***

***Cử tri kiến nghị Chính phủ tiếp tục quan tâm chỉ đạo các bộ ngành ban hành các cơ chế, chính sách mới về khởi nghiệp; đồng thời chỉ đạo các bộ ngành, các địa phương quan tâm hơn nữa nhằm thúc đẩy hiệu quả hoạt động khởi nghiệp của thanh niên, nhất là thanh niên khu vực nông thôn hiện nay.***

**Trả lời**

***Nội dung kiến nghị số 1***

Ngay từ đầu năm 2019, Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt và đồng bộ những giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH và Dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2019 với 4 trọng tâm chỉ đạo điều hành, 8 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu; trong đó nhấn mạnh đến ổn định kinh tế vĩ mô, nâng cao khả năng nội tại và sức chống chịu của nền kinh tế; những hành động cụ thể nhằm rà soát, tháo gỡ các rào cản đối với doanh nghiệp, cải thiện môi trường kinh doanh; và những thông điệp, chính sách, hành động về tiếp cận cách mạng công nghiệp (CMCN) 4.0, chuyển đổi số, Chính phủ điện tử. Bên cạnh đó, Nghị quyết các phiên họp Chính phủ hàng tháng đều nhấn mạnh một số giải pháp tập trung bao gồm: (i) tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế và cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách; (ii) cải thiện mạnh mẽ hơn nữa môi trường đầu tư, kinh doanh, quyết liệt cắt giảm thực chất các thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh không cần thiết, gây phiền hà cho doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển; (iii) chủ động tìm kiếm động lực tăng trưởng; (iv) chủ động theo dõi, đánh giá và dự báo các diễn biến từ bên ngoài (chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc; xung đột địa chính trị; điều hành lãi suất của Fed, v.v.) để thực hiện những giải pháp phù hợp và linh hoạt, tạo nền tảng vững chắc chống chọi với các cú sốc từ bên ngoài; (v) hoàn thiện Chiến lược thu hút FDI thế hệ mới, lưu ý đến gia tăng kết nối, chuyển giao công nghệ; (vi) Tăng cường tận dụng cơ hội từ Hiệp định thương mại tự do, nhất là CPTPP, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, giảm nhập siêu; và (vii) đẩy mạnh khai thác hiệu quả những cơ hội thuận lợi từ CMCN 4.0, đẩy nhanh tiến độ xây dựng Chính phủ điện tử, chuyển đổi mô hình kinh tế số. Nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi thúc đẩy sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh hoàn thiện thể chế về quản lý quy hoạch và đầu tư công, chính sách huy động nguồn lực mang tính đột phá để phát triển đất nước, Thủ tướng đã ban hành Chỉ thị 09/CT-TTg ngày 01/4/2019 về các giải pháp tập trung tháo gỡ cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng 6 tháng và cả năm 2019. Nổi bật trong đó là các nhóm nhiệm vụ, giải pháp: (i) đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện thể chế; (ii) cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, cắt giảm thực chất các điều kiện kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính, tháo gỡ nút thắt hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo động lực cho doanh nghiệp phát triển; (iii) quyết liệt thực hiện các giải pháp kiểm soát dịch bệnh ở gia súc, gia cầm, ổn định sản xuất; đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản phục vụ xuất khẩu, bảo đảm hoàn thành kế hoạch xuất khẩu đề ra; (iv) tập trung tháo gỡ khó khăn trong sản xuất, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân các dự án công nghiệp quy mô lớn, bảo đảm giải ngân 100% nguồn vốn đầu tư công trong năm 2019; và (v) thực hiện đồng bộ các giải pháp để bứt phá thị trường trong nước, đẩy mạnh tăng trưởng xuất khẩu. Vai trò của kinh tế tư nhân tiếp tục được nhấn mạnh ở nhiều thông điệp, diễn đàn chính sách. Trên cơ sở tiếp nối các Nghị quyết 19 (giai đoạn 2014-2018), Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 02/NQ-CP về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia nhấn mạnh cần tiếp tục thực hiện mạnh mẽ các giải pháp nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, giảm thời gian, chi phí và rủi ro cho doanh nghiệp. Trong đó, Nghị quyết đặt trọng tâm vào bốn nội dung ưu tiên cải cách trong năm 2019, bao gồm (i) Tiếp tục bãi bỏ, đơn giản hóa các quy định về điều kiện kinh doanh; thực thi đầy đủ, triệt để những cải cách về điều kiện kinh doanh đã thực hiện trong năm 2018; (ii) Thực hiện cải cách toàn diện công tác quản lý, kiểm tra chuyên ngành và kết nối Cổng thông tin một cửa quốc gia; (iii) Đẩy mạnh thanh toán điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4; và (iv) Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Những hành động cụ thể nhằm rà soát, tháo gỡ khó khăn, rào cản đối với doanh nghiệp tiếp tục được thực hiện, bao gồm: (i) Ban hành Tài liệu hướng dẫn và tập huấn, hướng dẫn thực hiện cải thiện các chỉ số về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Về cơ bản, đến cuối tháng 7 năm 2019, các Bộ đã ban hành Tài liệu hướng dẫn các chỉ số thành phần; tuy nhiên, mới chỉ có một số ít Bộ triển khai hoạt động tập huấn, hướng dẫn. (ii) Cập nhật các nội dung cải cách môi trường kinh doanh của Việt Nam để đưa vào đánh giá, xếp hạng trong Doing Business 2020; (iii) Thực hiện rà soát, cắt giảm điều kiện kinh doanh: Theo báo cáo kết quả cắt giảm điều kiện kinh doanh của các Bộ, trung bình trên 50% số điều kiện kinh doanh đã được cắt bỏ hoặc đơn giản hoá. Tuy vậy, vẫn còn có Bộ chưa đăng tải công khai các điều kiện kinh doanh sau khi cắt giảm. Bên cạnh đó, hầu hết các Bộ chưa có hướng dẫn, tập huấn cho các địa phương hoặc đơn vị thực thi và doanh nghiệp về những cải cách cắt giảm điểu kiện kinh doanh; cũng như chưa giám sát tình hình thực thi những cải cách này. (iv) Các bộ, ngành hoàn thành rà soát, cắt giảm thực chất 50% số mặt hàng thuộc danh mục hàng hóa quản lý, kiểm tra chuyên ngành. Tuy nhiên, nhiệm vụ này chuyển biến chậm, chủ yếu chuyển từ kiểm tra trước sang thông quan sang giai đoạn sau thông quan, chứ không phải cắt giảm số lượng mặt hàng kiểm tra chuyên ngành như yêu cầu của Chính phủ. (v) Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt: Nội dung đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt được ghi nhận có nhiều chuyển biến tích cực ngay từ đầu năm. Kế hoạch hành động của các địa phương đều chú trọng tới nội dung này. Trong những tháng đầu năm 2019, thanh toán không dùng tiền mặt có những chuyển biến mạnh mẽ. Tổng giá trị giao dịch trong 5 tháng đầu năm 2019 qua hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng tăng khoảng 23,23% về số lượng giao dịch và tăng 17,63% về giá trị giao dịch so với cùng kỳ năm 2018. Thanh toán điện tử qua Internet, điện thoại di động tăng trưởng mạnh, tính đến 31/3/2019, số lượng giao dịch tài chính qua kênh Internet tăng tương ứng 65,81% và 13,46% so với cùng kỳ năm 2018; giao dịch tài chính qua kênh điện thoại di động tăng tương ứng 97,75% số lượng giao dịch và 232,3% giá trị giao dịch so với cùng kỳ năm 2018. (vi) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến: được đưa vào Kế hoạch hành động của tất cả các bộ, ngành, địa phương, nhưng tiến độ thực hiện còn chậm. Theo báo cáo tổng hợp của Bộ Thông tin và Truyền thông, trung bình tỷ lệ dịch vụ có phát sinh hồ sơ trực tuyến (mức độ 3, 4) trong quý II năm 2019 là 28,78% (của các Bộ) và 15,16% (của các địa phương). Tuy vậy, thực tế triển khai và thực thi chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân cũng bộc lộ một số khó khăn cần được tháo gỡ, bao gồm: (i) hệ thống thể chế vẫn tồn tại nhiều bất cập và chậm hoàn thiện; (ii) các chính sách khuyến khích, hỗ trợ kinh tế tư nhân chậm triển khai và chưa phát huy hiệu quả; (iii) quản lý, kiểm tra chuyên ngành chồng chéo, chưa minh bạch; và (iv) rào cản, chi phí bất hợp lý đối với hoạt động đầu tư kinh doanh. Luật Đầu tư công sửa đổi được Quốc hội thông qua với một số quy định mới liên quan đến (i) thống nhất định nghĩa về nguồn vốn đầu tư công, dẫn tới thay đổi các quy trình, trình tự, thủ tục về dự án và kế hoạch đầu tư công, giúp đơn giản hóa quy trình, không còn phân biệt giữa các loại nguồn vốn của ngân sách nhà nước; (ii) xác định rõ một số nhiệm vụ và loại dự án không phải quyết định chủ trương đầu tư nhằm gỡ bỏ thủ tục mang tính hình thức, trùng lặp, tiết kiệm thời gian, chi phí cho công tác chuẩn bị dự án; (iii) phân cấp mạnh mẽ quyền quyết định chủ trương đầu tư cho địa phương, bộ, ngành quyết định phân bổ vốn đầu tư nhằm tăng tính chủ động, phù hợp với điều kiện thực tế của mỗi địa phương; và (iv) phân định rõ được chức năng, thẩm quyền của các cơ quan liên quan đối với trình tự, thủ tục đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, đảm bảo phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công, Luật Đầu tư công. Với những thay đổi này, Luật Đầu tư công sửa đổi kỳ vọng tạo thuận lợi hơn cho quá trình chuẩn bị dự án, do việc đơn giản hóa thủ tục, phân cấp mạnh mẽ, góp phần cải thiện tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, chấm dứt tình trạng giải ngân chậm, dự án kéo dài. Khung chính sách kinh tế Việt Nam đến 2035 đã được ban hành cuối năm 2018, thể hiện quyết tâm xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển, hành động và liêm chính. 3 trụ cột chính là thịnh vượng kinh tế, bền vững môi trường, công bằng và hòa nhập xã hội, và nhà nước hiệu quả và trách nhiệm giải trình. Các trọng tâm cải cách đề ra trong Khung chính sách bao gồm (i) Hiện đại hóa nền kinh tế và phát triển khu vực tư nhân; (ii) Xây dựng năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia; (iii) Nâng cao hiệu quả kinh tế của đô thị hóa và phát triển lãnh thổ; (iv) Phát triển bền vững về môi trường và tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu; (v) Đảm bảo công bằng và thúc đẩy hòa nhập xã hội; và (vi) thể chế hiện đại và Nhà nước hiệu quả. Các hoạt động tham vấn chuẩn bị xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030 được gia tăng. Định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030 chú trọng đến các nội dung như tăng trưởng đủ nhanh để chống lại nguy cơ tụt hậu; tăng trưởng có chất lượng để đảm bảo tính bền vững (tăng trưởng có hiệu suất, tăng trưởng xanh, tăng trưởng bao trùm); phát triển bền vững về xã hội và môi trường; xây dựng thể chế kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại, hội nhập. Cơ hội và thách thức của Việt Nam trong quá trình thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội ít nhiều được nhận diện. Liên quan đến cuộc CMCN lần thứ tư, nhiều văn bản đã được xây dựng và trong quá trình tham vấn như Đề án thành lập Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia, dự thảo Nghị quyết của Chính phủ ban hành cơ chế ưu đãi và thể chế vượt trội đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia. Đồng thời, Chiến lược quốc gia về CMCN lần thứ tư tại Việt Nam cũng đang được tích cực nghiên cứu, xây dựng, trong đó có bao gồm nội dung “Giải pháp phát triển nguồn nhân lực quốc gia đáp ứng yêu cầu cuộc CMCN 4.0”. Đề án thúc đẩy mô hình kinh tế chia sẻ đã được hoàn thiện và được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 999/QĐ-TTg ngày 13/8/2019 với mục tiêu đảm bảo môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các doanh nghiệp kinh doanh theo mô hình kinh tế chia sẻ và kinh tế truyền thống; đảm bảo quyền lợi, trách nhiệm và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia mô hình kinh tế chia sẻ bao gồm người cung cấp dịch vụ, người sử dụng dịch vụ và doanh nghiệp cung cấp nền tảng; khuyến khích đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ số và phát triển nền kinh tế số. Bên cạnh đó, các hội nghị, hội thảo, diễn đàn đầu tư khởi nghiệp sáng tạo được tổ chức và tham vấn ý kiến chuyên gia một phần nhằm thu hút các nhà đầu tư, quảng bá Việt Nam là điểm đến tiềm năng của đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, kết nối giữa các quỹ đầu tư của nước ngoài với cộng đồng các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, trong đó, kết nối chặt chẽ hơn Mạng lưới Đổi mới sáng tạo Việt Nam với hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, đồng thời thúc đẩy các chính sách trao đổi, hợp tác giữa Chính phủ với các quỹ đầu tư trong tư vấn, tham mưu để xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp tại Việt Nam trên các khía cạnh: đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu triển khai ứng dụng công nghệ... Với những quyết tâm và nỗ lực đó, trong các tháng đầu năm, môi trường kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định. Lạm phát ở mức tương đối thấp và khá an toàn so với mục tiêu đề ra cho cả năm, song Chính phủ vẫn rất nghiêm túc khi nhìn nhận rủi ro lạm phát tiềm ẩn. Chính sách tiền tệ vẫn giữ được sự thận trọng, linh hoạt cần thiết. Dư địa điều hành chính sách tiền tệ (đặc biệt là về lãi suất, tỷ giá) tiếp tục được củng cố. Việc ứng xử với dòng vốn nước ngoài tiếp tục được thực hiện bài bản. Chính sách tài khóa đã có sự phối hợp tích cực hơn với chính sách tiền tệ, trên nền tảng NSNN được cơ cấu lại theo hướng bền vững hơn. Việc điều chỉnh giá cả các mặt hàng (đặc biệt là giá điện) được lưu tâm, giải trình thường xuyên hơn, kể cả đi kèm với thanh tra, kiểm tra.

***Nội dung kiến nghị số 2 :***

- Hiện nay, khởi nghiệp, đặc biệt là khởi nghiệp sáng tạo được Đảng, Chính phủ đặc biệt quan tâm. Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) đã xác định hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo là một trong những đối tượng trọng tâm hỗ trợ trong thời gian tới. Các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật có liên quan đến khởi nghiệp đã được ban hành gồm: Nghị định 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 quy định chi tiết về đầu tư cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, Nghị định 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật hỗ trợ DNNVV, Nghị định 39/2019/NĐ-CP ngày 10/5/2019 về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển DNNVV. Ở cấp địa phương, căn cứ Luật hỗ trợ DNNVV, nhiều địa phương đã xây dựng các Đề án hỗ trợ khởi nghiệp như Hà Nội, Hà Tĩnh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Thừa Thiên - Huế...

- Để hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã trình Thủ tướng Chính phủ Đề án thành lập Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia và xây dựng Nghị định về cơ chế, chính sách ưu đãi và khuyến khích đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia với mục tiêu Trung tâm là nơi kết nối, ươm tạo, phát triển những công nghệ, ý tưởng đổi mới sáng tạo, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp hoàn chỉnh cho Việt Nam.

- Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp tục triển khai có hiệu quả Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025.

- Các chương trình hỗ trợ Thanh niên khởi nghiệp đang được nhiều Bộ, địa phương tổ chức hỗ trợ, triển khai quyết liệt. Một số chương trình tiêu biểu như: Chương trình Thanh niên khởi nghiệp giai đoạn 2016 - 2021 và Ngày hội thanh niên khởi nghiệp do Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phát động, Chương trình tập huấn hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp của tỉnh đoàn Vĩnh Phúc, Chương trình tín dụng ưu đãi hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp tỉnh Thanh Hóa, Chương trình hỗ trợ Thanh niên khởi nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu... Mục tiêu của các chương trình này nhằm thúc đẩy, hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; khơi gợi tinh thần khởi nghiệp cho thanh niên, sinh viên; hỗ trợ huy động các nguồn lực giúp thanh niên khởi nghiệp thuận lợi.

**Câu 2:** ***Cử tri Bình Định kiến nghị “Cử tri đánh giá cao sự điều hành quyết liệt và sát sao của Chính phủ, sự chủ động, nỗ lực, phối hợp hiệu quả của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp, các tầng lớp Nhân dân về những kết quả đạt được của năm 2018 và những tháng đầu năm 2019. Tuy nhiên, cử tri kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các thành viên Chính phủ tiếp tục đưa ra được các giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế, nhất là có những giải pháp đẩy nhanh tiến độ các dự án, công trình trọng điểm quốc gia, phát triển hạ tầng giao thông, giảm ùn tắc giao thông ở các thành phố lớn, vùng kinh tế trọng điểm; tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, khơi dậy tinh thần sáng tạo, khởi nghiệp, khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, hợp tác xã kiểu mới trở thành những động lực quan trọng của nền kinh tế; tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh cho nông dân, ngư dân, doanh nghiệp; tăng cường phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đẩy mạnh cải cách hành chính, tư pháp, quan tâm, giải quyết kịp thời các vấn đề bức xúc trong xã hội.***

***Cử tri kiến nghị tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế và cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực quản lý; triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết số 01/NQ-CP và 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ, Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ. Chú trọng nâng cao hơn nữa chất lượng thể chế, chính sách; tiếp tục quyết liệt cắt giảm thực chất các thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh không cần thiết, gây phiền hà cho doanh nghiệp, bảo đảm tiến độ đã đề ra, không để lợi ích nhóm chi phối; Tăng cường phối hợp, không để xảy ra tình trạng chồng lấn, chồng chéo trong thanh tra, kiểm tra; Cải thiện mạnh mẽ hơn nữa môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển.***

 ***Cử tri kiến nghị Chính phủ chỉ đạo các cơ quan khẩn trương xây dựng và ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thực hiện các luật, pháp lệnh mới có hiệu lực thi hành, nhất là các văn bản hướng dẫn thi hành Luật An ninh mạng; Luật sửa đổi, bổ sung 37 luật liên quan đến quy hoạch...”***

**Trả lời**

***Nội dung kiến nghị số 1:***

Phát huy các thành tích đã đạt được trong năm 2018, Chính phủ đã tiếp tục chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp về ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển sản xuất,.. tại các Nghị quyết và Chỉ thị sau: Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021; Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 19/02/2019 về tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2019-2021; Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 01/4/2019 về các giải pháp tập trung tháo gỡ cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng 6 tháng và cả năm 2019; Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tham nhũng. Tại báo cáo số 6290/BC-BKHĐT ngày 03/9/2019 về, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổng hợp và báo cáo Chính phủ về Tình hình kinh tế - xã hội năm 2019 và dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, trong đó tiếp tục đưa ra các giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế như cử tri đã nêu, một số đề xuất cử tri đề cập như:

1. Những giải pháp đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án, công trình trọng điểm quốc gia, phát triến hạ tầng giao thông, giảm ùn tắc giao thông ở các thành phố lớn, vùng kinh tế trọng điểm. Sau 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XI về “Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020”, Ban Cán sự đảng Chính phủ đã tổ chức Sơ kết 05 năm thực hiện nhằm đánh giá tình hình và kết quả đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trong đó làm rõ những thành tựu, hạn chế, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và đề xuất nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW. Kết quả Sơ kết đã được trình Bộ Chính trị. Ngày 30/3/2019, Bộ Chính trị đã có ý kiến Kết luận về tình hình thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW tại Thông báo số 53-TB/TW.

Theo đó, Bộ Chính trị đã đánh giá: Kết cấu hạ tầng đã có những bước tiến rõ rệt, góp phần quan trọng thúc đấy kinh tế - xã hội nước ta phát triến, củng cố quốc phòng, an ninh. Nhiều dự án, công trình kết cấu hạ tầng được tập trung đầu tư, nhất là trong lĩnh vực giao thông đường bộ, hàng không, cấp điện, hạ tầng thông tin và truyền thông, một số công trình mới xây dựng đã tiếp cận được trình độ công nghệ tiên tiến của khu vực và thế giới. Bước đầu đã huy động được nguồn lực xã hội ngoài ngân sách nhà nước đế đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng. Song việc phát triến kết cấu hạ tầng vẫn còn những hạn chế như:

- Một số văn bản quy phạm pháp luật còn ban hành chậm, thiếu đồng bộ, chồng chéo, mâu thuẫn, chưa xử lý được những vấn đề bức xúc mà thực tiễn đặt ra, nhất là trong lĩnh vực đất đai, giải phóng mặt bằng, đầu tư, đấu thầu, huy động nguôn lực...

- Công tác quy hoạch còn thiếu tầm nhìn, thiếu tính đồng bộ, tính liên kết, chưa tuân theo nguyên tắc thị trường trong tố chức thực hiện..., dẫn đến việc phân bổ không gian kinh tế - xã hội chưa phát huy hết thế mạnh đặc trưng của vùng, tiểu vùng.

- Huy động và sử dụng nguồn lực mới chủ yếu tập trung vào nguồn lực công, vẫn còn tình trạng phân tán, dàn trải trong phân bổ ngân sách; luật pháp và chính sách thu hút những nguồn lực khác chưa đủ sức hấp dẫn, thiếu minh bạch, chứa đựng nhiều rủi ro; chưa có giải pháp thích hợp, hiệu quả để khai thác nguồn lực từ đất đai theo nguyên tắc của kinh tế thị trường.

- Việc chỉ đạo điều hành còn nhiều bất cập, chưa quyết liệt trong việc giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện dẫn đến một số công trình chậm tiến độ, kéo dài thời gian. Bộ Chính trị cũng xác định phát triển đồng bộ và hiện đại kết cấu hạ tầng là nhiệm vụ lâu dài, cần phải có lộ trình phù hợp với sự phát triển chung của toàn nền kinh tế. Trong thời gian tới, tiếp tục xác định phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ là một trong những đột phá chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước giai đoạn 2021-2030, nhằm hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, khắc phục điểm nghẽn để phát triến kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

\* Khắc phục những hạn chế, khó khăn trong phát triển kết cấu hạ tầng và thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị tại Thông báo số 53-TB/TW, Chính phủ đã dự thảo Nghị quyết để tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, trong đó xác định những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu như sau: (1). Khẩn trương xây dựng và hoàn thành các nhiệm vụ của các ngành và địa phương đã đuực phân công tại Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/6/2012 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 13- NQ/TW. Các Bộ, ngành và địa phương tiếp tục chỉ đạo quyết liệt, sớm hoàn thành các công trình dự án quan trọng quốc gia, các dự án có sức lan tỏa, tạo nền tảng tiếp cận, nắm bắt cơ hội Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, hạ tầng kinh tế số. (2). Tiếp tục hoàn thành nghiên cứu, xây dựng và trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến và thông qua Luật Quản lý phát triển đô thị, Luật Đầu tư theo hỉnh thức đối tác công - tư (PPP)...; Tập trung hoàn thiện dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp, Luật Đất đai... đảm bảo chất lượng, tiến độ trình Chính phủ, Quốc hội; Rà soát, hoàn thiện văn bản hướng dẫn các Luật liên quan. (3). Thực hiện các giải pháp quyết liệt, đặc biệt các giải pháp về cơ chế, chính sách và huy động nguồn lực nhằm tập trung đầu tư xây dựng, tạo bước đột phá về hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước theo các mục tiêu Nghị quyết số 13-NQ/TW đề ra. Phát triển kết cấu hạ tầng gắn với nhiệm vụ bảo vệ môi trường, ứng phộ với biến đổi khí hậu và đảm bảo quốc phòng, an ninh. Tập trung hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đế phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là trong lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư, đấu thầu, bảo đảm sự hài hoà lợi ích giữa nhà nước, nhà đầu tư và người sử dụng kết cấu hạ tầng. Thực hiện giải pháp công khai, minh bạch thông tin và xây dựng cơ chế giám sát để các tầng lớp nhân dân tham gia giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ của các Bộ, ngành, địa phương. Tập trung huy động nguồn lực đầu tư từ khu vực ngoài nhà nước tham gia đầu tư phát trien kết cấu hạ tầng, đặc biệt là triển khai các biện pháp thu hút đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) trên cơ sở bảo đảm hiệu quả đầu tư, cân bằng lợi ích của các chủ thế. Nguồn lực từ ngân sách nhà nước tập trung đầu tư các công trình, dự án liên quan đến quốc phòng, an ninh hoặc các công trình, dự án không kêu gọi, thu hút được các nhà đầu tư... Đồng thời, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ tài sản công (theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công) tạo vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng. (4). Các ngành, lĩnh vực và các địa phương tập trung rà soát, xây dựng danh mục các công trình dự án kết cấu hạ tầng để tập trung ưu tiên đầu tư, bao gồm danh mục thu hút đầu tư từ khu vực ngoài nhà nước. Tiếp tục tập trung nguồn lực, đầu tư có trọng điếm, cấp bách và hoàn thành dút điếm các công trình, dự án dở dang. (5). Nghiên cứu đề án xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ giai đoạn 2021-2030 theo tinh thần Nghị quyết số 13-NQ/TW nhằm xác định những nhiệm vụ trọng tâm đảm bảo phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. (6). Căn cứ Luật Quy hoạch và các văn bản hướng dẫn được ban hành, tập trung lập quy hoạch các ngành, lĩnh vực kết cấu hạ tầng giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đên năm 2045, đảm bảo cân đối nguồn lực, khả thi và hiệu quả công trình, dự án kết cấu hạ tầng.

2. Về tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, khơi dậy tinh thần sáng tạo, khởi nghiệp, khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển.

2.1 Về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển Trong năm 2019, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng, hoàn thiện trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 02/NQ-CP về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021. Đây là Nghị quyết quan trọng, có ý nghĩa then chốt tác động đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, góp phần thúc đẩy tăng trưởng của nền kinh tế. Việc triển khai Nghị quyết trong thời gian qua đã tạo sự chuyển biến đáng kể trong việc cải thiện môi trường kinh doanh. Ngoài ra, các Bộ, ngành và địa phương tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, được giao tại Nghị quyết số 35/NQ-CP, Chỉ thị số 26/CT-TTg, Chỉ thị số 07/CT-TTg để đẩy mạnh hỗ trợ phát triển DN đến năm 2020; Chị thị số 20/CT-TTg về chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với DN. Về triển khai Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV): Sau hơn 01 năm triển khai Luật Hỗ trợ DNNVV một số địa phương đã rất chủ động xây dựng đề án, kế hoạch, chương trình hỗ trợ DNNVV. Tính đến ngày 15/08/2019, có 50 địa phương đã và đang xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án hỗ trợ DNNVV, hỗ trợ doanh nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp, trong đó có nhiều địa phương đã chủ động bố trí ngân sách để triển khai các hoạt động hỗ trợ DNNVV trên địa bàn.

2.2 Về hỗ trợ khởi nghiệp: Hiện nay, khởi nghiệp, đặc biệt là khởi nghiệp sáng tạo được Đảng, Chính phủ đặc biệt quan tâm. Luật Hỗ trợ DNNVV đã xác định hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo là một trong những đối tượng trọng tâm hỗ trợ trong thời gian tới. Các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật có liên quan đến khởi nghiệp đã được ban hành gồm: Nghị định 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 quy định chi tiết về đầu tư cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, Nghị định 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật hỗ trợ DNNVV, Nghị định 39/2019/NĐ-CP ngày 10/5/2019 về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển DNNVV. Ở cấp địa phương, căn cứ Luật hỗ trợ DNNVV, nhiều địa phương đã xây dựng các Đề án hỗ trợ khởi nghiệp như Hà Nội, Hà Tĩnh, Bà Rịa-Vũng Tàu, Thừa Thiên-Huế... Để hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã trình Thủ tướng Chính phủ Đề án thành lập Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia và xây dựng Nghị định về cơ chế, chính sách ưu đãi và khuyến khích đối với Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia với mục tiêu Trung tâm là nơi kết nối, ươm tạo, phát triển những công nghệ, ý tưởng đổi mới sáng tạo, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp hoàn chỉnh cho Việt Nam. Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp tục triển khai có hiệu quả Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025. Các chương trình hỗ trợ Thanh niên khởi nghiệp đang được nhiều Bộ, địa phương tổ chức hỗ trợ, triển khai quyết liệt. Một số chương trình tiêu biểu như: Chương trình Thanh niên khởi nghiệp giai đoạn 2016-2021 và Ngày hội thanh niên khởi nghiệp do Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phát động, Chương trình tập huấn hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp của tỉnh đoàn Vĩnh Phúc, Chương trình tín dụng ưu đãi hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp tỉnh Thanh Hóa, Chương trình hỗ trợ Thanh niên khởi nghiệp tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu... Mục tiêu của các chương trình này nhằm thúc đẩy, hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; khơi gợi tinh thần khởi nghiệp cho thanh niên, sinh viên; hỗ trợ huy động các nguồn lực giúp thanh niên khởi nghiệp thuận lợi. Kiến nghị đoàn Hải phòng mục số 19: về chính sách hỗ trợ cụ thể để phát triển doanh nghiệp tư nhân, DNNVV sản xuất các mặt hàng phụ trợ, các linh kiện của ngành may mặc, giày da, ngành sản xuất xe máy, ô tô… và đề nghị Chính phủ đẩy mạnh ngoại giao về kinh tế để giúp doanh nghiệp nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý và nguồn nhân lực chất lượng cao.

2.3. Về hỗ trợ doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ: Luật Hỗ trợ DNNVV đã quy định hỗ trợ DNNVV tham gia chuỗi liên kết ngành, cụm giá trị là một trong ba nội dung hỗ trợ trọng tâm, theo đó các DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến được nhà nước hỗ trợ về: Đào tạo chuyên sâu về công nghệ, kỹ thuật sản xuất; Phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường; sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm… Bên cạnh đó, Bộ Công Thương hiện đang tích cực là đầu mối triển khai chương trình phát triển Công nghiệp hỗ trợ đến năm 2025 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại QĐ 68/QĐ-TTg ngày 18/01/2017) với mục tiêu đến năm 2025, sản phẩm công nghiệp hỗ trợ đáp ứng được 65% nhu cầu sản xuất nội địa.

2.4. Về chính sách đào tạo nhân lực chất lượng cao cho doanh nghiệp: Trong năm 2019, chương trình hỗ trợ đào tạo DNNVV do Bộ KH&ĐT chủ trì tập trung vào các vấn đề cụ thể sau: Các Bộ (Bộ KH&ĐT, Công Thương, NN&PTNT, Thông tin Truyền thông, Khoa học Công nghệ và Giáo dục đào tạo) đã tập trung đào tạo các ngành/lĩnh vực ưu tiên bao gồm công nghiệp dệt may, da giày, thời trang, công nghệ cao, điện tử, tin học, công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí… Ưu tiên đào tạo quản trị cho các DNNVV bám theo chuỗi cụm liên kết ngành, công nghiệp hỗ trợ. Tổ chức đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp sản xuất, chế biến. Tổ chức các khoá đào tạo quản trị kinh doanh chuyên sâu và đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp sản xuất, chế biến cho doanh nghiệp và có thể tổ chức đào tạo tại nước ngoài tuỳ thuộc vào định hướng hỗ trợ, nhu cầu của doanh nghiệp và cân đối ngân sách.

3. Lĩnh vực hợp tác xã Để hợp tác xã tiếp tục phát triển, trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế, trong 6 tháng cuối năm 2019, các Bộ, ngành, địa phương cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau đây: (1) Khẩn trương tổ chức Hội nghị tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, khóa IX về kinh tế tập thể (theo Quyết định số 212/QĐ-TTg ngày 20/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ). (2) Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ đã được Thủ tướng Chính phủ phân công tại Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/5/2018 về tiếp tục tăng cường công tác triển khai thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012. (3) Tiếp tục triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật về hợp tác xã: Các bộ, ngành, địa phương cần tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến về hợp tác xã với nhiều hình thức phù hợp, nội dung đa dạng, để nâng cao nhận thức, vai trò, lợi ích thiết thực của hợp tác xã kiểu mới. (4) Tập trung xây dựng một số mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thí điểm hoạt động hiệu quả, thu hút được số đông người dân tham gia theo cụm liên kết ngành, tạo chuỗi giá trị bền vững cho các sản phẩm nông nghiệp chủ lực có quy mô lớn, có sức lan tỏa tại các vùng, miền trên địa bàn cả nước; các hợp tác xã dịch vụ cộng đồng theo địa bàn xã thực hiện một số tiêu chí của nông thôn mới. Đẩy mạnh triển khai Quyết định số 461/QĐ-TTg ngày 27/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển 15.000 hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đến năm 2020. (5) Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể theo Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nội vụ; nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước các cấp về kinh tế tập thể, hợp tác xã để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về hợp tác xã. (6) Các địa phương tập trung rà soát tình hình hoạt động của các hợp tác xã, kiên quyết giải thể các hợp tác xã đã ngừng hoạt động lâu năm, tồn tại hình thức.

4. Về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giải quyết khiếu nại, tố cáo có các giải pháp cụ thể:

4.1. Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng Nhà nước kiến tạo, Chính phủ điện tử, liêm chính, hành động, phục vụ; xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, năng động, hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục thực hiện việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

4.2. Tiếp tục đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức, chính sách tiền lương; đẩy mạnh cải cách quản lý biên chế và tinh giản biên chế; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu và của cán bộ công chức, viên chức. Tiếp tục cải cách và triển khai trên diện rộng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công. Thực hiện cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm.

4.3. Tiếp tục cắt giảm thực chất thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, danh mục sản phẩm, hàng hóa phải kiểm tra chuyên ngành, kiểm soát chặt chẽ thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh. Chú trọng kiểm soát việc quy định các thủ tục hành chính mới. Đổi mới mạnh mẽ phương thức, lề lối làm việc của cơ quan hành chính nhà nước, nhất là trong việc giải quyết thủ tục hành chính.

4.4. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, cung cấp dịch vụ công và đẩy mạnh xây dựng Chính phủ điện tử, thúc đẩy xử lý, hồ sơ công việc trên môi trường mạng hướng tới cơ quan nhà nước “không giấy tờ”, tăng cường kết nối, liên thông giữa các cơ quan hành chính nhà nước với các tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp và các doanh nghiệp. Tiếp tục hoàn thiện các hệ thống thông tin một cửa điện tử, cổng dịch vụ công các cấp kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia; tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ hành chính công của những đối tượng khó khăn đặc thù (tuổi cao, hộ nghèo, dân tộc thiểu số, vùng cao, vùng sâu, vùng xa).

4.5. Tăng cường hiện đại hóa nền tư pháp. Nâng cao hiệu quả và rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp, thi hành án trong lĩnh vực dân sự, kinh doanh, thương mại và đầu tư, bảo vệ người tiêu dùng.

4.6. Triển khai đồng bộ, hiệu quả Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018, chú trọng nâng cao vai trò của nhân dân, tổ chức chính trị, doanh nghiệp, báo chí trong phòng chống tham nhũng và hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng. Thực hiện nghiêm quy định của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013 và các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nhất là quy định về kê khai, kiểm soát kê khai tài sản, thu nhập của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhất là chế độ tiếp công dân của thủ trưởng đơn vị; kịp thời giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài góp phần ổn định an ninh chính trị - xã hội, phục vụ đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

***Nội dung kiến nghị số 2:***

1. Về đề nghị tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh

1.1. Triển khai tích cực đề án cơ cấu lại các ngành công nghiệp; tiếp tục phát triển sản xuất công nghiệp theo chiều sâu để từng bước tạo ra những sản phẩm có thương hiệu quốc gia và có sức cạnh tranh trên thị trường khu vực và thế giới, tham gia sâu hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng các ngành chế biến, chế tạo và giảm tỷ trọng gia công, lắp ráp đối với các sản phẩm công nghiệp được sản xuất ở Việt Nam. Thúc đẩy phát triển một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế và còn dư địa lớn tạo tác động lan tỏa cho toàn ngành công nghiệp, như công nghệ thông tin và viễn thông, công nghiệp điện tử, công nghiệp sản xuất robot, ô tô, thiết bị tích hợp vận hành tự động, điều khiển từ xa, công nghiệp sản xuất phần mềm, sản phẩm số, công nghiệp an toàn thông tin, công nghiệp dược phẩm, sản xuất chế phẩm sinh học, công nghiệp môi trường, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, năng lượng mới, công nghiệp chế biến sâu đối với sản phẩm nông lâm, thủy sản và vật liệu mới đi đôi với áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu; cơ cấu lại các nguồn năng lượng, bảo đảm cho nhu cầu phát triển của đất nước trong dài hạn theo hướng bền vững và khuyến khích sự tham gia mạnh mẽ của khu vực kinh tế ngoài nhà nước. Phát triển công nghiệp hỗ trợ để tăng tỷ lệ nội địa hóa của sản phẩm. Triển khai thực hiện hiệu quả các đề án hỗ trợ ngành công nghiệp hỗ trợ theo Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ đã phê duyệt trong một số ngành trọng điểm như: công nghiệp ô tô, điện tử, dệt may và da giày. Tăng cường kết nối và hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước tham gia được vào chuỗi cung ứng cho các doanh nghiệp và các dự án có vốn đầu tư nước ngoài nhằm khai thác hiệu quả quá trình hội nhập.

1.2. Thúc đẩy phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; khuyến khích, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, hữu cơ. Tiếp tục thực hiện quyết liệt cơ cấu lại nông nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và xây dựng nông thôn mới theo 3 trục sản phẩm chủ lực (Nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia; Nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh; Nhóm sản phẩm chủ lực địa phương, theo mô hình “Mỗi xã một sản phẩm”); tổ chức lại sản xuất, xây dựng và phát triển vùng chuyên canh hàng hóa chất lượng cao, quy mô lớn đạt tiêu chuẩn phổ biến về an toàn thực phẩm; nhân rộng mô hình "Liên kết 4 nhà" trong sản xuất nông nghiệp. Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu từng vùng, miền; sử dụng linh hoạt diện tích đất trồng lúa, để vừa đảm bảo an ninh lương thực, vừa nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tăng thu nhập cho nông dân; tiếp tục hướng dẫn chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang các cây trồng khác có thị trường và thu nhập cao hơn, trọng tâm là chuyển sang trồng rau đậu, cây ăn quả và nuôi trồng thủy sản, cây công nghiệp và dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp, nông thôn. Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành chăn nuôi, chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng tăng tỷ trọng gia cầm và gia súc lớn, tạo sản phẩm an toàn; gia tăng xuất khẩu một số sản phẩm chăn nuôi có tiềm năng. Phát triển chăn nuôi theo quy mô trang trại, duy trì chăn nuôi nông hộ nhưng theo hình thức hữu cơ truyền thống; tiếp tục mở rộng chăn nuôi áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt VietGAP; khuyến khích tổ chức sản xuất khép kín, liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị để cắt giảm chi phí, tăng hiệu quả và giá trị gia tăng. Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững và Đề án cơ cấu lại lĩnh vực thủy sản; phát triển đồng bộ, toàn diện cả khai thác và nuôi trồng; nâng cao hiệu quả khai thác biển. Đồng thời, đáp ứng tiêu chuẩn, quy định của quốc tế về nuôi trồng và đánh bắt hải sản; tham gia bảo vệ chủ quyền biển đảo; nhất là việc hướng dẫn, quản lý việc đánh bắt hải sản theo đúng các quy định ở trong nước và phù hợp với quốc tế; thúc đẩy xuất khẩu thủy sản. Đa dạng hóa mô hình, chủng loại thủy sản nuôi trồng, tập trung vào loại có lợi thế xuất khẩu. Bảo vệ, phát triển và sử dụng hiệu quả, bền vững diện tích rừng hiện có, góp phần đáp ứng các yêu cầu về môi trường cho quá trình phát triển của đất nước, giảm nhẹ thiên tai, tăng khả năng sinh thuỷ, điều hoà nguồn nước, bảo tồn nguồn gen và tính đa dạng sinh học. Nâng cao năng suất, chất lượng và phát huy giá trị của từng loại rừng; đảm bảo cung cấp phần lớn gỗ nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ, sản xuất giấy. Tăng cường công tác phòng, chống cháy rừng, ngăn chặn xử lý hiệu quả vi phạm về bảo vệ và phát triển rừng. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo hướng tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả, ưu tiên hỗ trợ vùng khó khăn, phấn đấu cả nước có tối thiểu 58% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

1.3. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ, ưu tiên những ngành có lợi thế, có hàm lượng tri thức, công nghệ và giá trị gia tăng cao. Nâng cao chất lượng các dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm và các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh. Tiếp tục thực hiện các chính sách phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn. Phát triển dịch vụ logistics nhằm hỗ trợ, kết nối và thúc đẩy phát triển hoạt động thương mại, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam.

1.4. Tiếp tục triển khai tích cực các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao năng lực thiết kế, thi công xây lắp, quản trị, quản lý xây dựng đạt trình độ tiên tiến, hiện đại, từng bước mở rộng sự tham gia của các doanh nghiệp xây dựng Việt Nam ở nước ngoài. Chú trọng đầu tư cải tạo, hiện đại hoá các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng hiện có, loại bỏ dần công nghệ lạc hậu, tiêu tốn nhiều nguyên, nhiên liệu, không đáp ứng được các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường, đáp ứng nhu cầu trong nước về vật liệu xây dựng, tăng cường xuất khẩu các sản phẩm vật liệu xây dựng cao cấp, phát triển các vật liệu xây dựng mới.

1.5. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện thể chế và hệ thống pháp lý về vùng; nghiên cứu hệ thống luật pháp quy định về chính quyền địa phương cần phù hợp để hoàn thiện thể chế vùng. Tăng cường hợp tác giữa các địa phương trong vùng để phát huy lợi thế cạnh tranh và khắc phục tồn tại, khó khăn, vướng mắc trong phát triển. Nghiên cứu, ban hành quy chế phối hợp điều hành các vùng, liên vùng. Nâng cao chất lượng quy hoạch vùng theo hướng tích hợp, đa ngành và triển khai thực hiện hiệu quả. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù thúc đẩy phát triển vùng và liên kết vùng. Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng một số đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt để tạo cực tăng trưởng và thử nghiệm thể chế phát triển vùng có tính đột phá. Nghiên cứu, xây dựng giải pháp phát huy vai trò các mô hình khu kinh tế, khu công nghiệp sinh thái ven biển gắn với hình thành và phát triển các trung tâm kinh tế biển mạnh.

2. Về đề nghị Chính phủ chú trọng nâng cao hơn nữa chất lượng thể chế, chính sách; tiếp tục quyết liệt cắt giảm thực chất các thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh không cần thiết, gây phiền hà cho doanh nghiệp, bảo đảm tiến độ đã đề ra, không để lợi ích nhóm chi phối; cải thiện mạnh mẽ hơn nữa môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã trả lời kiến nghị cử tri tỉnh Bình Định tại văn bản số 6163/BKHĐT-TH ngày 29/8/2019 về trả lời kiến nghị cử tri theo công văn số 6254/VPCP-QHĐP ngày 13/7/2019 do Văn phòng Chính phủ chuyển đến. 3. Về tăng cường phối hợp, không để xảy ra tình trạng chồng lấn, chồng chéo trong thanh tra, kiểm tra. Trong thời gian qua tình trạng chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán gây ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân là đối tượng thanh tra, kiểm toán. Thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ và Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, Thanh tra Chính phủ đã và đang chỉ đạo các cơ quan thanh tra tăng cường kiểm tra, rà soát nhằm phát hiện và xử lý kịp thời chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung thanh tra. Việc phối hợp xử lý chồng chéo trong hoạt động thanh tra tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư được thực hiện nghiêm túc, giao Thanh tra Bộ làm đầu mối, chủ trì xử lý chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm toán với Thanh tra Chính phủ, Thanh tra các Bộ, ngành, địa phương, Kiểm toán Nhà nước. Việc xử lý chồng chéo trong hoạt động thanh tra được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2014/TT-TTCP ngày 23/4/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định việc xây dựng, phê duyệt định hướng thanh tra, kế hoạch thanh tra. Trong quá trình xây dựng kế hoạch thanh tra hàng năm, Thanh tra Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ động phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Thanh tra các Bộ, ngành: Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và PTNT... tổ chức họp để thống nhất các nội dung, đối tượng, phạm vi, thời gian thanh tra của từng đơn vị không để xảy ra chồng chéo. Trong quá trình thực hiện kế hoạch thanh tra, Thanh tra Bộ thường xuyên rà soát, kiểm tra, trường hợp phát hiện chồng chéo thì chủ động làm việc với cơ quan thanh tra, kiểm toán để thống nhất chỉ để một đơn vị triển khai. Trường hợp phát hiện Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Bộ, ngành khác, Kiểm toán Nhà nước đã thanh tra, kiểm toán thì điều chỉnh kế hoạch theo hướng không tiến hành cuộc thanh tra bị chồng chéo và sử dụng kết quả của cơ quan Thanh tra đã thanh tra, cơ quan Kiểm toán đã kiểm toán để làm căn cứ đánh giá việc tuân thủ chính sách, pháp luật của đối tượng thanh tra.

***Nội dung kiến nghị số 3:***

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch. Cùng với các Luật có liên quan đến quy hoạch (Luật số 28/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch và Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch) đã đảm bảo đầy đủ hệ thống quy định pháp luật để triển khai thực hiện quy hoạch theo quy định của Luât Quy hoạch. Việc ban hành Nghị định hướng dẫn chi tiết thi hành các nội dung tại Luật số 28/2018/QH14; Luật số 35/2018/QH14 do các Bộ, ngành quản lý chuyên ngành nghiên cứu triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật hiên hành.

**BỘ CÔNG AN**

**Câu 1:** ***Cử tri đề nghị nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung những hạn chế, bất cập của Luật Phòng cháy, chữa cháy theo hướng quy định cụ thể hơn về chế độ, chính sách cho lực lượng phòng cháy, chữa cháy chuyên trách và nhất là đối với lực lượng dân phòng và lực lượng phòng cháy, chữa cháy cơ sở.***

**Trả lời**:

Sau khi Quốc hội thông qua Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy đã tạo hành lang pháp lý quan trọng cho công tác quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện phát sinh một số những khó khăn, bất cập, một số quy định chưa phù hợp với tình hình thực tế. Tiếp thu kiến nghị của cử tri, Bộ Công an sẽ chỉ đạo các đơn vị chức năng nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét đưa vào chương trình xây dựng Luật của Quốc hội trong thời gian tới, bảo đảm công tác quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy đạt hiệu quả cao nhất.

**Câu 2:** ***Cử tri kiến nghị Bộ Công an chủ động nắm chắc tình hình, phát hiện, triển khai các biện pháp mạnh ngăn chặn và xử lý có hiệu quả tội phạm ma túy, tai nạn giao thông, hoạt động “tín dụng đen”, siết nợ, đòi nợ thuê, cho vay lãi nặng. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành chức năng và các địa phương tiếp tục tăng cường chỉ đạo kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về phòng cháy, chữa cháy.***

**Trả lời:**

Bộ Công an ghi nhận sự quan tâm theo dõi tình hình an ninh, trật tự của cử tri và chia sẻ về lo lắng, băn khoăn của cử tri trước diễn biến của tội phạm ma túy, hoạt động “tín dụng đen”, siết nợ, đòi nợ thuê, cho vay lãi nặng, tình hình tai nạn giao thông, công tác phòng cháy, chữa cháy. Để cử tri có thêm thông tin về tình hình, kết quả công tác bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật, Bộ Công an trả lời như sau: Trong những năm qua, lực lượng Công an nhân dân đã tham mưu với cấp ủy, chính quyền các cấp chỉ đạo, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong công tác phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật, liên tục triển khai nhiều cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, các chương trình, kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, đấu tranh, kiềm chế sự gia tăng tội phạm, góp phần giữ vững an ninh, trật tự, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Riêng 6 tháng đầu năm 2019 phạm pháp hình sự giảm 0,99% số vụ; triệt phá hàng trăm băng, nhóm tội phạm hoạt động liên quan đến “tín dụng đen”, khởi tố điều tra 436 vụ, 766 bị can về các tội danh liên quan, bước đầu làm giảm phức tạp của tình hình “tín dụng đen”; ma túy được phát hiện, triệt phá nhiều hơn 6,33% số vụ, 213,04% số kg ma túy tổng hợp thu giữ...; tai nạn giao thông giảm cả 03 tiêu chí (6,68% về số vụ, 0,28% về số người chết, 13,14% về số người bị thương). Tuy nhiên, tình hình tội phạm, vi phạm pháp luật còn diễn biến phức tạp, xảy ra nhiều vụ tai nạn giao thông, cháy, nổ nghiêm trọng. Tiếp thu ý kiến cử tri, thời gian tới, Bộ Công an sẽ tiếp tục chỉ đạo Công an các đơn vị, địa phương thực hiện quyết liệt các giải pháp ngăn chặn các vấn đề trên, xử lý nghiêm khắc các hành vi vi phạm, tập trung những giải pháp trọng tâm sau: (1) Triển khai đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ nắm chắc và kiểm soát tình hình. Điều chỉnh, bố trí lực lượng Công an theo hướng tăng cường cho lực lượng trực tiếp chiến đấu, hướng mạnh về cơ sở, kịp thời thực hiện công tác nắm địa bàn, nắm hộ, nắm người, giải quyết tình hình an ninh, trật tự tại cơ sở ngay từ khi mới phát sinh, hạn chế không để trở thành các vụ án, vụ việc nghiêm trọng, phức tạp. (2) Triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 25/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động “tín dụng đen”. Chủ động tham mưu với cấp ủy, chính quyền các cấp huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân tự giác, tích cực tham gia thực hiện có hiệu quả chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đấu tranh phòng, chống tội phạm, đặc biệt là phòng ngừa xã hội tội phạm. Phối hợp với các ngành, đoàn thể tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức pháp luật trong nhân dân, kết hợp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, gia đình, trường học, khu dân cư văn hóa, an ninh, an toàn, các mô hình tự quản về an ninh, trật tự. (3) Thường xuyên mở các cao điểm tấn công, trấn áp, truy nã tội phạm, nhất là các băng nhóm tội phạm nguy hiểm, tội phạm sử dụng vũ khí gây án, tội phạm hoạt động liên quan “bảo kê”, “tín dụng đen”, siết nợ, đòi nợ thuê, cho vay lãi nặng, tội phạm ma túy... Tiếp nhận đầy đủ, giải quyết kịp thời, đúng pháp luật tố giác, tin báo về tội phạm; duy trì các đường dây “nóng”, hòm thư tố giác tội phạm; nâng cao hiệu quả điều tra, xử lý các vụ án, không để xảy ra oan sai, không bỏ lọt tội phạm; tập trung điều tra làm rõ các vụ án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng gây bức xúc dư luận, phối hợp Viện kiểm sát, Tòa án đưa ra xét xử nghiêm minh nhằm răn đe, phòng ngừa chung. (4) Tăng cường phối hợp giữa các lực lượng, nhất là Công an, Hải quan, Biên phòng, Cảnh sát biển trong đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy ở khu vực biên giới, cửa khẩu và trên biển. Tập trung đấu tranh, triệt phá các đường dây ma túy lớn liên tuyến, liên tỉnh, xuyên quốc gia, các tụ điểm mua bán và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, chuyển hóa địa bàn trọng điểm, phức tạp về ma túy; phối hợp rà soát, phân loại người nghiện đề xuất đưa đi cai nghiện bắt buộc. (5) Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, nhất là quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự (các cơ sở kinh doanh tài chính, cầm đồ, cơ sở kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài; casino; dịch vụ karaoke, vũ trường; dịch vụ lưu trú...); quản lý cư trú, người nước ngoài. Tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trật tự, an toàn giao thông, nhất là các hành vi trực tiếp gây tai nạn giao thông như chở khách, chở hàng quá trọng tải, quá khổ giới hạn; chạy quá tốc độ; sử dụng ma túy, rượu bia điều khiển phương tiện giao thông; lấn chiếm lòng đường, vỉa hè… Phối hợp các ngành chức năng tăng cường kiểm tra, rà soát, đánh giá, điều tra cơ bản điều kiện an toàn phòng cháy, chữa cháy đối với các cơ sở thuộc diện quản lý về phòng cháy, chữa cháy, nhất là các công trình công cộng, trung tâm thương mại, nhà cao tầng, cơ sở karaoke, kinh doanh xăng dầu, các loại hóa chất dễ cháy, nổ... công khai danh sách các cơ sở mất an toàn về phòng cháy, chữa cháy và kiên quyết xử lý các cơ sở vi phạm. (6) Rà soát, xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật, kịp thời đề xuất Quốc hội, Chính phủ sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản quy phạm pháp luật tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo hành lang pháp lý cần thiết, góp phần xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm. Hiện nay, Bộ Công an đang chủ trì xây dựng dự thảo Luật Trật tự giao thông đường bộ; sửa đổi, bổ sung Luật Phòng, chống ma túy; Nghị định số 167/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng cháy và chữa cháy, phòng chống bạo lực gia đình, trong đó quy định cụ thể các hành vi cho vay với lãi suất vượt quá quy định tại Bộ luật Dân sự nhưng chưa đến mức xử lý hình sự, quy định xử lý hành chính hành vi cho vay tín chấp; phối hợp các Bộ, ngành, địa phương đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Xử lý vi phạm hành chính; Luật Đầu tư theo hướng đưa “ngành nghề đầu tư kinh doanh dịch vụ đòi nợ” vào Danh mục ngành nghề cấm đầu tư kinh doanh; hướng dẫn xử lý tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự...

**Câu 3:** ***Cử tri đánh giá cao Bộ Công an đã triệt phá thành công nhiều vụ án ma túy, đánh bạc trên mạng có quy mô lớn trong thời gian qua. Tuy nhiên, cử tri rất lo lắng về tình hình tội phạm liên quan đến ma túy, vi phạm trật tự, an toàn giao thông, an ninh mạng, tội phạm công nghệ cao, băng nhóm “xã hội đen” còn diễn biến phức tạp. Cử tri kiến nghị Bộ Công an, các bộ, ngành chức năng, chính quyền các địa phương tiếp tục truyên truyền, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong Nhân dân, tăng cường công tác nắm tình hình, kịp thời xử lý có hiệu quả các tình huống phức tạp nổi lên về an ninh, trật tự; có các giải pháp kiên quyết, kịp thời ðấu tranh trấn áp tội phạm.***

**Trả lời**

Trong những năm qua, dưới sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và tham gia tích cực của Nhân dân; với sự quyết tâm, nỗ lực của toàn lực lượng Công an nhân dân, tình hình an ninh, trật tự được giữ vững, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và bảo vệ bình yên cuộc sống của Nhân dân. Tuy nhiên, trước những diễn biến của tình hình thế giới, khu vực và tác động tiêu cực từ mặt trái của hoạt động kinh tế - xã hội, tình hình tội phạm vẫn còn diễn biến phức tạp, nhất là tội phạm liên quan đến ma túy, trật tự, an toàn giao thông, an ninh mạng, tội phạm công nghệ cao, tội phạm hoạt động theo kiểu băng nhóm, tội phạm có tổ chức... Tiếp thu ý kiến cử tri, trong thời gian tới, Bộ Công an sẽ tiếp tục chỉ đạo thực hiện những giải pháp trọng tâm sau: (1) Chủ động tham mưu với cấp ủy, chính quyền các cấp huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong đấu tranh phòng, chống tội phạm. Phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, đoàn thể tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức pháp luật trong nhân dân; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; tăng cường các biện pháp quản lý, giáo dục hiệu quả các trường hợp có nguy cơ cao phạm tội tại cơ sở; chủ động phát hiện, giải quyết kịp thời mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, phòng ngừa, ngăn chặn phát sinh tội phạm, nhất là tội phạm và vi phạm pháp luật có nguyên nhân từ các yếu tố kinh tế - xã hội. (2) Triển khai các biện pháp công tác, nắm chắc và kiểm soát tình hình; thường xuyên mở các cao điểm tấn công, trấn áp, truy nã tội phạm, nhất là các băng nhóm tội phạm nguy hiểm, tội phạm sử dụng vũ khí gây án, tội phạm giết người, tội phạm hoạt động liên quan “bảo kê”, “tín dụng đen”, tội phạm bạo hành, xâm hại trẻ em, mua bán người, tội phạm ma túy, tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường, tội phạm buôn lậu, sử dụng công nghệ cao... Tiếp nhận đầy đủ, giải quyết kịp thời, đúng pháp luật tố giác, tin báo về tội phạm; duy trì các đường dây “nóng”, hòm thư tố giác tội phạm. Tập trung điều tra, xử lý các vụ án, nhất là các vụ án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, không để xảy ra oan sai, không bỏ lọt tội phạm. Tăng cường tuần tra, kiểm soát bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, xử lý nghiêm các vi phạm, nhất là các vi phạm là nguyên nhân trực tiếp gây tai nạn giao thông. (3) Nâng cao hiệu quả công tác quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự; quản lý cư trú. Triển khai thực hiện có hiệu quả Luật An ninh mạng, phối hợp các ngành quản lý, giáo dục học sinh, sinh viên, thanh thiếu niên, quản lý chặt chẽ các trang web, mạng xã hội, đồ chơi, sách truyện, các game online bạo lực… góp phần hạn chế, ngăn chặn tình trạng bạo lực trong xã hội và phòng ngừa tội phạm. (4) Điều chỉnh, bố trí lực lượng Công an theo hướng tăng cường cho lực lượng trực tiếp chiến đấu, hướng mạnh về sơ sở, trong đó bố trí Công an chính quy ở địa bàn cấp xã, kịp thời thực hiện công tác nắm địa bàn, nắm hộ, nắm người, giải quyết tình hình an ninh, trật tự tại địa bàn cơ sở ngay từ khi mới phát sinh, hạn chế không để trở thành các vụ án, vụ việc nghiêm trọng, phức tạp. (5) Rà soát, xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách trong công tác phòng, chống tội phạm; kịp thời đề xuất Quốc hội, Chính phủ sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản quy phạm pháp luật tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo hành lang pháp lý cần thiết cho công tác phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật.

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**Câu 1:** ***Cử tri kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường, chính quyền các địa phương có các giải pháp tối ưu trong phân loại, xử lý rác thải; ứng dụng công nghệ hiện đại trong xử lý rác thải; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân để bảo vệ môi trường; quan tâm đầu tư đáp ứng đủ kinh phí cho ứng phó với biến đổi khí hậu.***

**Trả lời:**

Về vấn đề phân loại, xử lý rác thải: Bộ Tài nguyên và Môi trường ghi nhận và chia sẻ với những lo ngại của cử tri trước tình trạng ô nhiễm môi trường do rác thải và những khó khăn, bất cập trong công tác thu gom, xử lý rác thải tại các địa phương, ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Hiện nay, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt (hay còn gọi là rác thải) phát sinh ngày càng lớn. Nhà nước chi trả toàn bộ kinh phí cho hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý trong khi phí vệ sinh môi trường mà người dân nộp chỉ đủ bù đắp một phần cho hoạt động thu gom, đặc biệt là một số tỉnh miền núi có mật độ dân cư thưa thớt, thu nhập bình quân đầu người còn thấp. Trước thực trạng này, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 03/02/2019, trong đó chính thức giao Bộ Tài nguyên và Môi trường giúp Chính phủ thống nhất quản lý chất thải rắn trên phạm vi cả nước. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã khẩn trương rà soát, trình Chính phủ báo cáo kết quả rà soát và đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật nhằm thực hiện phương án thống nhất quản lý nhà nước về chất thải rắn; trình Chính phủ ban hành Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường, trong đó đã bổ sung một số quy định cụ thể về công tác quản lý chất thải rắn; tổ chức đồng loạt các đoàn kiểm tra công tác quản lý chất thải rắn tại các địa phương để nắm bắt những khó khăn, vướng mắc, bất cập tại các địa phương. Trên cơ sở đó, Bộ đã đề xuất Thủ tướng Chính phủ và đang tích cực chuẩn bị nội dung cho Hội nghị toàn quốc về công tác quản lý chất thải rắn, dự kiến tổ chức trong tháng 10/2019 để trao đổi, thống nhất các giải pháp lớn trong công tác quản lý chất thải rắn, bao gồm từ các giải pháp quản lý, các cơ chế, chính sác hỗ trợ đến các giải pháp về khoa học, công nghệ. Dự kiến sau Hội nghị này, Bộ sẽ xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị đẩy mạnh công tác quản lý chất thải rắn trên phạm vi cả nước. Về phía các địa phương, cần tăng cường khuyến khích người dân giảm thiểu lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh phải xử lý, đặc biệt là chất thải nhựa; tổ chức thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Đối với các tỉnh miền núi, việc lựa chọn công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải dựa trên thành phần chất thải rắn được thu gom, vận chuyển về cơ sở xử lý. Với quan điểm chất thải rắn sinh hoạt là tài nguyên, Bộ Tài nguyên và Môi trường khuyến khích đầu tư các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt có thu hồi năng lượng trong quá trình xử lý; chỉ lựa chọn phương pháp đốt để xử lý khi không có biện pháp đồng thời chất thải rắn sinh hoạt đưa vào đốt phải có nhiệt trị tối thiểu là 1.200kcal/kg. - Về vấn đề đầu tư kinh phí cho ứng phó với biến đổi khí hậu: Nhận thức được tác động của biến đổi khí hậu đến phát triển bền vững đất nước, mặc dù ngân sách nhà nước còn khó khăn nhưng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã quan tâm tổ chức triển khai thực hiện nhiều chương trình, dự án đầu tư công ứng phó với biến đổi khí hậu. Thông qua đó, đã huy động một nguồn lực lớn từ ngân sách trung ương cho ứng phó với biến đổi khí hậu. Giai đoạn 2016 - 2020, thực hiện chủ trương của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 - 2020, trong đó đã giành 11.000 tỷ đồng để các Bộ, ngành, địa phương triển khai các hoạt động, công trình dự án đầu tư ứng phó với biến đổi khí hậu. Đến nay, nguồn kinh phí nêu trên đã được Quốc hội thông qua trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và Thủ trướng Chính phủ đã giao đủ kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương cho các Bộ, ngành, địa phương để triển khai thực hiện, góp phần ứng phó với các tác động của biến đổi khí hậu.

**BỘ Y TẾ**

**Câu 1:** ***Cử tri Bình Định kiến nghị (1) Cử tri kiến nghị Bộ Y tế tập trung chỉ đạo tiêm chủng, phòng, chống dịch bệnh, nhất là các dịch bệnh trong mùa nắng nóng ở khu vực Miền Trung; (2) tăng cường chỉ đạo chấn chỉnh kinh doanh phân phối thuốc, kết nối các nhà thuốc, gắn với bán thuốc theo đơn bác sĩ; (3) tập trung chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin trong khám chữa bệnh. (4) Tiếp tục tăng cường phối hợp với các bộ, ngành, địa phương kiểm soát, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm***

**Trả lời:**

1. Tập trung chỉ đạo tiêm chủng, phòng chống dịch bệnh, nhất là các dịch bệnh trong mùa nắng nóng ở miền Trung Trong mùa hè với thời tiết nắng nóng tại nhiều khu vực, nhất là khu vực miền Trung, đây là thời điểm có nguy cơ rất cao phát sinh các loại bệnh về đường hô hấp và đường tiêu hóa, trong đó có những bệnh rất dễ lây lan ra cộng đồng như tay chân miệng, sốt xuất huyết, tiêu chảy, viêm não vi rút … Để tăng cường các hoạt động chuyên môn phòng chống dịch bệnh và tổ chức đánh giá, phân tích tình hình, nguy cơ dịch bệnh, làm rõ các nguyên nhân, khó khăn, tồn tại, để đề xuất các nội dung hoạt động trọng tâm, giải pháp phòng chống nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng chống dịch, trong tháng 6/2019, Bộ Y tế đã tổ chức Hội nghị trực tuyến triển khai công tác phòng, chống dịch bệnh, công tác tiêm chủng và an toàn tiêm chủng, kết nối trực tuyến 63 điểm cầu tỉnh, thành phố và gần 700 điểm cầu quận, huyện, thị xã nhằm cập nhật hướng dẫn về các biện pháp chuyên môn, kỹ thuật cụ thể cho các tuyến tỉnh, huyện, xã theo hướng “cầm tay chỉ việc”. Bộ Y tế cũng đã chỉ đạo các đơn vị tăng cường tuyên truyền cho người dân các biện pháp chủ động phòng, chống nắng nóng và những biện pháp phòng chống các dịch bệnh mùa hè. Trong thời gian tới, để tiếp tục tăng cường bảo vệ sức khỏe người dân, Bộ Y tế phối hợp chặt chẽ với các địa phương đẩy mạnh việc phòng, chống dịch bệnh, tiếp tục triển khai quyết liệt kế hoạch tổng thể phòng chống dịch bệnh năm 2019, tập trung phòng chống các bệnh có nguy cơ bùng phát trong mùa hè đến từng đơn vị y tế, đồng thời huy động các Bộ, ngành, chính quyền, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội tham gia tích cực vào công tác phòng chống dịch bệnh, tiêm chủng phòng bệnh.

- Bộ Y tế đã kịp thời chỉ đạo các địa phương, đơn vị triển khai tốt công tác phòng chống dịch chủ động, đáp ứng nhanh với các ổ dịch ngay khi nhận được thông tin về ổ dịch và thực hiện đầy đủ các hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế; đẩy mạnh hoạt động của Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh để thống nhất các biện pháp phòng chống dịch trên toàn quốc; tham mưu kịp thời Thủ tướng Chính phủ ban hành các công điện chỉ đạo Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, các Bộ, ngành khi có nguy cơ bùng phát dịch bệnh.

- Tăng cường giám sát dịch bệnh tại các cửa khẩu, cộng đồng, mở rộng việc giám sát trọng điểm quốc gia, thường xuyên theo dõi dịch bệnh trên thế giới, ngăn chặn không để xâm nhập dịch bệnh do Ebola, MERS-CoV, cúm A(H7N9) và không để bùng phát dịch bệnh trong nước (tay chân miệng, sốt xuất huyết, sởi …); triển khai mạnh mẽ hoạt động của Văn phòng đáp ứng các tình huống khẩn cấp phòng chống dịch bệnh, triển khai giám sát dịch bệnh dựa vào sự kiện, nhanh chóng xác minh các ổ dịch, kịp thời phối hợp với các tổ chức quốc tế, trong nước chia sẻ thông tin và biện pháp phòng chống, điều phối các hoạt động phòng chống theo tình huống dịch bệnh; quản lý từng ca bệnh truyền nhiễm bằng phần mềm trực tuyến nhằm thông tin kịp thời thông tin chính xác về từng trường hợp mắc bệnh, các ổ dịch để triển khai đáp ứng, dập tắt nhanh các ổ dịch bệnh; tăng cường công tác tiêm chủng mở rộng kể cả tại các điểm tiêm vắc xin dịch vụ, đạt tỷ lệ >95% quy mô xã, phường. Tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc các địa phương triển khai chiến dịch tiêm bổ sung vắc xin sởi - rubella cho trẻ 1-5 tuổi vùng nguy cơ cao cho khoảng 4,2 triệu trẻ của 57 tỉnh, thành phố nguy cơ cao.

- Chủ động thực hiện cung cấp rộng rãi, kịp thời thông tin về tình hình dịch bệnh tới người dân thông qua trang website của Bộ Y tế, đa dạng hóa các loại hình truyền thông, chủ động cung cấp thông tin về tình hình dịch bệnh với các cơ quan thông tấn báo chí, đẩy mạnh tuyên truyền trên hệ thống truyền thông cơ sở về các khuyến cáo phòng bệnh, vận động người dân tích cực tham gia tiêm chủng phòng bệnh. Bộ Y tế phát huy mạnh mẽ việc tương tác với người dân qua mạng xã hội, giao lưu trực tuyến để kịp thời truyền tải các thông điệp phòng chống dịch bệnh.

 - Tăng cường công tác thu dung, điều trị bệnh nhân, xây dựng mới, đưa vào hoạt động các bệnh viện tuyến trung ương đặt tại một số tỉnh, thành phố trọng điểm; tiếp tục thực hiện Đề án 1816 đẩy mạnh việc chuyển giao công nghệ và đào tạo cán bộ tại chỗ nhằm nâng cao tay nghề cho cán bộ y tế tuyến dưới, đặc biệt là miền núi, vùng sâu, vùng xa thiếu cán bộ y tế, giảm tình trạng quá tải cho các bệnh viện tuyến trên; thực hiện tốt phân tuyến điều trị và tăng cường các biện pháp kiểm soát nhiễm khuẩn, phòng lây nhiễm chéo để hạn chế đến mức thấp nhất nhiễm trùng bệnh viện.

- Đã đề xuất với Chính phủ kế hoạch dự trữ quốc gia và xây dựng dự trữ của ngành về trang thiết bị, thuốc, máy móc, trang thiết bị phòng hộ để kịp thời hỗ trợ cho các đơn vị, địa phương khi cần thiết. Đề nghị các địa phương hỗ trợ kịp thời nguồn lực để chủ động triển khai các hoạt động phòng, chống dịch bệnh.

- Bên cạnh đó, Bộ Y tế sẽ thường xuyên tổ chức các đoàn công tác đi kiểm tra việc thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế trong công tác phòng chống dịch. Chủ động thành lập các đoàn công tác do lãnh đạo Bộ, Cục, Vụ, Viện làm trưởng đoàn trực tiếp chỉ đạo nhằm giải quyết dứt điểm đối với các sự kiện y tế ảnh hưởng đến sức khỏe người dân, không để tác động kéo dài.

2. Tăng cường chỉ đạo chấn chỉnh kinh doanh phân phối thuốc, kết nối các nhà thuốc, gắn với bán thuốc theo đơn bác sĩ Hiện nay, Bộ Y tế đang triển khai Đề án ”Tăng cường kiểm soát kê đơn thuốc và bán thuốc kê đơn giai đoạn 2017-2020” trong đó đặc biệt chú trọng đến việc ứng dụng công nghệ thông tin kết nối cơ sở cung ứng thuốc nhằm mục đích:

- Đối với Cơ quan quản lý Dược:

+ Nắm bắt được toàn bộ đường đi của thuốc từ khâu sản xuất, nhập khẩu cho đến tay người tiêu dùng;

+ Kiểm soát giá cả, nguồn gốc xuất xứ của thuốc;

+ Ngăn chặn tình trạng bán thuốc phải kê đơn không đúng quy định;

+ Đảm bảo thu hồi triệt để thuốc khi thuốc bị thu hồi bắt buộc;

+ Phân tích được dữ liệu sử dụng thuốc ở các địa bàn, chỉ đạo luân chuyển kịp thời khi có dịch bệnh.

+ Giảm thiểu hồ sơ giấy tờ trong việc thực hiện theo dõi quản lý kinh doanh thuốc, trong việc báo cáo.

- Đối với các cơ sở cung ứng thuốc: có công cụ hữu hiệu phục vụ hoạt động kinh doanh như chức năng thống kê, báo cáo, kiểm soát chặt chẽ hạn dùng của thuốc, đưa ra cảnh báo khi thuốc sắp hết hạn, tiếp nhận kịp thời các văn bản chỉ đạo của cơ quan quản lý như thông tin thuốc bị thu hồi, thuốc không đạt chất lượng…;

- Đối với người dân: dễ dàng tiếp cận với các thông tin của thuốc như nguồn gốc xuất xứ, hạn dùng, cách dùng, liều dùng…;

Để triển khai Đề án, Bộ Y tế đã tiến hành các công việc sau:

2.1. Ban hành các văn bản hướng dẫn ứng dụng CNTT kết nối cơ sở cung ứng thuốc

- Quyết định số 540/QĐ-QLD ngày 20/8/2018 của Cục Quản lý Dược – Bộ Y tế về “Chuẩn yêu cầu dữ liệu đầu ra phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin kết nối liên thông cơ sở bán lẻ thuốc: phiên bản 1.0. Chuẩn dữ liệu bao gồm 23 tiêu chí chuẩn yêu cầu đầu ra phần mềm kết nối từ cơ sở bán lẻ thuốc với Sở Y tế, Bộ Y tế; 18 tiêu chí chuẩn yêu cầu đầu ra phần mềm tổng hợp các thông tin chung trên địa bàn tỉnh/thành phố; 12 tiêu chí chuẩn yêu cầu đầu ra phần mềm đối với đơn thuốc đảm bảo kiểm soát việc kê đơn, mua bán thuốc theo đơn, kiểm soát xuất xứ, nguồn gốc, chất lượng, hạn sử dụng, giá cả thuốc được mua vào, bán ra ở mỗi nhà thuốc trên toàn quốc.

- Quyết định số 777/QĐ-QLD ngày 27/11/2018 của Cục Quản lý dược về việc ban hành “chuẩn kết nối dữ liệu phần mềm ứng dụng CNTT kết nối liên thông cơ sở bán lẻ thuốc” phiên bản 1.0.

- Công văn số 24026/QLD-TTra ngày 28/12/2018 của Cục Quản lý Dược gửi Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hướng dẫn tạm thời việc triển khai kết nối liên thông dữ liệu.

- Công văn số 2587/QLD-Ttra ngày 06/3/2019 của Bộ Y tế (Cục Quản lý Dược) về việc cấp tài khoản liên thông kết nối với hệ thống “Cơ sở dữ liệu Dược quốc gia”.

 - Quyết định số 330/QĐ-QLD ngày 22/5/2019 của Cục Quản lý Dược về việc ban hành “Chuẩn yêu cầu dữ liệu đầu ra phần mềm ứng dụng CNTT kết nội liên thông cơ sở phân phối thuốc” phiên bản 1.0.

2.2. Tổ chức các lớp tập huấn triển khai việc ứng dụng CNTT kết nối cơ sở cung ứng thuốc

- Cục Quản lý Dược đã triển khai 02 lớp tập huấn cho Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương vào ngày 05/4/2019 tại Hà Nội và ngày 12/4/2019 tại tỉnh Lâm Đồng, hướng dẫn Sở Y tế việc cấp tài khoản cho các cơ sở cung ứng thuốc và giải đáp các thắc mắc trong quá trình triển khai.

2.3. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc kết nối cơ sở cung ứng thuốc Bộ Y tế (Cục Quản lý Dược) đã thành lập các Đoàn kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị 23/CT-TTg ngày 23/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai ứng dụng công nghệ thông tin kết nối cơ sở cung ứng thuốc tại các địa phương: Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Lạng Sơn, Bắc Giang, Nghệ An, Thanh Hóa, Phú Yên...

2.4. Một số kết quả thực hiện a. Xây dựng cơ sở dữ liệu dược quốc gia và phần mềm triển khai thí điểm.

- Chuẩn hóa được 52.000 trên khoảng 60.000 danh mục thuốc y tế;

- Xây dựng Platform quản lý Core Dược quốc gia và các chuẩn liên thông dữ liệu (API) cho phép kết nối với các phần mềm nhà thuốc khác, phần mềm quản lý bệnh viện (HIS) cho bệnh viện, phần mềm của các cơ sở sản xuất và xuất nhập khẩu.

- Triển khai việc kết nối với phần mềm quản lý bệnh viện của VNPT, Viettel về liên thông đơn thuốc.

b. Bộ Y tế đã ban hành bộ tài liệu tập huấn hướng dẫn sử dụng UDCNTT

- Tài liệu giới thiệu hệ thống, hướng dẫn sử dụng - Clip tập huấn (30 phút): <https://youtu.be/tzAebWtmqpc> Với bộ tài liệu hướng dẫn này các cơ sở cung ứng thuốc có thể tự học và thực hiện được kết nối mạng .

c. Kết quả thực hiện tại các tỉnh, được cập nhật liên tục trên trang web: [http://duocquocgia.com.vn](http://duocquocgia.com.vn/), cụ thể đã cài đặt và cung cấp tài khoản liên thông cho 31. 449 cơ sở bán lẻ thuốc , trong đó có 20.411 cơ sở đã thực hiện kết nối liên thông với “Cơ sở dữ liệu Dược Quốc gia”.

2.5. Giải pháp trong thời gian tới

- Tiếp tục triển khai ứng dụng công nghệ thông tin kết nối các cơ sở cung ứng thuốc đến cácđối tượng là cơ sở bán buôn thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, đảm bảo tiến độ triển khai theo đúng chỉ đạo tại Chỉ thị 23/CT-TTg ngày 23/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Hoàn thiện việc chuẩn hóa danh mục thuốc đã được lưu hành.

- Tiếp tục triển khai việc kết nối các phần mềm khác với “Cơ sở dữ liệu Dược quốc gia”.

- Thực hiện duy trì việc cập nhật kết nối liên thông của các cơ sở đã được cấp tài khoản kết nối.

- Xây dựng tài liệu, hướng dẫn sử dụng cho cán bộ quản lý dược từ trung ương đến địa phương.

- Ban hành quy định kê đơn điện tử.

3. Tập trung ứng dụng công nghệ thông tin trong khám chữa bệnh

3.1. Một số kết quả đạt được

- Bộ Y tế đã tăng cường công tác quản lý nhà nýớc về công nghệ thông tin y tế, từng býớc hoàn thiện hành lang pháp lý, tạo điều kiện cho công nghệ thông tin y tế phát triển và hội nhập quốc tế nhằm nâng cao chất lượng, giảm chi phí quản lý hành chính, khám chữa bệnh.

+ Bộ Y tế nhiều năm liền xếp hạng 1 về cơ chế, chính sách và các quy định cho ứng dụng CNTT theo công bố của Bộ Thông tin và Truyền thông (năm 2017, 2018).

+ Một số chính sách, quy định bước đầu đã giải quyết được các bài toán lớn về y tế như: (1) Thông tư số 54/2017/TT-BYT về tiêu chí phần mềm bệnh viện; (2) Thông tư số 46/2018/TT-BYT về hồ sơ bệnh án điện tử; (3) Thông tư số 48/2017/TT-BYT về trích chuyển dữ liệu điện tử; (4) Thông tư số 49/2017/TT-BYT về hoạt động y tế từ xa; (5) Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Y tế phiên bản 1.0 (năm 2015, cập nhật năm 2018); (6) Quyết định số 2035/QĐ-BYT danh mục kỹ thuật về CNTT y tế,…

- Đã triển khai hệ thống quản lý và điều hành văn bản điện tử, kết nối Bộ ngành, địa phương; thư điện tử Bộ Y tế: 100% văn bản được xử lý điện tử; kết nối liên thông với Chính phủ, các Bộ/ngành, địa phương; đã áp dụng chữ chữ ký điện tử, chứng thư số; 100% CCVC Bộ Y tế sử dụng thư điện tử công vụ trong trao đổi công việc.

- Về dịch vụ công: Đã thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

+ Dịch vụ công trực tuyến: 100% các dịch vụ hành chính công của Bộ đã được cung cấp ở mức độ 2 trên cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế; Đã duy trì ổn định hoạt động của 51 DVCTT: 7 DVCTT mức độ 3; 44 DVCTT mức độ 4.

- Phần mềm thống kê y tế điện tử với mục đích là có số liệu chính xác, kịp thời để hỗ trợ ban hành chính sách, chiến lược phát triển y tế: Bộ Y tế đã xây dựng xong phần mềm thống kê y tế điện tử, triển khai thí điểm 15 tỉnh/thành phố cho kết quả tích cực. Năm 2019, Bộ Y tế đã có kế hoạch, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện toàn quốc.

- Phần mềm hồ sơ sức khỏe điện tử với mục đích quản lý hồ sơ sức khỏe người dân suốt đời: Bộ Y tế đã triển khai thí điểm thành công tại 2 tỉnh: Bà Rịa – Vũng Tàu và Nghệ An. Ngoài ra, theo báo cáo của các Sở Y tế đã có khoảng 50% số các tỉnh triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử. Năm 2019, Bộ Y tế đã có kế hoạch, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện toàn quốc. - 100% bệnh viện đã ứng dụng CNTT ở các mức độ khác nhau: 99.5% các cơ sở y tế kết nối hệ thống giám định thanh toán BHYT; 20 bệnh viện sử dụng hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh PACS không in phim. Theo lộ trình của Thông tư số 46/2018/TT-BYT, các cơ sở khám chữa bệnh sẽ sử dụng PACS không in phim để nâng cao chất lượng, giảm chi phí KCB, giảm sử dụng quỹ bảo BHYT.

- Một số ứng dụng thông minh trong khám, chữa bệnh đã được đưa vào áp dụng: thí điểm phần mềm IBM Watson hỗ trợ chẩn đoán ung thư bằng trí tuệ nhân tạo tại bệnh viện đa khoa Phú thọ; triển khai phẫu thuật Rô bốt, y tế từ xa để bệnh viện truyến trên hỗ trợ tuyến dưới.

- Đã triển khai phần mềm quản lý tiêm chủng trên toàn quốc, có trên 8 triệu đối tượng tiêm chủng đã được quản lý.

- Đã thiết lập và đưa vào sử dụng Hệ thống thông tin kết nối các cơ sở cung ứng thuốc của Bộ Y tế.

- Thiết lập hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử, thống kê y tế điện tử, dịch vụ công trực tuyến

3.2. Một số tồn tại, khó khăn

- Chưa có cơ sở dữ liệu y tế quốc gia. Dữ liệu y tế chưa được trao đổi, chia sẻ giữa các đơn vị, khó tổng hợp dữ liệu, còn tình trạng cát cứ dữ liệu.

- Hệ thống điều hành văn bản điện tử, thư điện tử đã triển khai nhưng việc sử dụng giấy tờ vẫn còn nhiều, chưa sử dụng chữ ký số

- Chưa có Cổng dịch vụ công trực tuyến, hệ thống 1 cửa điện tử.

- Việc quản lý trạm y tế xã: quá nhiều phần mềm riêng lẻ, chưa bao phủ toàn bộ các nghiệp vụ, chưa liên thông lên tuyến trên.

 - Thiếu các hệ thống theo dõi, thu thập thông tin, phân tích dự báo dịch bệnh.

- Thiếu các hệ thống cung cấp tri thức phòng bệnh, chữa bệnh cho người dân trên web, di động. Chưa thực hiện chăm sóc sức khỏe người dân từ xa

- Chưa có nhiều phần mềm quản lý bệnh viện đáp ứng tiêu chí mức cao theo thông tư số 54/2017/TT-BYT, chưa nhiều bệnh viện có bệnh án điện tử.

- Các cơ sở khám bệnh chưa bệnh chưa chú trọng áp dụng các công nghệ thông minh.

3.3. Nhằm khắc phục những tồn tại, khó khăn, Bộ Y tế tiếp tục thúc đẩy ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin như sau:

- Bộ Y tế tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật cho thúc đẩy ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin y tế

+ Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật để duy trì hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ sở khám chữa bệnh.

+ Ban hành định danh ID cho bệnh nhân nhằm thực hiện liên thông khám chữa bệnh trong các cơ sở y tế.

+ Ban hành quy chế sử dụng hồ sơ sức khỏe điện tử trong cả nước.

+ Xây dựng hệ thống danh mục dùng chung điện tử

+ Xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn kết nối liên thông, + Quy định về an toàn thông tin y tế điện tử, kiến trúc y tế điện tử.

- Thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin y tế như hình thành trung tâm dữ liệu y tế, các trung tâm dữ liệu chuyên ngành, trung tâm dữ liệu gen, chữ ký số,..

- Chăm sóc và dự phòng thông minh: Chú trọng triển khai Hồ sơ sức khỏe điện tử, phần mềm trạm y tế, công nghệ thông minh trong phòng bệnh môi trường, ATTP, HIV/AIDS; Ứng dụng trí tuệ nhân tạo cảnh báo dịch bệnh, Hệ thống cung cấp tri thức trên di động, Hệ thống chăm sóc sức khỏe từ xa.

- Đẩy mạnh khám, chữa bệnh thông minh: hướng dẫn cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoàn thiện phần mềm quản lý bệnh viện, hệ thống ID; Bệnh án điện tử, bệnh viện thông minh, phát triển cây thông tin tại bệnh viện; Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong KCB và phục hồi chức năng; y dược cổ truyền.

- Quản trị y tế thông minh: hình thành cơ sở dữ liệu y tế quốc gia, triển khai thống kê y tế điện tử, điều hành điện tử, văn phòng điện tử; một cửa điện tử, cổng dịch vụ công trực tuyến, các dịch vụ công 3,4; hệ thống quản lý nhân lực y tế, quản lý cung ứng thuốc, trang thiết bị y tế.

- Phát triển nhân lực: nhân lực chuyên trách CNTT, đào tạo cán bộ sử dụng CNTT, thúc đẩy đào tạo CNTT y tế trong các cơ sở đào tạo nhân lực y tế - Tăng cường nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế nhằm thúc đẩy ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin y tế.

4. Tiếp tục tăng cường phối hợp với các bộ, ngành, địa phương kiểm soát, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm Trong thời gian tới, Bộ Y tế sẽ tiếp tục phối hợp với các Bộ ngành, địa phương triển khai đồng loạt các giải pháp để từng bước kiểm soát vấn đề bảo đảm an toàn thực phẩm, cụ thể như sau: (1) Rà soát, ban hành và tổ chức triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực an toàn thực phẩm (điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm; phân công, phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm tại các tuyến...). (2) Tăng cường công tác thông tin, truyền thông, giáo dục về bảo đảm an toàn thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm. (3) Tăng cường công tác thanh tra, hậu kiểm, xử lý nghiêm vi phạm theo Nghị định số 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 Quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm, công khai các cơ sở vi phạm và rút giấy phép sản xuất, kinh doanh thực phẩm. (4) Tăng cường hoạt động giám sát phát hiện sớm nguy cơ ô nhiễm thực phẩm để cảnh báo và dự phòng. (5) Nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thực phẩm phòng chống ngộ độc thực phẩm ở các tuyến. Nghiên cứu xây dựng các mô hình quản lý có hiệu quả đối với các loại hình bếp ăn tập thể, thức ăn đường phố…

**Câu 2:** ***Cử tri kiến nghị sửa đổi Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế năm 2014 theo hướng quy định nhiều mức đóng để các đối tượng thụ hưởng có nhiều sự lựa chọn, trong đó quy định mức đóng tối đa để được hưởng 100% chi phí khám, chữa bệnh***

**Trả lời**:

Theo Luật bảo hiểm y tế hiện hành, bảo hiểm y tế mang tính xã hội, là hình thức bảo hiểm bắt buộc áp dụng đối với các đối tượng theo Luật định, có sự chia sẻ giữa các đối tượng tham gia, nhà nước hỗ trợ toàn bộ hoặc một phần mức đóng đối với nhóm ưu đãi xã hội, người nghèo, dân tộc thiểu số, đảm bảo công bằng trong chăm sóc sức khỏe cho mọi người.Kiến nghị trên của cử tri sẽ được Ban soạn thảo xây dựng Luật bảo hiểm y tế sửa đổi tiếp thu, nghiên cứu, để đề xuất điều chỉnh trong xây dựng Luật bảo hiểm y tế sửa đổi. Việc đa dạng mức đóng, đa dạng mức hưởng hay gói quyền lợi Bảo hiểm y tế cũng đã được đưa ra trong Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương ương Đảng Khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới. Theo đó, trong thời gian tới, Bộ Y tế sẽ phối hợp với các Bộ, ngành chức năng để triển khai thực hiện chủ trương của Ban chấp hành Trung ương về “Đa dạng các gói bảo hiểm y tế. Tăng cường liên kết, hợp tác giữa bảo hiểm y tế xã hội với bảo hiểm y tế thương mại”.

**Câu 3:** ***Cử tri Bình Định kiến nghị. Vừa qua, Quốc hội khóa XIV, tại Kỳ họp thứ 7 đã thông qua Luật phòng chống tác hại của rượu, bia; đây là dự luật dành được sự quan tâm của cử tri cả nước. Tại các buổi tiếp xúc, cử tri bày tỏ sự sự rất đồng tình về quy định cấm người sử dụng rượu, bia điều khiển phương tiện giao thông của luật này, cử tri cũng hy vọng khi thực thi luật sẽ góp phần giảm tình trạng tai nạn giao thông, nhất là những vụ gây hậu quả nghiêm trọng do có liên quan đến việc sử dụng rượu, bia. Cử tri đề nghị sớm ban hành các kế hoạch, giải pháp để đưa Luật phòng chống tác hại của rượu, bia nói chung, quy định về cấm người sử dụng rượu, bia điều khiển phương tiện giao thông nói riêng được đi vào cuộc sống***

**Trả lời**:

Luật phòng, chống tác hại của rượu bia được thông qua ngày 14/6/2019. Ngày 18/7/2019, và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2020. Bộ Y tế đã có Tờ trình số 809/TTr-BYT trình Thủ tướng Chính phủ Quyết định ban hành Kế hoạch triển khai Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia. Bộ Y tế đang phối hợp với Văn phòng Chính phủ để hoàn thiện trình Thủ tướng Chính phủ.

**BỘ QUỐC PHÒNG**

**Câu 1:** ***Cử tri kiến nghị Bộ Quốc phòng phối hợp với Bộ Công an khi ban hành Quyết định giao chỉ tiêu tuyển chọn, thời gian phát lệnh gọi công dân nhập ngũ và công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân hằng năm cùng một quyết định để chính quyền địa phương chủ động trong tổ chức triển khai thực hiện.***

**Trả lời:**

Tại các Điều 33, 34, 35, 36, 37, 38 và Điều 40 Luật nghĩa vụ quân sự năm 2015 đã quy định việc tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ (tuyển quân) và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân. Theo đó hằng năm, Bộ Quốc phòng đã chỉ đạo các địa phương phối hợp với cơ quan Công an cùng cấp thực hiện “3 cùng”: Cùng Hội đồng nghĩa vụ quân sự; cùng Hội đồng khám sức khỏe và cùng Lễ giao nhận quân. Tuy nhiên, việc trình Chủ tịch Ủy ban ban nhân cùng cấp quyết định giao chỉ tiêu tuyển quân và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân cho các địa phương cấp dưới chưa thống nhất, như: Có địa phương giao cùng một quyết định; có địa phương giao hai quyết định và thời điểm ban hành quyết định khác nhau. Bộ Quốc phòng trân trọng tiếp thu kiến nghị của cử tri và đề nghị Bộ Công an chỉ đạo Công an các địa phương phối hợp với cơ quan Quân sự cùng cấp tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban ban nhân xem xét, thống nhất ban hành một quyết định giao chỉ tiêu tuyển quân và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân và coi đây là một nội dung trong cải cách hành chính công để các địa phương thực hiện.

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**Câu 2:** ***Cử tri Bình Định đề nghị Bộ phối hợp với Bộ LĐTBXH xem xét, nghiên cứu có chính sách BHYT cho đối tượng đã hoàn thành nghĩa vụ QS sau năm 1975 nhưng hiện nay chưa được hưởng chế độ và đang gặp hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.***

**Trả lời:**

Quân nhân đã hoàn thành nghĩa vụ QS sau năm 1975 có 02 trường hợp sau: Nếu quân nhân nhập ngũ từ ngày 30/4/1975 trở về trước, có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên xuất ngũ về địa phương, hiện không được hưởng chế độ hưu trí, chế độ mất sức LĐ, chính sách theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ. Nếu quân nhân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên xuất ngũ, thôi việc trước ngày 1/4/2000 hoặc chuyển ngành sau đó thôi việc trước ngày 01/1/1995, hiện không thuộc diện hưởng chế độ hưu trí, chế độ mất sức LĐ, chế độ bệnh binh hàng tháng thì được xem xét, giải quyết chế độ, chính sách theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 09 tháng 11 năm 2011 quy định về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế . Quân nhân có đủ điều kiện hưởng chế độ, chính sách theo các Quyết định nêu trên ngoài được hưởng chế độ trợ cấp một lần hoặc chế độ trợ cấp hàng tháng tính theo thời gian công tác thực tế trong quân đội, nếu chưa được hưởng chế độ BHYT thì được hưởng chế độ BHYT theo quy định của pháp luật về BHYT; khi từ trần, người lo mai táng được hưởng chế độ mai táng phí theo quy định của pháp luật về BHXH.

**THANH TRA CHÍNH PHỦ**

**Câu 1:** ***Cử tri Bình Định kiến nghị: Cử tri rất đồng tình, ủng hộ việc Đảng và Nhà nước trong thời gian qua đã có nhiều biện pháp để phát hiện và xử lý nghiêm nhiều vụ án tham nhũng lớn. Tuy nhiên, cử tri cho rằng: công tác phòng, chống tham nhũng chưa đáp ứng được yêu cầu, hiệu quả chưa cao. Nhiều vụ án tham nhũng lớn vẫn tiếp tục xảy ra gây bức xúc trong dư luận xã hội. Cử tri mong muốn tiếp tục đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp đồng bộ thống nhất giữa các cơ quan phòng, chống tham nhũng; tăng cường giám sát, kiểm tra việc tổ chức thực hiện của các Bộ ngành, địa phương về phòng, chống tham nhũng để củng cố lòng tin của nhân dân.***

**Trả lời**:

Trong thời gian qua, với sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, quyết liệt của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan tư pháp, sự nỗ lực, cố gắng của các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp, báo chí và nhân dân, công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN) đã có bước tiến mạnh với nhiều chủ trương, giải pháp đột phá, đạt được kết quả tích cực, toàn diện trên tất cả các mặt, góp phần quan trọng giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, củng cố niềm tin của nhân dân, tạo hiệu ứng tích cực, lan tỏa mạnh mẽ trong xã hội. Tuy nhiên, vẫn có những hành vi tham nhũng chưa được phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời gây thất thoát tài sản của Nhà nước; mối quan hệ phối hợp công tác giữa các cơ phòng, chống tham nhũng chưa đầy đủ và cụ thể; còn tình trạng chồng chéo thẩm quyền, một số hoạt động phối hợp còn mang tính hình thức; tình trạng nhũng nhiễu, tiêu cực trong khu vực hành chính, dịch vụ công vẫn xảy ra ở nhiều nơi, gây bức xúc cho người dân và doanh nghiệp... Để công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng đạt hiệu quả hơn, Chính phủ tiếp tục chỉ đạo, điều hành và tập trung chỉ đạo thực hiện giải pháp sau: 1. Tập trung khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác PCTN; chỉ đạo, đẩy nhanh tiến độ hoàn thành việc xây dựng các quy định, cơ chế về xây dựng Đảng và PCTN theo Kế hoạch 04-KH/TW ngày 16/11/2016, Kế hoạch 07-KH/TW ngày 27/11/2017 và Kế hoạch 10-KH/TW ngày 06/6/2018 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, Trung ương 6, Trung ương 7 (Khóa XII), nhất là quy định về trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ; quy định xử lý trách nhiệm người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, đơn vị; quy định về cho thôi, miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý; cơ chế bảo vệ người dân phản ánh, tố giác và tích cực đấu tranh chống suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên; cơ chế kiểm soát quyền lực trong phòng, chống tham nhũng… 2. Khẩn trương triển khai Luật phòng, chống tham nhũng đã được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 6 đảm bảo khả thi, hiệu quả; tiếp tục xây dựng, hoàn thiện dự án Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước; sửa đổi, bổ sung Luật Giám định tư pháp, Luật Cán bộ công chức, Luật Viên chức,… và các văn bản quy định chi tiết thi hành để khắc phục những hạn chế, vướng mắc trong công tác PCTN. Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn phù hợp với thực tế để phòng ngừa tham nhũng. 3. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về phòng, chống tham nhũng và đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào chương trình giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng; tích cực phát huy vai trò của báo chí trong phát hiện tham nhũng; chủ động cung cấp, định hướng thông tin tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng theo Quy định số 65-QĐ/TW ngày 03/02/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. 4. Đẩy mạnh cải cách hành chính; hoàn thiện các quy định xây dựng nền công vụ minh bạch, liêm chính, phục vụ; tăng cường chỉ đạo, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, hiệu quả hơn nữa trong công tác phòng, chống tham nhũng ở địa phương, cơ sở; tập trung xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng “tham nhũng vặt”, nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc; kiên quyết loại bỏ những cán bộ hư hỏng, tham nhũng ra khỏi bộ máy của Đảng và Nhà nước, trước hết là trong các cơ quan phòng, chống tham nhũng. 5. Tập trung khắc phục bằng được những yếu kém trong công tác cán bộ, kiểm tra công tác quy hoạch, luân chuyển, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ trong phạm vi cả nước; kiên quyết hủy bỏ, thu hồi các quyết định không đúng về công tác cán bộ, xử lý nghiêm những tổ chức, cá nhân sai phạm. 6. Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, tập trung vào các dự án đầu tư lớn của các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước; quản lý sử dụng đất đai; đầu tư theo hình thức BT, BOT; cổ phần hóa, thoái vốn, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước; quản lý vốn, tài sản nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp; các dự án mua sắm lớn từ ngân sách nhà nước; ngăn chặn, phát hiện, xử lý nghiêm những biểu hiện “lợi ích nhóm”, doanh nghiệp “sân sau”… Khẩn trương kết luận thanh tra, xử lý nghiêm sai phạm đối với các dự án gây thất thoát, thua lỗ kéo dài, dư luận xã hội quan tâm. 7. Đẩy nhanh tiến độ xác minh, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án, xử lý các vụ việc tham nhũng, kinh tế đã phát hiện. Tăng cường phối hợp, tập trung lực lượng để kết thúc điều tra, truy tố, xét xử các vụ án, xử lý các vụ việc tham nhũng, kinh tế đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp theo đúng Kế hoạch của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng. 8. Tăng cường theo dõi, đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng tại cấp địa phương; tích cực thực thi Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng, mở rộng hợp tác quốc tế, tương trợ tư pháp, trao đổi thông tin; hỗ trợ kỹ thuật, rà soát và hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng; tăng cường các biện pháp dẫn độ, truy bắt tội phạm tham nhũng bỏ trốn và thu hồi tài sản tham nhũng bị tẩu tán ra nước ngoài.

**Câu 2**: ***Cử tri Bình Định kiến nghị: Thanh tra Chính phủ có kế hoạch rà soát kết quả thanh tra của các Bộ, ngành, địa phương trong thời gian gần đây nhằm chấn chỉnh tình trạng lợi dụng hoạt động thanh tra gây nhũng nhiễu, vòi vĩnh, nhận hối lộ; chú trọng thực hiện đồng bộ các giải pháp PCTN, nhất là đề ra được các giải pháp phát hiện, ngăn chặn tham nhũng khi cán bộ còn đương chức; đẩy mạnh, tăng cường các giải pháp thu hồi tài sản do tham nhũng mà có.***

**Trả lời:**

Trong thời gian qua, Thanh tra Chính phủ và ngành Thanh tra có nhiều đổi mới, trong đó đã tập trung triển khai nhiều giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác thanh tra từ những năm trước đây như: việc chậm ban hành kết luận thanh tra; việc xử lý chồng chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm toán, nhất là tại doanh nghiệp; công tác đôn đốc việc thực hiện kết luận và xử lý về thanh tra nhất là về tiền, tài sản, đất đai và việc hoàn thiện cơ chế, chính sách… Trong đó, đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động công vụ và kỷ luật, kỷ cương hành chính cho đội ngũ cán bộ công chức, viên chức ngành Thanh tra. Bên cạnh những việc đã đạt được, công tác thanh tra còn có những hạn chế nhất định. Trong hoạt động thanh tra, một số công chức, viên chức thanh tra không chấp hành nghiêm nội quy, quy chế của ngành Thanh tra và Thanh tra Chính phủ, vi phạm các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, làm ảnh hưởng đến uy tín của ngành. Để khắc phục tình trạng này, Thanh tra Chính phủ đã tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 về xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiểu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Công điện số 724/CĐ-TTg ngày 17/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ và ban hành Chỉ thị số 769/CT-TTCP ngày 17/5/2019 của Tổng Thanh tra Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với công chức, viên chức ngành thanh tra. Thanh tra Chính phủ bám sát mục tiêu, nhiệm vụ công tác thanh tra để tập trung chỉ đạo, điều hành, trong đó yêu cầu việc xây dựng định hướng, kế hoạch thanh tra phải có trọng tâm, trọng điểm. Tập trung thúc đẩy tiến độ, hoàn thiện dự thảo, ban hành, công khai kết luận thanh tra, nhất là những cuộc thanh tra phức tạp, được dư luận xã hội đặc biệt quan tâm. Tăng cường công tác giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra; đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận và chỉ đạo về thanh tra theo đúng quy định của pháp luật. Qua thanh tra, ngành Thanh tra đã phát hiện, xử lý nhiều vi phạm pháp luật (phát hiện sai phạm về kinh tế, kiến nghị xử lý về kinh tế, cán bộ tăng cao so với cùng kỳ năm 2018), chấn chỉnh, khắc phục những bất cập, sơ hở trong quản lý, chỉ đạo, điều hành và trong việc ban hành chính sách, pháp luật, góp phần tích cực trong công tác PCTN, lãng phí. Trong quá trình sửa đổi, bổ sung Bộ luật tố tụng hình sự, Luật tương trợ tư pháp, Luật Phòng, chống tham nhũng các cơ quan của Chính phủ cũng đã nghiên cứu đề xuất, kiến nghị nhiều nội dung liên quan đến việc thu hồi tài sản do phạm tội mà có nói chung và thu hồi tài sản tham nhũng nói riêng và đã được Quốc hội thông qua; đề xuất sửa đổi một số luật liên quan khác nhằm xem xét hoàn thiện chế định về thu hồi tài sản tham nhũng; quy định về quản lý cán bộ có liên quan trong quá trình thanh tra, kiểm tra, xác minh các dấu hiệu sai phạm kinh tế, tham nhũng, không để bỏ trốn, tẩu tán tài sản; hoàn thiện cơ chế phát hiện hành vi tham nhũng theo hướng phát huy mạnh mẽ các công cụ giám sát, kiểm tra của đảng, kiểm toán nhà nước, thanh tra nhà nước; áp dụng kịp thời các biện pháp kê biên, phong tỏa, tạm giữ tài sản, thu hồi triệt để tài sản tham nhũng trong quá trình thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án và công khai kết quả xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng.

**Câu 3:** ***Cử tri Bình Định kiến nghị: Cử tri nhất trí cao với việc đẩy mạnh công tác đấu tranh PCTN trong thời gian qua của Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, cử tri vẫn bức xúc kiến nghị Chính phủ tăng cường giám sát, kiểm tra, nâng cao hơn nữa tính hiệu quả trong quá trình tổ chức thực hiện của các bộ, ngành, địa phương; tăng cường các biện pháp phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động công vụ, nhất là đối với cán bộ, công chức thực thi pháp luật về PCTN để củng cố lòng tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước***

**Trả lời:**

Trong thời gian qua, với sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, quyết liệt của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan tư pháp, sự nỗ lực, cố gắng của các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp, báo chí và nhân dân, công tác PCTN đã có bước tiến mạnh với nhiều chủ trương, giải pháp đột phá, đạt được kết quả tích cực, toàn diện trên tất cả các mặt, góp phần quan trọng giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, củng cố niềm tin của nhân dân, tạo hiệu ứng tích cực, lan tỏa mạnh mẽ trong xã hội. Tuy nhiên, trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, ở nhiều ngành, nhiều cấp vẫn còn tình trạng cán bộ, công chức, viên chức, trong đó bao gồm cả cán bộ, công chức thực thi pháp luật về PCTN vì động cơ vụ lợi đã lợi dụng vị trí công tác; lợi dụng kẽ hở về cơ chế, chính sách, pháp luật để tiêu cực, tham nhũng . Để khắc phục tình trạng này, Thanh tra Chính phủ đã tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 về xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiểu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Công điện số 724/CĐ-TTg ngày 17/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ và ban hành Chỉ thị số 769/CT-TTCP ngày 17/5/2019 của Tổng Thanh tra Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với công chức, viên chức ngành Thanh tra. Tiếp thu kiến nghị của cử tri, tới đây Thanh tra Chính phủ sẽ thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc triển khai nhiệm vụ công tác PCTN tại các bộ, ngành địa phương trong đó có việc thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019, Công điện số 724/CĐ-TTg ngày 17/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 769/CT-TTCP ngày 17/5/2019 của Tổng Thanh tra Chính phủ.

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**Câu 1:** ***Cử tri kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục triển khai quyết liệt Nghị quyết 26-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; đẩy mạnh cơ cấu lại nội ngành theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả và ứng dụng công nghệ cao.***

**Trả lời:**

1. Sau hơn 10 năm thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa X), nông nghiệp, nông dân, nông thôn của nước ta đã có những bước phát triển vượt bậc, đạt được nhiều thành tựu to lớn, cụ thể: Về nông nghiệp: trong 10 năm 2008 - 2017, tốc độ tăng trưởng GDP ngành nông nghiệp đạt 2,66%/năm, năm 2018 đạt 3,76%; xuất khẩu trên quy mô lớn và ngày càng tăng (tổng kim ngạch xuất khẩu 10 năm 2008 - 2017 đạt 261,28 tỷ USD, tăng 9,24%/năm, năm 2018 đạt mức cao kỷ lục 40,02 tỷ USD, đứng thứ 2 Đông Nam Á và thứ 15 thế giới); hệ thống tổ chức sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp tiếp tục được đổi mới phù hợp hơn với cơ chế thị trường. Xây dựng nông thôn đạt được nhiều thành tựu quan trọng, bộ mặt nông thôn đổi mới; kết cấu hạ tầng được nâng cấp, điều kiện sinh sống ở nông thôn được cải thiện (Đến tháng 6/2019, cả nước có 4.458 xã, chiếm 50,01% số xã và 77 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới; về đích sớm hơn 1,5 năm so với mục tiêu của Chương trình). Công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn phát triển nhanh; chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông thôn theo hướng phát triển công nghiệp, dịch vụ. Khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển; công tác đào tạo nghề cho nông dân được đẩy mạnh. Thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn được nâng cao, số hộ nghèo giảm nhanh (thu nhập của cư dân nông thôn năm 2018 đạt khoảng 35,5 triệu đồng/người, tăng gần 4 lần so với năm 2008). Tuy vậy, nông nghiệp, nông dân, nông thôn vẫn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, đó là: chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm chưa cao, năng lực cạnh tranh còn hạn chế; thị trường tiêu thụ thiếu ổn định; biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp; ô nhiễm môi trường khu vực nông thôn gia tăng.

2. Trước những khó khăn, thách thức đó và thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2021 - 2030), Bộ tiếp tục thực hiện quyết liệt các giải pháp cơ cấu lại ngành nông nghiệp với mục tiêu cao hơn, đó là: Phát triển nền nông nghiệp thông minh, hội nhập quốc tế, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới phồn vinh và văn minh; cải thiện nhanh đời sống của nông dân, làm cơ sở thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường sinh thái. Tập trung thực hiện các nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau: (1) Cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển theo hướng hiện đại, phát huy lợi thế so sánh, nâng cao giá trị gia tăng và bền vững; (2) Phát triển công nghiệp, dịch vụ, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động trong nông thôn; (3) Xây dựng nông thôn mới toàn diện, bền vững; (4) Nâng cấp và hiện đại hóa kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; (5) Đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc; phát triển y tế, giáo dục, văn hóa, bảo đảm an ninh trật tự nông thôn; (6) Bảo vệ tài nguyên, môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai; (7) Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; huy động nguồn lực cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế; (8) Nâng cao nhanh trình độ khoa học và công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn; (9) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, sự tham gia của nhân dân trong phát triển nông nghiệp, nông thôn.

**Câu 2:** ***Cử tri phản ánh: Từ đầu năm đến nay, bệnh Dịch tả lợn Châu Phi đã xuất hiện tại nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước làm ảnh hưởng đến hoạt động của ngành chăn nuôi. Cử tri cho rằng, nếu việc kiểm soát không được thực hiện nghiêm ngặt, liên tục, tình hình bệnh Dịch tả lợn Châu Phi sẽ có những diễn biến phức tạp, khó lường, có thể sẽ còn lan rộng trên địa bàn các tỉnh, thành phố khác. Cử tri đề nghị các ngành chức năng cần chủ động trong công tác phòng ngừa, ngăn chặn bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, có giải pháp quyết liệt ngăn chặn không để xảy ra dịch bệnh; đồng thời thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền để người dân yên tâm chăn nuôi, tiêu thụ các thực phẩm chế biến từ thịt lợn. Bên cạnh đó, đề nghị tăng mức hỗ trợ đối với các hộ chăn nuôi bị thiệt hại đối với các địa phương có bệnh Dịch tả lợn Châu Phi.***

**Trả lời**

Từ đầu tháng 2 năm 2019 đến nay, đã có 62 tỉnh, thành phố báo cáo có ổ dịch bệnh Dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP) với trên 3 triệu con lợn mắc bệnh và bị tiêu hủy, gây thiệt hại rất lớn cho ngành chăn nuôi lợn của nước ta. Ngay từ khi bệnh DTLCP xuất hiện tại Trung Quốc vào tháng 8/2018 đến nay, Ban Bí thư Trung ương Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã đặc biệt quan tâm, chỉ đạo rất cụ thể, sát sao; Bộ NN&PTNT, các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố đã triển khai quyết liệt, cụ thể như sau:

- Về văn bản chỉ đạo, điều hành và hướng dẫn: Đến nay, đã có trên 50 văn bản chỉ đạo, hướng dẫn phòng, chống bệnh DTLCP; trong đó có các văn bản rất quan trọng, như:

 - Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 20/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống, khống chế bệnh DTLCP;

 - Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã có 10 văn bản chỉ đạo rất cụ thể, quyết liệt các nội dung về phòng, chống và chính sách hỗ trợ cho chủ vật nuôi;

- Ban Chỉ đạo quốc gia phòng, chống bệnh DTLCP, Bộ NN&PTNT, Cục Thú y đã ban hành trên 40 văn bản để chỉ đạo, hướng dẫn rất cụ thể về phòng, chống bệnh DTLCP.

1. Chỉ đạo tổ chức triển khai

- Thủ tướng Chỉnh phủ, các Phó Thủ tướng: Trịnh Đình Dũng, Vương Đình Huệ đã chủ trì, chỉ đạo 05 Hội nghị về phòng, chống bệnh DTLCP;

- Thủ tướng Chính phủ đã trực tiếp đến một số địa phương để kiểm tra, chỉ đạo tổ chức công tác phòng, chống bệnh DTLCP; phân công Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng trực tiếp chỉ đạo trong công tác phòng, chống bệnh DTLCP;

- Bộ NN&PTNT đã tổ chức hàng chục hội nghị, hội thảo để quán triệt các giải pháp phòng, chống dịch bệnh;

- Lãnh đạo Bộ NN&PTNT và các đơn vị thuộc Bộ đã tổ chức hàng chục đoàn công tác đến các địa phương để chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, hỗ trợ hóa chất và hướng dẫn tổ chức thực hiện phòng, chống bệnh DTLCP.

2. Công tác phòng, chống bệnh DTLCP trong thời gian tới

- Các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền từ Trung ương đến địa phương xây dựng và tổ chức kế hoạch tổng thể để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội thực hiện tốt công tác phòng, chống bệnh DTLCP theo đúng tinh thần của Chỉ thị số 34-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Chỉ thị số 04/CT-TTg, Công điện số 667/CĐ- TTg ngày 04/6/2019, Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 18/6/2019, Quyết định số 793/QĐ-TTg ngày 27/6/2019.

- Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố chỉ đạo:

+ Rà soát, hoàn chỉnh các phương án phòng, chống dịch ở các cấp độ khác nhau; huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc, theo đúng quy định của Luật thú y, chỉ đạo của Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ NN&PTNT;

+ Thực hiện chỉ đạo của Ban Bí thư về việc kiện toàn, củng cố hệ thống thú y các cấp theo quy định của Luật thú y, tăng cường năng lực thú y các cấp;

+ Tổ chức giám sát, phát hiện sớm, xử lý kịp thời các ổ dịch; việc xử lý chôn lấp cần chú ý đến giảm thiểu tối đa tác hại đến môi trường;

+ Thành lập các đội tiêu hủy lợn mang tính chuyên nghiệp, triển khai nhanh, chấp hành chặt chẽ việc vệ sinh, tiêu độc, tránh phát tán mầm bệnh và không gây ô nhiễm môi trường.

- Tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở chăn nuôi thực hiện tốt các biện pháp an toàn sinh học, khuyến cáo người dân không sử dụng thức ăn dư thừa để cho lợn ăn; tăng cường hơn nữa các biện pháp an toàn sinh học để bảo vệ đàn lợn đặc biệt đàn giống cụ kỵ, ông bà, bố mẹ;

- Đẩy mạnh xây dựng các vùng, các chuỗi chăn nuôi bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm; thành lập và xây dựng các trạm kiểm dịch bảo đảm các yêu cầu kiểm soát vận chuyện động vật tại các địa phương trọng điểm trên trục quốc lộ;

- Tiếp tục đề nghị và phối hợp với các tổ chức quốc tế (OIE, FAO) và các nước để hỗ trợ Việt Nam trong phòng, chống dịch bệnh và nghiên cứu, sản xuất vắc xin DTLCP. 4. Về hỗ trợ đối với các hộ chăn nuôi bị thiệt hại tại các địa phương có bệnh DTLCP, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 793/QĐ-TTg ngày 27/6/2019 về cơ chế, chính sách, đối tượng hỗ trợ kinh phí trong phòng, chống bệnh DTLCP, theo đó các cơ sở chăn nuôi lợn buộc phải tiêu hủy do bệnh DTLCP sẽ được nhà nước hỗ trợ 25.000 đồng/kg lợn hơi đối với lợn con, lợn thịt các loại; 30.000 đồng/kg lợn hơi đối với lợn nái, lợn đực đang khai thác. Bên cạnh đó, nhà nước cũng có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chăn nuôi lợn quy mô nhỏ và vừa có lợn bị tiêu hủy do DTLCP.

**Câu 3:** ***Cử tri kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương, huy động các tổ chức chính trị-xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân tham gia thực hiện quyết liệt các giải pháp phòng, chống dịch bệnh tả lợn Châu Phi; đồng thời chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm thay thế, có phương án tái đàn lợn khi có đủ điều kiện để bảo đảm nguồn thực phẩm phục vụ nhu cầu của nhân dân và xuất khẩu trong thời gian tới. Tiếp tục chỉ đạo các địa phương có biển triển khai các giải pháp đồng bộ, quyết liệt về phòng, chống, ngăn chặn triệt để việc khai thác hải sản bất hợp pháp. Theo dõi sát tình hình thời tiết, chủ động chỉ đạo phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, hạn hán, nắng nóng, đặc biệt là phòng, chống cháy rừng trong mùa khô, cung cấp đủ nước cho sinh hoạt, sản xuất; đề xuất Chính phủ có các giải pháp căn cơ để giải quyết tình trạng khô hạn ở khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.***

**Trả lời**

1. Để đối phó với tình hình diễn biến phức tạp của bệnh Dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP), Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã quan tâm, chỉ đạo rất sát sao và cụ thể; Bộ Nông nghiệp và PTNT thường xuyên phối hợp chặt chẽ với các địa phương triển khai đồng bộ, quyết liệt nhiều giải pháp nhằm tăng cường phòng, chống và ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh. Trong đó, đã ban hành và trình Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trên 50 văn bản chỉ đạo, hướng dẫn rất cụ thể về công tác phòng, chống bệnh DTLCP; tổ chức các hội nghị để quán triệt, phổ biến các giải pháp phòng, chống dịch bệnh; tổ chức nhiều đoàn công tác đến các địa phương để chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác phòng, chống bệnh DTLCP. Trong thời gian tới, để chủ động trong công tác phòng chống dịch và tổ chức tái đàn lợn, khôi phục sản xuất khi có đủ điều kiện; đồng thời thúc đẩy phát triển chăn nuôi gia cầm và gia súc ăn cỏ để bù đắp lại sự thiếu hụt của thịt lợn do bệnh DTLCP, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng với các Bộ, ngành, địa phương tiếp tục tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền từ Trung ương đến địa phương tiếp tục chỉ đạo, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội để thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh DTLCP theo đúng tinh thần của Chỉ thị số 34-CT/TW, ngày 20/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Chỉ thị số 04/CT-TTg, ngày 20/02/2019 và Công điện số 667/CĐ-TTg ngày 04/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày18/6/2019 của Chính phủ;

- Tổ chức hướng dẫn các biện pháp tổng hợp về chăn nuôi an toàn sinh học; tăng cường kiểm soát vận chuyển lợn để nuôi làm giống, nuôi thương phẩm trong và ngoài vùng có bệnh DTLCP theo quy định;

- Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng các vùng, các chuỗi chăn nuôi lợn bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm để phục vụ nhu cầu của nhân dân và xuất khẩu. Đồng thời, triển khai các giải pháp phát triển bền vững chăn nuôi gia cầm và gia súc ăn cỏ để bù đắp lại sự thiếu hụt của thịt lợn do bệnh DTLCP;

- Chỉ đạo các cơ sở nuôi giữ giống gốc, các cơ sở sản xuất giống tăng cường các biện pháp an toàn sinh học, đảm bảo nguồn giống sạch bệnh phục vụ cho việc tái đàn, khôi phục sản xuất chăn nuôi lợn ở các cơ sở chăn nuôi có đủ điều kiện; - Tổ chức nghiên cứu các biện pháp phòng chống dịch bệnh hiệu quả; tiếp tục phối hợp với các tổ chức quốc tế (OIE, FAO) và các nước để hỗ trợ Việt Nam trong nghiên cứu, sản xuất vắc xin DTLCP.

2. Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban chỉ đạo quốc gia về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU), Bộ đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức các Đoàn công tác đi thanh tra, kiểm tra, đôn đốc các địa phương triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp để chống khai thác IUU, khắc phục các khuyến nghị của EC với một số nhiệm vụ cụ thể, như sau:

- Tiếp tục quán triệt và tập trung nguồn lực triển khai thực hiện nghiêm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 689/CT-TTg, Chỉ thị số 45/CT-TTg, các Công điện: số 1329/CĐ-TTg, số 732/CĐ-TTg, số 1275/CĐ-TTg, Quyết định số 78/QĐ-TTg; Luật Thủy sản năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật để thực hiện nhiệm vụ chống khai thác IUU;

- Phối hợp với lực lượng quân đội tăng cường kiểm soát, ngăn chặn tình trạng tàu cá và ngư dân vi phạm khai thác hải sản trái phép ở vùng biển nước ngoài; kiên quyết xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân liên quan để tàu cá và ngư dân vi phạm vùng biển nước ngoài;

- Tăng cường chỉ đạo, đảm bảo điều kiện để thực thi Luật Thủy sản năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, trong đó ưu tiên thực hiện các quy định về chống khai thác IUU; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, tập huấn các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chống khai thác IUU tại địa phương;

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực thi tại các cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ chống khai thác IUU của địa phương, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm.

3. Về theo dõi tình hình thời tiết, chủ động chỉ đạo phòng chống, khắc phục hạn hán, nắng nóng, đặc biệt là phòng, chống cháy rừng trong mùa khô.

a) Về công tác phòng cháy, chữa cháy rừng (PCCCR): Bộ Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành công điện và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện công tác PCCCR. Đồng thời, tổ chức thường trực 24/24 giờ, bảo đảm duy trì hệ thống thông tin liên lạc thông suốt với các Ban chỉ đạo các tỉnh; giao các Chi cục Kiểm lâm vùng bố trí lực lượng thường trực sẵn sàng tham gia ứng cứu chữa cháy rừng.Thường xuyên phát cảnh báo nguy cơ cháy rừng trên Website của Tổng cục Lâm nghiệp và Cục Kiểm lâm, trên chương trình thời tiết của truyền hình Việt Nam như VTV1, VTV, VTV8, trên đài tiếng nói Việt Nam VOV1. Phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn để trao đổi, chia sẻ thông tin và tăng cường hỗ trợ lực lượng quân đội tham gia chữa cháy rừng, khi có cháy lớn xảy ra; duy trì hoạt động của trạm thu ảnh vệ tinh MODIS nhằm phát hiện sớm điểm cháy qua hệ thống bản đồ để xác định toạ độ, vị trí và thời gian các điểm cháy, phục vụ việc chỉ đạo chữa cháy rừng của địa phương và Ban Chỉ đạo Nhà nước.

b) Chỉ đạo các địa phương tiếp tục thực hiện nghiêm Công điện số 776/CĐ-TTg ngày 29/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ và chủ động thực hiện một số giải pháp sau: - Duy trì trực phòng cháy chữa cháy rừng 24/24; liên tục dự báo, cảnh báo về nguy cơ cháy rừng, thông báo kịp thời đến cơ sở để kiểm tra, xác minh; theo dõi, đôn đốc thường xuyên các địa phương có vùng trọng điểm cháy rừng;

- Theo dõi thông tin cảnh báo cháy rừng và phát hiện sớm điểm cháy rừng trên website của Tổng cục Lâm nghiệp, Cục Kiểm lâm, đồng thời thông tin kịp thời về tình hình cháy rừng từ hiện trường;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát chặt chẽ người ra vào rừng; tạm thời ngừng các hoạt động đốt nương làm rẫy trong những ngày có nguy cơ cháy rừng cao; thực hiện các biện pháp an toàn khi tiến hành xử lý thực bì sản xuất nông nghiệp; chuẩn bị lực lượng, thiết bị phòng cháy, chữa cháy rừng, sẵn sàng tham gia chữa cháy khi có lệnh điều động, triển khai thực hiện có hiệu quả phương châm 4 tại chỗ;

 Tiếp tục phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí để tuyên truyền về bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng, phát bản tin cảnh báo cháy rừng;

4. Để đối phó với tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn năm 2019, từ cuối năm 2018, Ban Chỉ đạo Trung ương phòng, chống thiên tai đã có văn bản số 179/TWPCTT ngày 16/11/2018; Thủ tướng Chính phủ đã có Công điện số 897/CĐ-TTg ngày 24/7/2019; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Chỉ thị số 8382/CT-BNN-TCTL ngày 26/10/2018 về việc tăng cường thực hiện các giải pháp thủy lợi phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh, mùa khô năm 2018-2019.

Khắc phục tình trạng hạn hán, thiếu nước cho khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Bộ đã chỉ đạo triển khai một số giải pháp trước mắt và lâu dài như sau: a) Giải pháp trước mắt

-Tăng cường dự báo, nhận định về tình hình khí tượng thủy văn, đặc biệt là tình hình mưa; tổ chức kiểm kê, đánh giá nguồn nước trữ tại các hồ chứa nước, công trình thủy lợi trên địa bàn, tính toán cân bằng nước để kịp thời điều chỉnh, bổ sung phương án sử dụng nước, phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn, trong đó ưu tiên cấp nước cho sinh hoạt, chăn nuôi gia súc và các vùng trồng cây công nghiệp lâu năm;

- Chủ động thực hiện giải pháp cung cấp nước, không để thiếu nước cho sinh hoạt và chăn nuôi, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân, nhất là đối với vùng núi cao, vùng ven biển thường xuyên xảy ra thiếu nước sinh hoạt;

- Căn cứ tình hình cụ thể về nguồn nước và khả năng cấp nước, tiếp tục rà soát, điều chỉnh mùa vụ, cơ cấu cây trồng phù hợp theo hướng chuyển đổi diện tích trồng lúa ở vùng hạn hán, chưa bảo đảm cấp nước sang cây trồng cạn;

- Điều chỉnh và tổ chức thực hiện kế hoạch vận hành cụ thể từng hệ thống hồ thủy lợi, thủy điện trên từng lưu vực sông để bổ sung nước cho hạ du, phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh.

b) Giải pháp lâu dài

 Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các quy hoạch thủy lợi, làm cơ sở thực hiện các giải pháp phát triển thủy lợi nhằm chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp;

- Đầu tư xây dựng công trình thủy lợi để cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp ở các tỉnh thường xuyên bị hạn hán khu vực Nam Trung Bộ (hệ thống công trình thủy lợi Tân Mỹ, tỉnh Ninh Thuận); thực hiện các giải pháp kết nối, chuyển nước giữa các hồ chứa nước, giữa các sông thuộc hệ thống Đồng Nai - La Ngà và các hệ thống sông nhỏ. Ở khu vực Tây Nguyên, ưu tiên đầu tư hoàn thiện các công trình trọng điểm đang xây dựng (hệ thống kênh hồ Ia Mơr tưới 6.310 ha, hồ Ia M’Lah tưới 3.050 ha, ...); xây dựng công trình chuyển nước, trạm bơm lấy nước từ các hồ chứa (kênh chuyển nước Biển Hồ, các trạm bơm hồ IaRing, hồ Hoàng Ân); đầu tư xây dựng mới các hồ chứa để cấp và tạo nguồn, khắc phục hạn hán, phục vụ sản xuất nông nghiệp (hồ Ia Thul tưới 7.746 ha, hồ EaH’Leo tưới 4.100 ha, hồ Đa Si tưới 1.514 ha);

- Theo dõi sát diễn biến thời tiết, tổ chức việc dự báo nguồn nước, xâm nhập mặn, xây dựng kế hoạch sử dụng nước ở các lưu vực sông, vùng để làm cơ sở cho việc bố trí cơ cấu sản xuất nông nghiệp, phù hợp với thực trạng nguồn nước và kịp thời thực hiện các giải pháp phòng, chống hạn hán, thiếu nước cho sản xuất và dân sinh;

- Rà soát, đánh giá hiện trạng công trình cấp nước sạch nông thôn, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và đảm bảo cấp nước cho người dân, nhất là tại khu vực Trung Bộ, Tây Nguyên, vùng núi, hải đảo và các vùng thiếu nước sinh hoạt khác;

- Rà soát, đánh giá năng lực của các công trình thủy lợi, đặc biệt là các hồ chứa nước ở khu vực Trung Bộ, Tây Nguyên và các vùng thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lập bản đồ cảnh báo để địa phương xây dựng kế hoạch sản xuất phù hợp, hạn chế thiệt hại do hạn hán, xâm nhập mặn.

**BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

**Câu 1:** ***Cử tri Bình Định kiến nghị sửa đổi khoản 1 Điều 4 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/102013 của Chính phủ về quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo hướng không quy định mức chuẩn trợ cấp là 270.000 đồng/ tháng mà quy đổi tỷ lệ % trên mức lương cơ sở để đảm bảo phù hợp với chỉ số tăng giá tiêu dùng trong từng thời điểm.***

**Trả lời**

Tiếp thu ý kiến cử tri, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sẽ tiếp tục tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trong quá trình nghiên cứu, sửa đổi Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/102013 của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến trợ giúp xã hội.

**Câu 2:** ***Cử tri tiếp tục phản ánh việc phân cấp cho UBND cấp xã thực hiện việc chúc thọ người cao tuổi theo quy định tại Điều 21 Luật Người Cao tuổi là chưa phù hợp (trừ người 100 tuổi do Chủ tịch Nước chúc thọ và 90 tuổi do Chủ tịch UBND tỉnh, còn lại thuộc trách nhiệm của chủ tịch UBND cấp xã) trong khi ngân sách địa phương gặp rất nhiều khó khăn. Đề nghị sửa đổi, bổ sung Luật Người cao tuổi nên quy định theo hướng: Chủ tịch UBND xã chúc thọ người 75, 80 tuổi.***

**Trả lời**

Theo quy định tại Điều 21 Luật Người cao tuổi thì Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với Hội người cao tuổi tại địa phương, gia đình của người cao tuổi tổ chức mừng thọ người cao tuổi ở tuổi 70, 75, 80, 85, 90, 95 và trên 100 tuổi; kinh phí thực hiện chúc thọ, mừng thọ do ngân sách nhà nước bảo đảm theo hướng dẫn tại Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18/10/2018 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cứ trú; chúc thọ, mừng thọ; ưu đãi tín dụng và biểu dương khen thưởng người cao tuổi. Mức chi theo Thông tư số 96/2018/TT-BTC là mức tối thiểu. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thể xem xét, quyết định mức chi cao hơn mức quy định tại Thông tư này. Đồng thời xem xét, quyết định theo thẩm quyền mức quà tặng người cao tuổi ở tuổi 70, 75, 80, 85, 95 tuổi và trên 100 tuổi trên cơ sở đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Kinh phí chúc thọ và tặng quà người cao tuổi thọ 100 tuổi và 90 tuổi bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (cơ quan thường trực của Ban công tác người cao tuổi cấp tỉnh). Kinh phí tặng quà người cao tuổi ở tuổi 70, 75, 80, 85, 95 và trên 100 tuổi được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tặng quà cho người cao tuổi theo phân cấp của địa phương. Như vậy, nội dung kiến nghị của cử tri đã được pháp luật hiện hành quy định chi tiết, cụ thể.

**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

**Câu 1:** ***Cử tri kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có giải pháp tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, xây dựng chính quyền điện tử.***

**Trả lời**

Để tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý, xây dựng chính quyền điện tử, Bộ TTTT đã phối hợp với các bộ, địa phương tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ phê duyệt

**Câu 2:** ***Cử tri kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xây dựng phương án cho các doanh nghiệp viễn thông triển khai thí điểm dịch vụ thanh toán điện tử không qua tài khoản ngân hàng.***

**Trả lời**

Bộ TTTT coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của kế hoạch công tác năm 2019 và là một trong những chính sách thúc đẩy tạo không gian tăng trưởng mới cho doanh nghiệp viễn thông. Chính vì vậy, trong thời gian qua Bộ TTTT chủ động định hướng cho doanh nghiệp và làm việc với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc triển khai thí điểm dịch vụ thanh toán điện tử trên thiết bị di động không thông qua tài khoản ngân hàng. Kết quả đến nay:

1. Bộ TTTT đã góp ý dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (công văn số 435/BTTTT-CVT ngày 21/02/2019) xin phép Thủ tướng Chính phủ cho các doanh nghiệp di động triển khai thí điểm ứng dụng thanh toán tiền điện tử trên thuê bao di động (Mobile Money) nhằm phát triển dịch vụ thanh toán hiện đại, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, tăng cường khả năng tiếp cận, sử dụng các dịch vụ tài chính số cho người dân và các tổ chức, doanh nghiệp.

2. Bộ TTTT đã tổ chức Hội thảo “Tiền điện tử trên thuê bao di động nhằm thúc đẩy tài chính toàn diện” có sự tham gia của các doanh nghiệp, đại diện Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Bộ Tư pháp, Bộ Công thương, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và chuyên gia quốc tế với mục đích là để bàn cách triển khai Mobile Money tại Việt Nam sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Bộ TTTT sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, chỉ đạo doanh nghiệp viễn thông chuẩn bị sẵn sàng cho thí điểm Mobile Money theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

**Câu 3:** ***Cử tri kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với Bộ Công an xử lý nghiêm các đối tượng tung tin thất thiệt, phản động, kích động bạo lực… trên các trang mạng xã hội.***

**Trả lời**

1. Thực trạng, phân loại thông tin cung cấp trên mạng. Nội dung thông tin trên mạng hiện nay được cung cấp bởi hai nguồn: Thứ nhất là từ các cơ quan báo chí trong nước (gồm báo chí in, báo chí điện tử và phát thanh, truyền hình) và thứ 2 là từ truyền thông xã hội.

Với hai nguồn cung cấp như trên, tác động của từng nguồn đối với xã hội và cách thức xử lý cũng khác nhau. Đối với các trang tin và mạng xã hội được chia làm hai loại:

- Thứ nhất: Do tổ chức, cá nhân trong nước cung cấp, có nguồn gốc rõ ràng, được Bộ TTTT cấp phép/hoặc không phải cấp phép hoạt động. Các trang này phần lớn đều tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam.

- Thứ hai: Các trang tin không rõ nguồn gốc, có tên miền quốc tế, đặt máy chủ tại nước ngoài cung cấp thông tin bằng tiếng Việt.

Ngoài ra, các mạng xã hội nước ngoài cung cấp xuyên biên giới vào Việt Nam, trong đó Facebook và Google là 2 mạng xã hội có nhiều người Việt Nam sử dụng nhất. Các thông tin tiêu cực như thông tin sai lệch, xuyên tạc, nói xấu, bôi nhọ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của tổ chức, cá nhân, thông tin phản cảm, vi phạm thuần phong mỹ tục Việt Nam, kêu gọi kích động biểu tình, chống phá nhà nước... chủ yếu xuất hiện ở trang tin không rõ nguồn gốc,trên các mạng xã hội nước ngoài như Youtube và Facebook do các thế lực thù địch, các cá nhân bất đồng chính kiến lập nên nhằm mục đích tung tin giả, gây nhiễu loạn thông tin, gây mất ổn định xã hội.

Qua theo dõi của Bộ TTTT, các video clip có nội dung phản động, xấu độc, vi phạm nghiêm trọng pháp luật Việt Nam hầu hết nằm trong số 130.000 kênh do Youtube trực tiếp quản lý. Trong một thời gian dài, với mục tiêu nhanh chóng phát triển thị trường, chiếm lĩnh thị phần quảng cáo trực tuyến tại Việt Nam, Google đã dung túng cho các kênh sản xuất nội dung phản động, vi phạm nở rộ trên mạng xã hội Youtube. Trong đó, đáng chú ý có khoảng 80 kênh phản động chuyên nghiệp, thường xuyên đăng tải thông tin tuyên truyền chống phá Nhà nước như (Việt Tân, Tiếng Dân, Đệ tam Cộng Hòa, Vietlive.TV, Chân trời mới,…). Ngoài ra, còn có các kênh thường xuyên đăng tải những nội dung vi phạm thuần phong mỹ tục, bạo lực, nội dung ảnh hưởng xấu đến trẻ em, điển hình như: kênh Youtube Khá Bảnh, Dương Minh Tuyền… Khi Bộ TTTT yêu cầu Google gỡ bỏ các clip vi phạm này thì một mặt các công ty như Google, Facebook hợp tác gỡ bỏ nhưng mặt khác vẫn cho phép các chủ kênh vi phạm này đăng tải lại các clip đã gỡ (điều này lý giải nhiều video vi phạm đã được gỡ sau đó lại tiếp tục xuất hiện trở lại). Thậm chí Google còn cho phép chủ các kênh phản động này tiếp tục sử dụng tính năng “gợi ý nội dung” để tiếp tục quảng bá, phát tán nội dung xấu độc trên YouTube (tính năng này gợi ý người dùng xem tiếp các video clip khác nằm trong các kênh này). Nguyên nhân của vấn đề này là do nhận thức của người sử dụng cho rằng mạng xã hội là môi trường ảo nên có thể tự do phát ngôn mà không phải chịu trách nhiệm. Ngoài ra, trước đây các trang mạng xã hội nước ngoài cung cấp dịch vụ xuyên biên giới vào Việt Nam gần như chưa bị điều chỉnh bởi các quy định của pháp luật Việt Nam dẫn đến tình trạng việc theo dõi, xử lý các thông tin vi phạm còn gặp khó khăn do có sự khác biệt về môi trường pháp lý. Tuy nhiên, sau khi Bộ TTTT ban hành Thông tư số 38/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016 quy định chi tiết về việc cung cấp thông tin công cộng qua biên giới, tạo cơ sở pháp lý để yêu cầu các doanh nghiệp cung cấp thông tin qua biên giới phải có trách nhiệm phối hợp, gỡ bỏ thông tin vi phạm theo quy định của pháp luật Việt Nam. Từ năm 2017 đến tháng 7/2019, thực hiện yêu cầu của Bộ TTTT, Facebook đã gỡ bỏ khoảng 70% thông tin xấu độc; Google (chủ sở hữu Youtube) đã phối hợp và thực hiện: Ngăn chặn và gỡ bỏ 7478 video clip vi phạm trên YouTube, gỡ bỏ 18/62 (~34,4%) kênh YouTube, gỡ bỏ 108/111 (~97,3%) game trong đó có 104 game bài và 01 game có tên “Lấy lại quê hương” có nội dung phản động, chống phá nhà nước Việt Nam và các game không phép trên Google Play.

2. Các biện pháp Bộ đã triển khai: Trong thời gian qua, Bộ TTTT đã triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp nhằm tăng cường quản lý nội dung thông tin trên mạng, đấu tranh ngăn chặn các thông tin xấu độc, vi phạm pháp luật, như: 2.1. Tham mưu Chính phủ ban hành, sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luậtnhằm tăng cường quản lý Internet và thông tin trên mạng.

 Các văn bản quy phạm pháp luật gồm:

- Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

- Thông tư số 38/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016 của Bộ TTTT quy định vềviệc cung cấp thông tin công cộng qua biên giới.

- Hiện nay, Bộ TTTT đang tham mưu Chính phủ Nghị định thay thế Nghị định số 159/2013/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, Nghị định số 174/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện.

2.2. Tăng cường công tác hậu kiểm, xử lý các hành vi vi phạm, đặc biệt là việc xử lý các đối tượng có hành vi sai trái, phát ngôn thiếu chuẩn mực trên mạng xã hội. Bộ TTTT đã chỉ đạo Thanh tra Bộ phối hợp với các cơ quan chức năng, tăng cường công tác thanh tra, xử lý vi phạm trong hoạt động thông tin điện tử, kịp thời phát hiện xử lý nghiêm các đối tượng tung tin thất thiệt, phản động, kích động bạo lực, bôi nhọ, xúc phạm uy tín của tổ chức, cá nhân khác trên các trang mạng xã hội. Chỉ đạo, hướng dẫn các Sở TTTT đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với các hành vi vi phạm pháp luật trên mạng xã hội, điển hình là vụ việc xử phạt hành chính đối với cá nhân tung tin sai sự thật về dịch tả lợn Châu Phi gây hoang mang trong dư luận trong thời gian vừa qua. Bộ TTTT đã chỉ đạo các đơn vị chức năng tăng cường công tác hậu kiểm, xử lý các hành vi vi phạm, đặc biệt là xử lý các đối tượng có hành vi sai phạm, phát ngôn thiếu chuẩn mực trên mạng xã hội. Trong trường hợp không xác định được nhân thân của tổ chức, cá nhân vi phạm thì Bộ TTTT gửi yêu cầu các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ như Google, Youtube, Facebook,... thực hiện các biện pháp ngăn chặn, gỡ bỏ theo quy định tại Thông tư số 38/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2019.

2.3. Sử dụng các biện pháp kỹ thuật để ngăn chặn nguồn phát tán thông tin vi phạm.

2.4. Tổ chức các đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra các công ty truyền thông, quảng cáo lớn trong nước nhằm chấn chỉnh hoạt động quảng cáo trên môi trường mạng, nhất là hoạt động quảng cáo trên các trang mạng nước ngoài cung cấp xuyên biên giới vào Việt Nam như Facebook và Google.

2.5. Chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông tăng cường tuyên truyền, nâng cao ý thức, trách nhiệm cho người sử dụng Internet và mạng xã hội;phê phán các hành vi sai phạm khi sử dụng mạng xã hội; vạch trần âm mưu, thủ đoạn lợi dụng Internet và mạng xã hội để chống phá Đảng, Nhà nước của các thế lực thù địch; làm rõ những hoạt động kinh doanh vi phạm pháp luật Việt Nam của các trang mạng nước ngoài cung cấp dịch vụ xuyên biên giới vào Việt Nam, đặc biệt là Google và Facebook.

2.6. Chủ động đàm phán, quyết liệt đấu tranh với Google và Facebook, buộc 02 doanh nghiệp này phải cam kết và nghiêm túc triển khai việc ngăn chặn, gỡ bỏ các thông tin phản động, xấu độc trên hai mạng xã hội này khi có yêu cầu từ phía Chính phủ Việt Nam.

2.7. Xây dựng Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia. Từ giữa tháng 10 năm 2018, Bộ TTTT đã đưa vào hoạt động“Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia”.Trung tâm này đảm nhận nhiệm vụ tự động rà soát, phát hiện, đánh giá thông tin trên mạng, triển khai các giải pháp kỹ thuật mới để ngăn chặn hiệu quả sự phát tán của thông tin xấu độc, phản cảm trên các trang web, mạng xã hội có tên miền quốc tế, đặt máy chủ ở nước ngoài.

2.8. Bộ TTTT cũng đã thiết lập sự phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong việc yêu cầu các ngân hàng thương mại kiểm soát, báo cáo, ngăn chặn các luồng tiền chi trả cho các dịch vụ bất hợp pháp được chuyển đến Facebook và Google.

2.9.Yêu cầu các doanh nghiệp viễn thông rà soát, ký lại thỏa thuận hoạt động đặt máy chủ (caching) của Facebook tại Việt Nam, bổ sung các trách nhiệm phải tuân thủ luật pháp Việt Nam khi cung cấp dịch vụ cho người sử dụng tại Việt Nam; trường hợp không tuân thủ, các doanh nghiệp viễn thông sẽ thực hiện các biện pháp chặn kỹ thuật từng thời điểm theo chỉ đạo của Bộ.

3. Những bất cập, khó khăn

3.1. Hạn chế về giải pháp kỹ thuật. Các nội dung vi phạm hiện nay chủ yếu là các web có tên miền quốc tế, đặt máy chủ tại nước ngoài, cung cấp xuyên biên giới vào Việt Nam, gây khó khăn cho công tác quản lý, xử lý vi phạm. Biện pháp cuối cùng có thể xử lý được là chặn kỹ thuật, tuy nhiên khó ngăn chặn triệt để vì chỉ sau thời gian ngắn, các đối tượng vi phạm dễ dàng thay đổi địa chỉ IP hoặc tên miền để hoạt động lại bình thường. Nhiều trường hợp vi phạm, khó xử lý hành chính vì khó xác định được nhân thân chủ thể vi phạm. Các doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ xuyên biên giới chưa có sự hợp tác tích cực với Chính phủ Việt Nam để ngăn chặn, gỡ hạ các nội dung vi phạm và cung cấp thông tin liên quan về cá nhân cung cấp thông tin vi phạm. Ngoài ra, giải pháp kỹ thuật hiện có chưa cho phép tách riêng nội dung vi phạm trên Facebook và Youtube để chặn, mà chỉ có thể chặn hoàn toàn toàn bộ website vi phạm. Vì vậy, trong nhiều trường hợp cần cân nhắc nếu áp dụng việc chặn triệt toàn bộ Facebook và Youtube sẽ gây phản ứng của dư luận trong nước do nước ta chưa có dịch vụ tương tự thay thế được Facebook, Google.

3.2. Các đối tượng phát tán thông tin thường xuyên tận dụng những thay đổi, những bước phát triển mới về công nghệ để cải tiến các hình thức phát tán thông tin. Cụ thể:

- Sử dụng các dịch vụ miễn phí của các các công ty đa quốc gia lớn, có phạm vi hoạt động trên toàn cầu như Google, Facebook, Microsoft.

- Lợi dụng mạng xã hội bằng việc kết hợp các hình thức tiếp thị trực tuyến hoặc sử dụng mạng xã hội như Facebook, Twitter, LinkedIn thông tin được lan truyền với tốc độ rất nhanh, khó kiểm soát.

- Lợi dụng tiền ảo để thanh toán: Sử dụng thư điện tử để điều hành, trả tiền qua các dịch vụ thanh toán điện tử như Bitcoin, Paypal, Moneybooker để thuê các cá nhân tại Việt Nam thực hiện các việc như biên soạn, đăng, phát tán tin.

3.3.Người dân ngày càng phụ thuộc vào các mạng xã hội nước ngoài, đặc biệt là Facebook và Youtube, trong bối cảnh nước ta chưa có các dịch vụ tương tự phục vụ nhu cầu sử dụng của nhân dân. Hiện nay, Facebook và Youtube đã trở thành kênh thông tin quan trọng của đông đảo người dân Việt Nam. Việc sử dụng Facebook và Youtube hàng ngày đã trở thành nhu cầu thiết yếu của một bộ phận không nhỏ dân chúng. Sự phụ thuộc đó đã khiến chúng ta gặp rất nhiều khó khăn trong việc triển khai các giải pháp cứng rắn với Google và Facebook do có thể vấp phải sự phản ứng của cộng đồng mạng trong nước. Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến sự phụ thuộc của người dân nước ta vào các mạng xã hội nước ngoài là do nước ta chưa xây dựng được hệ sinh thái số đủ mạnh với các dịch vụ Internet tương tự như Google, Facebook để nhân dân sử dụng.

3.4. Chưa có giải pháp hiệu quả ngăn chặn dòng tiền quảng cáo phục vụ cho các mục đích xấu trên Facebook, Youtube. Hiện nay, lợi nhuận từ thị trường Việt Nam đem lại cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xuyên biên giới như Facebook và Google vẫn tiếp tục tăng, trong đó không ít nguồn tiền từ Việt Nam chi trả cho các dịch vụ bất hợp pháp như đặt quảng cáo của các thương hiệu Việt Nam gắn trên các video xấu độc, các video có nội dung vi phạm pháp luật như Khá Bảnh, Dương Minh Tuyền …hoặc video quảng cáo tự động có nội dung vi phạm, phản cảm gắn trên các website. Việc giám sát và tìm cách ngăn chặn các nguồn tiền để chi trả cho các dịch vụ vi phạm pháp luật qua hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn do các quy định điều chỉnh các hoạt động này chưa đầy đủ.

3.5. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác quản lý Internet và thông tin trên mạng còn bất cập, chưa theo kịp sự phát triển của thực tế. Do đặc thù phát triển quá nhanh của công nghệ, của các dịch vụ, nội dung thông tin trên mạng nên hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành đã bộc lộ nhiều bất cập, hạn chế, chưa cụ thể hóa, bao quát hết các đối tượng và hoạt động cần quản lý, hành vi sai phạm, chế tài xử lý chưa bảo đảm tính răn đe. Trong khi đó, quy trình sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật trên lĩnh vực này theo quy định hiện hành mất khá nhiều thời gian, dẫn đến việc quy định vừa sửa đổi, bổ sung xong đã bắt đầu lạc hậu, gây khó khăn cho công tác quản lý.

4. Các giải pháp trong thời gian tới

4.1. Giải pháp về cơ chế chính sách.

- Hoàn thiện sửa đổi, bổ sung, xây dựng các văn bản pháp lýmới, về cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, Nghị định số 72/2013/NĐ-CP cho phù hợp với thực tế cung cấp dịch vụ hiện nay, đặc biệt bổ sung các quy định quản lý dịch vụ cung cấp xuyên biên giới.

- Tổ chức họp định kỳ, đột xuất nhằm định hướng, chấn chỉnh kịp thời hoạt động của các trang mạng xã hội trong nước.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước phát triển, tạo ra những “đơn vị tiên phong” đủ mạnh để cạnh tranh, chiếm lĩnh thị trường.

- Nâng cao năng lực quản lý, đẩy mạnh công tác kiểm tra, rà soát, kiên quyết xử lý thông tin sai phạm trên mạng. Đối với các trường hợp vi phạm nhiều lần, mức độ nghiêm trọng có thể xem xét rút giấy phép. Tăng cường hướng dẫn, phối hợp với Sở TTTT các địa phương và các đơn vị chức năng có liên quan xử lý hoạt động sai phạm về thông tin điện tử trên mạng.

4.2. Các giải pháp kỹ thuật.

- Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các đơn vị quản lý và doanh nghiệp; nghiên cứu, định hướng trong việc xây dựng bộ lọc và có cơ chế cập nhật khi có yêu cầu để các doanh nghiệp thực hiện; kịp thời ngăn chặn truy cập, chia sẻ, tạm ngừng hiển thị nội dung trên mạng Internet khi phát hiện thông tin vi phạm.

- Chuẩn bị các phương án kỹ thuật phù hợp để có thể chủ động ngăn chặn các thông tin vi phạm trong trường hợp khẩn cấp với quyết tâm, thống nhất cao và sự phối hợp đồng bộ của các bộ ngành, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet.

4.3. Xây dựng đầu mối tiếp nhận, quy trình xử lý tin giả. Bộ TTTT và các Sở TTTT tại các địa phương sẽ là đầu mối thực hiện việc xử lý đối với các hành vi tung tin giả của các tổ chức, cá nhân tại Việt Nam theo quy định của pháp luật. Việc xác định tin giả cần có sự phối hợp đồng bộ giữa các bộ, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, đặc biệt trong việc nhận diện và xác định tin giả theo từng lĩnh vực, đối tượng ảnh hưởng đối với các vấn đề liên quan đến an ninh, chính trị, kinh tế, xã hội... Ngoài ra, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân bị ảnh hưởng trực tiếp cần chủ động tập hợp, cung cấp các tài liệu, chứng cứ để các cơ quan chức năng xác lập hành vi của các đối tượng tung tin giả.

4.4. Giải pháp truyền thông, nâng cao nhận thức.

- Tiếp tục chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cho người sử dụng về các quy định của pháp luật có liên quan nội dung thông tin trên mạng.

- Tăng cường việc tổ chức các buổi tọa đàm, giao lưu với các thế hệ học sinh, sinh viên và các bậc phụ huynh nhằm cung cấp, trao đổi thông tin về những mặt tích cực và tiêu cực của Internet để thế hệ trẻ biết sàng lọc các luồng thông tin xấu độc.

- Đối với các cơ quan nhà nước, đặc biệt là các cơ quan hoạt động trong lĩnh vực tuyên truyền, cần coi mạng xã hội cũng là một kênh truyền thông tương tự như báo, đài để tiến hành các hoạt động tuyên truyền.

- Đối với các ban, ngành có hoạt động tiếp xúc với người dân nhiều thì càng cần coi mạng xã hội cũng như Internet là một kênh quan trọng và cần có kế hoạch truyền thông của riêng mình. Cần khuyến khích các cơ quan nhà nước bên cạnh website của mình cần mở thêm một kênh thông tin giới thiệu về chuyên ngành và lĩnh vực mình quản lý, qua đó tiếp cận và minh bạch thông tin với người dân.

- Xây dựng và phổ biến rộng rãi bộ quy tắc, chuẩn mực xã hội đối với người sử dụng Internet tại Việt Nam, thúc đẩy hình thành văn hóa ứng xử, chia sẻ thông tin lành mạnh, lên án, tẩy chay hành vi đi ngược lại lợi ích cộng đồng, lợi ích quốc gia trên mạng Internet. Triển khai các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến kỹ năng sử dụng internet an toàn và hiệu quả.

4.5. Giải pháp thúc đẩy mạng xã hội do doanh nghiệp tại Việt Nam cung cấp dịch vụ: Tính đến tháng 6/2019, Việt Nam đã có 521 Mạng xã hội được cấp phép, với tổng số lượng thành viên vào khoảng 65 triệu người tham gia vào các Mạng xã hội của Việt Nam.

4.6. Tăng cường phối hợp với các bộ, ngành có liên quan như Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính, Bộ Công An cùng triển khai đồng bộ các biện pháp đấu tranh về an ninh, chính trị, kinh tế, kỹ thuật.

4.7. Hợp tác quốc tế. Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế trong khu vực và trên thế giới để tăng cường trao đổi, hợp tác quốc tế trong việc quản lý nội dung thông tin trên mạng nói chung và đối với việc xử lý thông tin vi phạm trên mạng nói riêng. Tham khảo thông lệ quốc tế trong việc phối hợp, xử lý thông tin vi phạm của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xuyên biên giới.

4.8. Tham gia phối hợp của các Bộ, ngành. Hiện nay, lĩnh vực quản lý của hầu hết các bộ, ngành đều được cung cấp trên mạng thông qua ứng dụng chuyên ngành, như mua bán trực tuyến, thanh toán trực tuyến, khám chữa bệnh trực tuyến, giáo dục - đào tạo trực tuyến, xem phim trực tuyến… Do đó, việc quản lý hoạt động cung cấp, sử dụng thông tin, dịch vụ trên mạng liên quan đến nhiều Bộ, ngành. Vì vậy, để việc quản lý nội dung, dịch vụ trên mạng hiệu quả cần sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành có liên quan. Theo đó, phân cấp trách nhiệm của các bộ, ngành có liên quan như sau:

- Bộ TTTT: Là cơ quan chịu trách nhiệm đầu mối quản lý, xử lý thông tin vi phạm nói chung theo quy định về quản lý, cung cấp và sử dụng thông tin trên mạng.

- Bộ Công an: Điều tra, phối hợp để xác định hành vi, nhân thân vi phạm, chuyển Bộ TTTT để xử lý vi phạm hành chính đối với những trường hợp xác định không xử lý hình sự.

- Sở TTTT các tỉnh, thành phố: Phối hợp với Bộ TTTT và các Sở chức năng tại địa phương để xử lý với vi phạm xuất phát tại địa phương hoặc cá nhân vi phạm ở địa phương.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính nghiên cứu bổ sung các quy định quản lý hiệu quả đối với các dịch vụ xuyên biên giới, đặc biệt việc kiểm soát hiệu quả luồng tiền thanh toán qua hệ thống ngân hàng thương mại của Việt Nam để thanh toán cho các dịch vụ bất hợp pháp cung cấp trên nền tảng Facebook và Google.

**Câu 2:** ***Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan báo chí tiếp tục đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, đề cao giá trị đạo đức, lối sống tốt đẹp, kịp thời cung cấp thông tin chính thống để tạo đồng thuận xã hội và thực hiện, thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra; tăng cường kiểm soát, xử lý nghiêm việc đưa thông tin sai sự thật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, danh dự cá nhân, tổ chức trên mạng xã hội.***

**Trả lời**

\* Đối với nội dung “Đề nghị Bộ TTTT chỉ đạo các cơ quan báo chí tiếp tục đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, đề cao giá trị đạo đức, lối sống tốt đẹp, kịp thời cung cấp thông tin chính thống để tạo đồng thuận xã hội và thực hiện, thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra”. Bộ TTTT có ý kiến như sau: Là cơ quan ngôn luận của cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, báo chí có nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến, góp phần xây dựng và bảo vệ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thành tựu của đất nước và thế giới theo tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí; góp phần ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao dân trí, đáp ứng nhu cầu văn hóa lành mạnh của Nhân dân, bảo vệ và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, xây dựng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; đấu tranh phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật và các hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Trước các sự kiện nổi bật hoặc vụ việc được dư luận quan tâm, Bộ TTTT đã phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương và các cơ quan liên quan, ngoài việc gửi kế hoạch tuyên truyền đến các cơ quan báo chí, còn trực tiếp trao đổi nội dung thông tin và những vấn đề cần lưu ý khi đưa tin tại các cuộc giao ban báo chí hàng tuần để các cơ quan báo chí có thể tổ chức thông tin, tuyên truyền chính xác, kịp thời những vấn đề dư luận xã hội quan tâm, đáp ứng nhu cầu thông tin của người dân cũng như phòng, chống, hạn chế tác động xấu từ những thông tin sai lệch, góp phần tạo sự đồng thuận trong xã hội. Thời gian qua, các cơ quan báo chí đã thực hiện việc tăng cường các chuyên trang, chuyên mục, các tuyến bài có tính chuyên sâu nhằm định hướng dư luận và tạo đồng thuận trong xã hội, góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo, giữ vững độc lập chủ quyền Tổ quốc, toàn vẹn lãnh thổ và giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định để xây dựng, phát triển đất nước. Tuyên truyền về hoạt động xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; tuyên truyền sâu rộng và có hiệu quả các đợt sinh hoạt chính trị; các cuộc vận động lớn của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc phát động như: “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, “Cả nước chung tay xây dựng nông thôn mới”; phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, “Ngành TTTT chung sức xây dựng nông thôn mới”, thực sự đã đóng góp thiết thực, hiệu quả vào sự phát triển của đất nước. Bộ TTTT sẽ tiếp tục phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo các cơ quan báo chí tiếp tục đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, đề cao giá trị đạo đức, lối sống tốt đẹp, kịp thời cung cấp thông tin chính thống để tạo đồng thuận xã hội và thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Chính phủ đề ra.

\* Đối với nội dung đề nghị “tăng cường kiểm soát, xử lý nghiêm việc đưa thông tin sai sự thật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, danh dự cá nhân, tổ chức trên mạng xã hội”. Bộ TTTT có ý kiến như sau:

1. Trong thời gian qua, Bộ TTTT đã triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp nhằm tăng cường quản lý nội dung thông tin trên mạng, đấu tranh ngăn chặn các thông tin xấu độc, vi phạm pháp luật, như:

 - Tham mưu Chính phủ ban hành, sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật nhằm tăng cường quản lý Internet và thông tin trên mạng. Các văn bản quy phạm pháp luật gồm:

+ Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

+ Thông tư số 38/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016 của Bộ TTTT quy định vềviệc cung cấp thông tin công cộng qua biên giới.

+ Hiện nay, Bộ TTTT đang tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 159/2013/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực báo chí, xuất bản; Nghị định số 174/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện.

- Tăng cường công tác hậu kiểm, xử lý các hành vi vi phạm, đặc biệt là việc xử lý các đối tượng có hành vi sai trái, phát ngôn thiếu chuẩn mực trên mạng xã hội. Bộ TTTT đã chỉ đạo Thanh tra Bộ phối hợp với các cơ quan chức năng, tăng cường công tác thanh tra, xử lý vi phạm trong hoạt động thông tin điện tử, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các đối tượng tung tin thất thiệt, phản động, kích động bạo lực, bôi nhọ, xúc phạm uy tín của tổ chức, cá nhân khác trên các trang mạng xã hội. Từ năm 2016 đến tháng 8/2019, Thanh tra Bộ và các đơn vị chức năng đã xử lý 130 trường hợp vi phạm thông tin sai sự thật, xâm phạm đời tư..., xử phạt vi phạm hành chính bằng tiền đối với 85 tổ chức, cá nhân với tổng số tiền 3.203.900.000 đồng; cảnh cáo 03 trường hợp; tước quyền sử dụng giấy phép trong thời hạn 03 tháng đối với 02 trường hợp (Báo Tuổi trẻ Online và Báo điện tử Người tiêu dùng); thu hồi 10 thẻ nhà báo do có sai phạm. Chỉ đạo, hướng dẫn các Sở TTTT đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với các hành vi vi phạm pháp luật trên mạng xã hội, điển hình là vụ việc xử phạt hành chính đối với cá nhân tung tin sai sự thật về dịch tả lợn Châu Phi gây hoang mang trong dư luận trong thời gian vừa qua. Bộ TTTT đã chỉ đạo các đơn vị chức năng tăng cường công tác hậu kiểm, xử lý các hành vi vi phạm, đặc biệt là xử lý các đối tượng có hành vi sai phạm, phát ngôn thiếu chuẩn mực trên mạng xã hội. Trong trường hợp không xác định được nhân thân của tổ chức, cá nhân vi phạm thì Bộ TTTT gửi yêu cầu các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ như Google, Youtube, Facebook,... thực hiện các biện pháp ngăn chặn, gỡ bỏ theo quy định tại Thông tư số 38/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2019.

 Sử dụng các biện pháp kỹ thuật để ngăn chặn nguồn phát tán thông tin vi phạm. - Tổ chức các đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra các công ty truyền thông, quảng cáo lớn trong nước nhằm chấn chỉnh hoạt động quảng cáo trên môi trường mạng, nhất là hoạt động quảng cáo trên các trang mạng nước ngoài cung cấp xuyên biên giới vào Việt Nam như Facebook và Google.

- Chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông tăng cường tuyên truyền, nâng cao ý thức, trách nhiệm cho người sử dụng Internet và mạng xã hội;phê phán các hành vi sai phạm khi sử dụng mạng xã hội; vạch trần âm mưu, thủ đoạn lợi dụng Internet và mạng xã hội để chống phá Đảng, Nhà nước của các thế lực thù địch; làm rõ những hoạt động kinh doanh vi phạm pháp luật Việt Nam của các trang mạng nước ngoài cung cấp dịch vụ xuyên biên giới vào Việt Nam, đặc biệt là Google và Facebook.

- Chủ động đàm phán, quyết liệt đấu tranh với Google và Facebook, buộc 02 doanh nghiệp này phải cam kết và nghiêm túc triển khai việc ngăn chặn, gỡ bỏ các thông tin phản động, xấu độc trên hai mạng xã hội này khi có yêu cầu từ phía Chính phủ Việt Nam.

- Xây dựng Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia. Từ giữa tháng 10 năm 2018, Bộ TTTT đã đưa vào hoạt động “Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia”. Trung tâm này đảm nhận nhiệm vụ tự động rà soát, phát hiện, đánh giá thông tin trên mạng, triển khai các giải pháp kỹ thuật mới để ngăn chặn hiệu quả sự phát tán của thông tin xấu độc, phản cảm trên các trang web, mạng xã hội có tên miền quốc tế, đặt máy chủ ở nước ngoài.

- Bộ TTTT cũng đã thiết lập sự phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong việc yêu cầu các ngân hàng thương mại kiểm soát, báo cáo, ngăn chặn các luồng tiền chi trả cho các dịch vụ bất hợp pháp được chuyển đến Facebook và Google.

-Yêu cầu các doanh nghiệp viễn thông rà soát, ký lại thỏa thuận hoạt động đặt máy chủ (caching) của Facebook tại Việt Nam, bổ sung các trách nhiệm phải tuân thủ luật pháp Việt Nam khi cung cấp dịch vụ cho người sử dụng tại Việt Nam; trường hợp không tuân thủ, các doanh nghiệp viễn thông sẽ thực hiện các biện pháp chặn kỹ thuật từng thời điểm theo chỉ đạo của Bộ.

2. Các giải pháp trong thời gian tới:

- Giải pháp về cơ chế chính sách: Hoàn thiện sửa đổi, bổ sung, xây dựng các văn bản pháp lý mới, về cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, Nghị định số 72/2013/NĐ-CP cho phù hợp với thực tế cung cấp dịch vụ hiện nay, đặc biệt bổ sung các quy định quản lý dịch vụ cung cấp xuyên biên giới.

- Các giải pháp kỹ thuật: Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các đơn vị quản lý và doanh nghiệp; chuẩn bị các phương án kỹ thuật phù hợp để có thể chủ động ngăn chặn các thông tin vi phạm trong trường hợp khẩn cấp với quyết tâm, thống nhất cao và sự phối hợp đồng bộ của các bộ ngành, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet.

- Xây dựng đầu mối tiếp nhận, quy trình xử lý tin giả.

- Giải pháp truyền thông, nâng cao nhận thức.

- Giải pháp thúc đẩy mạng xã hội do doanh nghiệp tại Việt Nam cung cấp dịch vụ: Tính đến tháng 6/2019, Việt Nam đã có 521 Mạng xã hội được cấp phép, với tổng số lượng thành viên vào khoảng 65 triệu người tham gia vào các Mạng xã hội của Việt Nam.

- Tăng cường phối hợp, phân cấp trách nhiệmgiữa các bộ, ngành có liên quan như Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, Bộ Công An cùng triển khai đồng bộ các biện pháp đấu tranh về an ninh, chính trị, kinh tế, kỹ thuật.

- Hợp tác quốc tế: Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế trong khu vực và trên thế giới để tăng cường trao đổi, hợp tác quốc tế trong việc quản lý nội dung thông tin trên mạng nói chung và đối với việc xử lý thông tin vi phạm trên mạng nói riêng.

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

**Câu 1:** ***Cử tri kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tăng cường quảng bá, xúc tiến du lịch tại các thị trường trọng điểm; thực hiện đồng bộ các giải pháp đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, nâng cao chất lượng du lịch, bảo đảm mục tiêu tăng lượng khách du lịch đã đề ra; phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có giải pháp cụ thể để phát huy giá trị đạo đức, văn hóa trong xã hội, trong đó chú ý về nếp sống văn minh, giữ gìn vệ sinh môi trường, ứng xử nơi công cộng kể cả ở trong nước và khi ra nước ngoài.***

**Trả lời**

1. Về việc quảng bá, xúc tiến du lịch tại các thị trường trọng điểm; thực hiện các giải pháp bảo đảm mục tiêu tăng lượng khách du lịch

1.1. Tăng cường quảng bá, xúc tiến du lịch tại các thị trường trọng điểm Thời gian qua, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã thực hiện đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch Việt Nam tại các thị trường trọng điểm. Để nâng cao chất lượng của các hoạt động xúc tiến, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành: Chiến lược marketing du lịch đến năm 2020, Chiến lược phát triển thương hiệu du lịch Việt Nam đến năm 2025, Chiến lược phát triển sản phẩm du lịch Việt Nam đến năm 2025 và phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả xúc tiến quảng bá du lịch Việt Nam. Đến nay, cả nước đã có 58/63 tỉnh/thành phố đã thành lập bộ phận chuyên trách về xúc tiến du lịch.

Tuy nhiên, hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch Việt Nam trong thời gian qua còn một số hạn chế:

- Kinh phí dành cho xúc tiến du lịch hạn chế, cơ chế tài chính nhiều bất cập. Ngân sách Nhà nước Trung ương cấp cho xúc tiến du lịch khoảng 2 triệu đô la Mỹ/năm, thấp so với yêu cầu thực tế và rất thấp so với các nước như Thái Lan (86 triệu đô la Mỹ), Malaysia (130 triệu đô la Mỹ), Singapore (100 triệu đô la Mỹ).

- Chưa có văn phòng xúc tiến du lịch quốc gia ở nước ngoài, trong khi: Thái Lan có 28 văn phòng, Malaysia có 35 văn phòng, Singapore có 23 văn phòng, Hàn Quốc có 31 văn phòng.

- Sự phối hợp giữa các cơ quan trong xúc tiến điểm đến quốc gia còn hạn chế. Phối hợp liên ngành Du lịch, Ngoại giao, Công thương, Hàng không đã có nhiều cải thiện nhưng chưa thống nhất kế hoạch chung, còn trùng lặp hoạt động.

Để khắc phục hạn chế, tăng cường xúc tiến, quảng bá du lịch Việt Nam tại các thị trường trọng điểm, trong thời gian tới, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện một số giải pháp cơ bản như sau:

- Triển khai và sử dụng hiệu quả nguồn tài chính từ Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch.

- Nghiên cứu, đề xuất thành lập văn phòng xúc tiến du lịch quốc gia tại các thị trường trọng điểm.

- Phối hợp công - tư, tập trung nguồn lực của Trung ương, địa phương và doanh nghiệp trong công tác xúc tiến quảng bá, ưu tiên hoạt động tại thị trường du lịch trọng điểm.

- Ứng dụng công nghệ (E-marketing, thiết bị di động, các công cụ xúc tiến trên nền tảng mạng xã hội...).

- Đổi mới nội dung, phương thức giới thiệu sản phẩm du lịch của Việt Nam để tạo sự lôi cuốn, ấn tượng thu hút khách du lịch.

- Phát huy vai trò của cơ quan văn hóa, cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam tại nước ngoài, cơ quan thương vụ... nhất là tại các thị trường trọng điểm của du lịch Việt Nam.

1.2. Thực hiện các giải pháp bảo đảm mục tiêu tăng lượng khách du lịch Năm 2019, du lịch Việt Nam hướng đến mục tiêu đón khoảng 18 triệu lượt khách quốc tế, 85 triệu lượt khách du lịch nội địa, tổng thu du lịch đạt trên 700 nghìn tỷ đồng, đóng góp khoảng 9% vào GDP.

Để đảm bảo mục tiêu tăng trưởng lượng khách du lịch đã đề ra, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trương tập trung vào một số giải pháp sau:

- Tập trung xúc tiến vào các thị trường nguồn có ưu thế là Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Nga, ASEAN.

- Mở rộng khai thác thị trường: Úc, Newzeland, Trung Đông, Ấn Độ...

- Làm việc với các Bộ, ngành, địa phương để tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi thu hút khách quốc tế qua các cửa khẩu đường bộ.

- Khuyến khích các địa phương, doanh nghiệp tổ chức xúc tiến, có chương trình kích cầu du lịch nhằm đẩy mạnh thu hút khách du lịch.

- Tạo thuận lợi thu hút khách quốc tế đến Việt Nam thông qua các chính sách visa, tăng cường kết nối hàng không, phát triển hạ tầng dịch vụ du lịch.

- Phát triển nguồn nhân lực đủ cả về số lượng và chất lượng, đặc biệt là nhân lực có chất lượng cao.

- Kiểm soát chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm, điểm đến du lịch; tập trung vào các loại hình du lịch có tính chiến lược, có sức lan tỏa như: du lịch biển, du lịch sự kiện thể thao (F1...), du lịch nông nghiệp, nông thôn...

2. Về việc phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương có giải pháp cụ thể để phát huy giá trị đạo đức, văn hóa trong xã hội Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã và đang tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

- Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã được nêu tại Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Trước hết là tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành, tổ chức thực hiện các luật, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo về bồi dưỡng đạo đức, xây dựng lối sống. Trong thời gian qua, Bộ đã tham mưu, trình các cấp có thẩm quyền ban hành nhiều văn bản liên quan đến công tác xây dựng đạo đức, lối sống con người Việt Nam. Xây dựng Chỉ thị của Ban Bí thư về “Tăng cường bồi dưỡng đạo đức, xây dựng lối sống con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay”.

- Đẩy mạnh xây dựng đạo đức, lối sống mới thông qua xây dựng môi trường văn hóa, đời sống văn hóa: Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao, các sinh hoạt văn nghệ, hoạt động cộng đồng, phong trào văn hóa góp phần nâng cao đời sống tinh thần và thể chất của nhân dân, lành mạnh hóa lối sống. Lấy môi trường văn hóa lành mạnh, đời sống văn hóa phong phú đẩy lùi nguy cơ con người sa vào các tệ nạn xã hội hay tha hóa về đạo đức, lối sống.

- Nâng cao hiệu quả Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”: Xây dựng trình Chính phủ ban hành Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 quy định về quản lý và tổ chức lễ hội; Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 09/02/2018 về “Đẩy mạnh việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang”... Qua đó, tạo cơ chế pháp lý hữu hiệu để khuyến khích, xây dựng lối sống, nếp sống, giải quyết các vấn đề liên quan đến phân công trách nhiệm giữa các Bộ, ngành cũng như cơ chế phối hợp giữa các cơ quan của Chính phủ với các tổ chức chính trị-xã hội trong việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, gắn với thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, xây dựng văn minh đô thị. - Phát huy sứ mệnh của văn học nghệ thuật, vai trò của văn nghệ sỹ đối với xây dựng đạo đức, nâng cao văn hóa ứng xử: Đề cao vai trò giáo dục đạo đức của văn học nghệ thuật, hướng con người tới chân, thiện, mỹ. Làm sao để ngày càng có nhiều bộ phim, tác phẩm, vở diễn, chương trình nghệ thuật có chất lượng cao, góp phần bồi bổ tâm hồn, xây dựng nhân cách, giáo dục đạo đức, đấu tranh với những biểu hiện xuống cấp đạo đức.

- Tăng cường phối hợp liên ngành trong xây dựng đạo đức, lối sống: Tiếp tục phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo đưa di sản văn hóa vào trường học, triển khai phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”. Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam... triển khai các Chương trình phối hợp trong xây dựng đạo đức, lối sống trong các lĩnh vực, địa bàn công tác có liên quan. Phát huy hiệu quả phối hợp giáo dục của 3 môi trường “gia đình - nhà trường - xã hội”.

- Triển khai thực hiện Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 29/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Đẩy mạnh giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình”; “Đề án tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình Việt Nam đến 2020”; “Kế hoạch nâng cao hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên các cơ sở đào tạo trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giai đoạn 2016 - 2020”; “Chương trình giáo dục đời sống gia đình đến năm 2020”; “Đề án phát huy giá trị tốt đẹp các mối quan hệ trong gia đình và hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững đến năm 2020”...

- Tiếp tục thí điểm thực hiện “Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình”. Xây dựng và ban hành các bộ tiêu chí đạo đức, quy tắc ứng xử phù hợp với từng lĩnh vực như: du lịch, đào tạo, văn hóa công sở, văn hóa doanh nghiệp...

- Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, xử lý sai phạm: Kiên quyết chấn chỉnh, xử lý các vi phạm đạo đức trong hoạt động nghệ thuật biểu diễn, bản quyền tác giả, mỹ thuật, nhiếp ảnh, điện ảnh, tổ chức lễ hội, du lịch, thể dục thể thao, nhất là những hành vi bạo lực, phản cảm, ứng xử thiếu văn hóa. Siết chặt quản lý các sản phẩm, dịch vụ văn hóa độc hại.

- Tiếp tục tập trung triển khai thực hiện các quy định của Luật Du lịch, Luật Di sản văn hóa và các Luật liên quan khác, Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 04/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý môi trường du lịch bảo đảm an ninh, an toàn cho khách du lịch và Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 02/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, tập trung khắc phục yếu kém, thúc đẩy phát triển du lịch. Triển khai sâu rộng Bộ Tiêu chí đánh giá điểm đến du lịch và Bộ Quy tắc ứng xử văn minh du lịch trong hoạt động du lịch tại các điểm đến du lịch; vận động nhân dân tự giác, tích cực tham gia phong trào ứng xử văn minh, giữ gìn trật tự xã hội, vệ sinh môi trường, cam kết không tham gia hoặc tiếp tay cho các hành vi xâm hại khách du lịch, không để các tệ nạn xã hội xảy ra trong các cơ sở kinh doanh du lịch.

**Câu 2:** ***Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp tục tăng cường xúc tiến quảng bá du lịch; quản lý và kiểm soát chặt chẽ chất lượng kinh doanh dịch vụ phục vụ hoạt động du lịch; đảm bảo an ninh, an toàn cho khách du lịch; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các dịch vụ du lịch; tăng cường kiểm tra, ngăn chặn kịp thời các biểu hiện tiêu cực, lợi dụng lễ hội, tín ngưỡng tôn giáo, mê tín, dị đoan để thu lợi bất chính; tiếp tục tuyên truyền, phổ biến các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc.***

**Trả lời**

1. Về đề nghị tiếp tục tăng cường xúc tiến quảng bá du lịch Thời gian qua, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã thực hiện đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch Việt Nam tại các thị trường trọng điểm. Để nâng cao chất lượng của các hoạt động xúc tiến, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành: Chiến lược marketing du lịch đến năm 2020, Chiến lược phát triển thương hiệu du lịch Việt Nam đến năm 2025, Chiến lược phát triển sản phẩm du lịch Việt Nam đến năm 2025 và phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả xúc tiến quảng bá du lịch Việt Nam. Đến nay, cả nước có 58/63 tỉnh/thành phố đã thành lập bộ phận chuyên trách về xúc tiến du lịch.

Tuy nhiên, hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch Việt Nam trong thời gian qua còn một số điểm hạn chế sau:

- Kinh phí dành cho xúc tiến du lịch hạn chế, cơ chế tài chính nhiều bất cập. Ngân sách nhà nước cấp cho xúc tiến du lịch khoảng 2 triệu đô la Mỹ, rất thấp so với yêu cầu thực tế và với các nước trong khu vực như Thái Lan (86 triệu), Malaysia (130 triệu), Singapore (100 triệu).

- Chưa có văn phòng xúc tiến du lịch quốc gia ở nước ngoài, trong khi: Thái Lan có 28 văn phòng, Malaysia có 35 văn phòng, Singapore có 23 văn phòng, Hàn Quốc có 31 văn phòng.

- Sự phối hợp giữa các cơ quan trong xúc tiến điểm đến quốc gia còn hạn chế. Phối hợp liên ngành du lịch, ngoại giao, công thương, hàng không đã có nhiều cải thiện nhưng chưa thống nhất kế hoạch chung, còn trùng lặp hoạt động. Để khắc phục hạn chế, tăng cường xúc tiến, quảng bá du lịch Việt Nam tại các thị trường trọng điểm, trong thời gian tới, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện một số giải pháp cơ bản sau:

- Triển khai và sử dụng hiệu quả nguồn tài chính từ Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch.

- Thành lập văn phòng xúc tiến du lịch quốc gia tại các thị trường trọng điểm. - Phối hợp công - tư, tập trung nguồn lực của Trung ương, địa phương và doanh nghiệp trong công tác xúc tiến quảng bá, ưu tiên hoạt động tại thị trường du lịch trọng điểm.

- Ứng dụng công nghệ (E-marketing, thiết bị di động, các công cụ xúc tiến trên nền tảng mạng xã hội...).

- Đổi mới nội dung, phương thức giới thiệu sản phẩm du lịch của Việt Nam để tạo sự lôi cuốn, ấn tượng thu hút khách du lịch.

- Phát huy vai trò của cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam tại nước ngoài, cơ quan thương vụ... nhất là tại các thị trường trọng điểm của du lịch Việt Nam.

2. Về đề nghị kiểm soát chặt chẽ chất lượng dịch vụ du lịch, đảm bảo an ninh, an toàn cho khách du lịch Về nội dung kiến nghị của cử tri, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã và đang thực hiện những nội dung sau:

- Chỉ đạo các địa phương triển khai thực hiện các quy định của Luật Du lịch, Luật Di sản văn hóa và các Luật liên quan khác, Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 04/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý môi trường du lịch, đảm bảo an ninh, an toàn cho khách du lịch; Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 02/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, tập trung khắc phục yếu kém, thúc đẩy phát triển du lịch.

- Tổ chức tuyên truyền về vai trò của ngành Du lịch, vận động các cơ sở kinh doanh du lịch thực hiện quy định của nhà nước về kinh doanh du lịch, đặc biệt là công tác đảm bảo an ninh, an toàn, trật tự xã hội, công tác phòng, chống cháy nổ, vệ sinh an toàn thực phẩm, vận động nhân dân tự giác, tích cực tham gia phong trào ứng xử văn minh, giữ gìn trật tự xã hội, vệ sinh môi trường, cam kết không tham gia hoặc tiếp tay cho các hành vi xâm hại khách du lịch, không để các tệ nạn xã hội xảy ra trong các cơ sở kinh doanh du lịch.

- Đề nghị các địa phương chú trọng công tác bảo tồn, tôn tạo các di sản, di tích lịch sử, văn hóa và cảnh quan thiên nhiên; chủ động nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm, xây dựng những sản phẩm du lịch phù hợp nhằm thu hút khách du lịch trong những mùa thấp điểm, hạn chế tình trạng quá tải khách du lịch trong mùa cao điểm.

- Triển khai áp dụng Bộ Tiêu chí đánh giá điểm đến du lịch, Bộ Quy tắc ứng xử văn minh du lịch trong hoạt động du lịch tại các điểm đến du lịch.

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng chủ động tiến hành thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của nhà nước trong hoạt động du lịch, hoạt động kinh doanh dịch vụ tại các điểm đến du lịch, khu, điểm du lịch, phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm nhằm kiểm soát và từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ, đảm bảo an ninh, trật tự đáp ứng yêu cầu phục vụ khách du lịch. Trong 6 tháng đầu năm 2019, đã triển khai thực hiện 09 đoàn thanh tra trong lĩnh vực du lịch đối với 108 tổ chức, cá nhân, tại các địa phương như: Tp. Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Phú Yên, Bắc Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu, Nghệ An, Ninh Bình, Gia Lai, Thái Bình, Vĩnh Phúc và Hưng Yên. Qua thanh tra đã phát hiện và xử lý kịp thời các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, xử phạt hành chính đối với 07 đơn vị, tổng số tiền phạt: 62,5 triệu đồng.

- Tổ chức các hoạt động tôn vinh, khen thưởng các tập thể, cá nhân có sáng kiến cải tiến chất lượng, cung cấp các dịch vụ chất lượng tốt, được dư luận và khách du lịch đánh giá cao.

3. Về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dịch vụ du lịch Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã xây dựng, tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 30/11/2018 phê duyệt Đề án tổng thể ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực du lịch giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2025. Hiện nay, Bộ đang tập trung triển khai các nội dung sau:

- Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành du lịch kết hợp với triển khai Đề án Hệ tri thức Việt số hóa.

- Xây dựng Bản đồ số du lịch Việt Nam. - Phát triển các ứng dụng về quản lý hướng dẫn viên du lịch, lữ hành, cơ sở lưu trú, thống kê du lịch...

- Phát triển các mô hình du lịch thông minh, thực tế ảo, trí tuệ nhân tạo, hướng dẫn du lịch tự động…

- Tổ chức cuộc thi Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ứng dụng công nghệ thông tin phát triển du lịch. Hiện có 2 loại hình doanh nghiệp du lịch đã tiếp cận với công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo để phát triển, đáp ứng nhu cầu của du khách. Trong đó, các doanh nghiệp công nghệ thông tin chuyên nghiên cứu để đưa ra các ứng dụng mới cho ngành du lịch. Gần đây đã có thêm hàng chục công ty công nghệ thông tin cho ra đời các công cụ trợ giúp thực hiện các giao dịch đặt phòng, đặt tour, thanh toán thuận lợi, nhanh chóng. Nhiều công ty công nghệ đã tiến xa hơn với việc tạo ra sàn giao dịch cho các đơn vị du lịch giao dịch. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp làm du lịch cũng ứng dụng các công cụ công nghệ thông tin vào việc kinh doanh lưu trú, bán tour, dịch vụ, bán vé máy bay… nhằm đáp ứng nhu cầu đang ngày càng cao của du khách trong nước, quốc tế. Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào phát triển dịch vụ du lịch là xu hướng tất yếu để du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước.

4. Về đề nghị tăng cường kiểm tra, ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, lợi dụng lễ hội, tín ngưỡng tôn giáo, mê tín, dị đoan để thu lợi bất chính Thời gian qua, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã triển khai các giải pháp sau:

- Tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 quy định về quản lý và tổ chức lễ hội.

- Tổ chức các Hội nghị sơ kết, tổng kết công tác quản lý và tổ chức lễ hội.

- Kiểm kê và công nhận một số Lễ hội truyền thống trong danh sách Di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia.

- Xây dựng Đề án tuyên truyền về thực hiện nếp sống văn minh trong lễ hội (Quyết định số 71/QĐ-BVHTTDL ngày 12/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành kế hoạch triển khai các giải pháp tăng cường thực hiện nếp sống văn minh trong hoạt động lễ hội giai đoạn 2019 - 2020).

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền tại các di tích, lễ hội về lịch sử di tích, lễ hội; các quy định về bảo vệ di tích và việc thực hiện nếp sống văn minh tại di tích và lễ hội; thực hiện nếp sống văn minh khi tham gia lễ hội (Quyết định số 848/QĐ-BVHTTDL ngày 08/3/2019 phê duyệt kế hoạch tuyên truyền, khuyến nghị người dân không đốt đồ mã, vàng mã tại di tích, cơ sở thờ tự và lễ hội).

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ văn hóa cơ sở; tăng cường thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi tổ chức lễ hội, kịp thời ngăn chặn và xử lý nghiêm các vi phạm, biểu hiện tiêu cực, biến tướng trong lễ hội. Hàng năm, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đều xây dựng kế hoạch, tổ chức thanh tra công tác quản lý và tổ chức lễ hội, trọng tâm là kiểm tra các hoạt động lễ hội còn để xảy ra những hành vi phản cảm, tiêu cực, lợi dụng lễ hội để hoạt động mê tín dị đoan và các hoạt động không lành mạnh (lưu hành, kinh doanh văn hóa phẩm trái phép không phù hợp với thuần phong, mỹ tục; tổ chức các trò chơi mang tính cờ bạc; lợi dụng di tích, nơi thờ tự, lễ hội nhằm trục lợi, tuyên truyền mê tín, dị đoan, thu lợi bất chính và các biểu hiện không lành mạnh khác...).

Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành, nhân dân và du khách trong việc thực hiện các quy định về quản lý và tổ chức lễ hội. Kết thúc thanh tra, kiểm tra đều lập biên bản, nêu rõ những tồn tại, hạn chế và yêu cầu ban tổ chức lễ hội có giải pháp khắc phục. Trong thời gian tới, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp tục chỉ đạo triển khai các giải pháp:

- Thực hiện hiệu quả các văn bản của Đảng và Nhà nước quy định về quản lý và tổ chức lễ hội; các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm quản lý nhà nước của các địa phương; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể trong việc quản lý và tổ chức lễ hội; bảo tồn có chọn lọc những phong tục tập quán của dân tộc theo xu hướng lành mạnh, tiến bộ, tiết kiệm.

- Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức pháp luật cho người dân, bảo vệ giá trị văn hóa của lễ hội.

- Đẩy mạnh vai trò truyền thông của các cơ quan báo chí trong việc giới thiệu nguồn gốc, nhận diện giá trị của lễ hội, di tích; giới thiệu, định hướng những hành vi ứng xử văn hóa khi tham gia lễ hội.

- Thực hiện kiểm kê, lập hồ sơ khoa học đối với lễ hội truyền thống để đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. –

 Tăng cường thanh tra, kiểm tra hoạt động tổ chức lễ hội; kịp thời ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật.

- Khen thưởng các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt công tác tổ chức và tham gia hoạt động lễ hội.

**BỘ XÂY DỰNG**

**Câu 1:** ***Cử tri Bình Định kiến nghị “Cử tri kiến nghị sớm ban hành các nghị định, thông tư hướng dẫn triển khai Luật Quy hoạch năm 2017, làm cơ sở triển khai các quy hoạch liên quan đến đất đô thị. Rà soát, sửa đổi các cơ chế chính sách về quản lý đất đô thị sao cho tích hợp và đơn giản các thủ tục hành chính, giao cho một đơn vị đầu mối theo dõi đối với các dự án đầu tư phát triển đô thị, hạn chế tình trạng nhiều ngành cùng tham gia quản lý. Bổ sung xây dựng các khung chính sách, các cơ chế hỗ trợ cụ thể đẩy mạnh phát triển đô thị đồng bộ, hiệu quả, theo hướng tăng trưởng xanh, phát triển đô thị thông minh”***

**Trả lời**

1. Về việc ban hành các nghị định, thông tư hướng dẫn triển khai Luật Quy hoạch năm 2017: Việc xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các Nghị định, Thông tư hướng dẫn Luật Quy hoạch, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch...thuộc trách nhiệm của nhiều Bộ, ngành. Riêng Bộ Xây dựng được Chính phủ giao chủ trì xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng. Nghị định này đã trình Chính phủ tại tờ trình số 43/TTr-BXD ngày 23/04/2019. Ngày 10/6/2019, Văn phòng Chính phủ đã có văn bản số 5042/VPCP-CN lấy ý kiến Thành viên Chính phủ đối với dự thảo Nghị định. Bộ Xây dựng đã có giải trình ý kiến của các Thành viên Chính phủ và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về dự thảo Nghị định này(văn bản số 1628/BXD-QHKT ngày 11/7/2019).

2. Về việc rà soát, sửa đổi các cơ chế chính sách về quản lý đất đô thị: Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang chủ trì soạn thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Bộ Xây dựng sẽ phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách về quản lý đất đô thị theo hướng tích hợp và đơn giản các thủ tục hành chính, giao cho một đơn vị đầu mối theo dõi đối với các dự án đầu tư phát triển đô thị, hạn chế tình trạng nhiều ngành cùng tham gia quản lý.

3. Về việc bổ sung xây dựng các khung chính sách, các cơ chế hỗ trợ cụ thể đẩy mạnh phát triển đô thị đồng bộ, hiệu quả, theo hướng tăng trưởng xanh, phát triển đô thị thông minh: Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 01/2018/TT-BXD ngày 05/01/2018 quy định về chỉ tiêu xây dựng đô thị tăng trưởng xanh, theo đó các chỉ tiêu này được áp dụng để đánh giá thực trạng phát triển đô thị tăng trưởng xanh hàng năm hoặc từng giai đoạn, được so sánh với hiện trạng phát triển đô thị năm cơ sở nhằm đề xuất, phê duyệt và thúc đẩy thực hiện các chính sách, hoạt động xây dựng đô thị tăng trưởng xanh.Trong thời gian tới, Bộ Xây dựng sẽ tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các chính sách, giải pháp khác nhằm đẩy mạnh phát triển đô thị đồng bộ, hiệu quả, theo hướng tăng trưởng xanh, phát triển đô thị thông minh. Bộ Xây dựng xin ghi nhận ý kiến kiến nghị của cử tri tỉnh Bình Định và sẽ phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan liên quan để nghiên cứu, đề xuất hướng tiếp thu trong quá trình xây dựng và hoàn thiện thể chế.

**BỘ CÔNG THƯƠNG**

**Câu 1:** ***Cử tri Bình Định kiến nghị: Cử tri phản ánh việc tăng giá điện, xăng, dầu làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống người dân và hoạt động sản xuất kinh doanh, nhất là người dân nghèo ở nông thôn. Cử tri cho rằng, việc tăng giá xăng dầu, điện là chưa tính đến lợi ích của người dân. Việc điều chỉnh giá điện, giá xăng dầu trong khoảng thời gian ngắn đã đẩy chỉ số tiêu dùng (CPI) tăng cao hơn, một số nhóm hàng hóa dịch vụ tiêu dùng tăng giá theo, biến động giá xăng dầu và tăng giá điện đã khiến lạm phát cơ bản tăng. Đề nghị Bộ Công thương: thanh tra, kiểm tra lại việc tăng giá điện, giá xăng dầu và thông báo công khai kết luận thanh tra, kiểm tra để cử tri và nhân dân được biết (kiểm tra việc đầu tư ngoài ngành không hiệu quả của một số Doanh nghiệp Nhà nước đặc biệt là ngành điện, ngành dầu khí dẫn đến tình trạng thua lỗ nặng và tăng giá để bù lỗ, thiếu điện tiêu thụ nhưng vẫn bán điện ra nước ngoài như Lào, Campuchia,…); xem xét lại việc lại việc tăng giá điện, giá xăng; có chính sách điều chỉnh phù hợp; tăng cường quản lý tính công khai minh bạch, giám sát chặt chẽ lộ trình tăng giá các mặt hàng thiết yếu này.***

**Trả lời**

Trong đợt nắng nóng cuối tháng 4 và đầu tháng 5 năm 2019, trước phản ánh của một số khách hàng sử dụng điện về hóa đơn tiền điện tăng cao, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Thanh tra Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan kiểm tra việc điều chỉnh mức giá bán điện, phương pháp tính giá và việc thu tiền điện thời gian qua; làm rõ đúng, sai, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 6 năm 2019.

Bộ Công Thương đã chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) thực hiện đầy đủ, đúng quy định về áp giá bán điện, ghi chỉ số, thanh toán hóa đơn tiền điện, trường hợp có sai sót phải truy thu thoái hoàn cho người sử dụng điện.

Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 1114/QĐ-BCT ngày 02 tháng 5 năm 2019 về việc kiểm tra tình hình thực hiện Quyết định số 648/QĐ-BCT và đã thành lập 3 Đoàn kiểm tra liên Bộ, ngành thực hiện kiểm tra tại các đơn vị điện lực và một số khách hàng sử dụng điện trên cả 3 miền. Kết quả kiểm tra ban đầu cho thấy, EVN đã thực hiện đúng quy định trong công tác niêm yết công khai giá điện mới, công tác ghi chỉ số công tơ, chốt chỉ số, tính tiền điện, áp giá bán lẻ điện và thanh toán tiền điện. Hiện tại, chưa thấy có các trường hợp gian lận, cố tình tính toán sai tiền điện đối với các khách hàng sử dụng điện.

Về nguyên nhân hóa đơn tiền điện tăng cao, ngoài lý do điều chỉnh tăng giá điện bán lẻ bình quân lên 8,36%, các nguyên nhân dẫn đến hóa đơn tiền điện tăng cao đó là: (i) Nhu cầu sử dụng điện tăng cao do thời tiết nắng nóng, đây là nguyên nhân chính dẫn đến nhu cầu phụ tải điện toàn quốc và ở cả 3 miền trong tháng 4 năm 2019 tăng cao hơn so với tháng 3 năm 2019 và cùng kỳ 2018. Theo báo cáo của EVN, trong tháng 4 năm 2019 tổng điện năng thương phẩm tăng 10,26% so với cùng kỳ năm 2018 và 14,23% so với tháng 3 năm 2019. Trong đó phụ tải quản lý, tiêu dùng (bao gồm sinh hoạt) tăng 14,15% so với cùng kỳ năm 2018 và tăng 21,03% so với tháng 3 năm 2019; (ii) Số ngày trong kỳ ghi chỉ số công tơ tháng 4 nhiều hơn. Số ngày sử dụng điện trong các kỳ hóa đơn tháng 4 là 31 ngày nhiều hơn 3 ngày so với kỳ hóa đơn tháng 3 (chỉ có 28 ngày) làm cho điện năng tính toán trong hoá đơn tiền điện tháng 4 tăng thêm bình quân 10,71%.

Về lý do điều chỉnh giá bán lẻ điện từ ngày 20/3/2019 và các khoản chi phí được phép đưa vào giá điện Theo quy định tại Quyết định số 24/2017/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân, chỉ có chi phí sản xuất kinh doanh của các hoạt động trong lĩnh vực điện được phép đưa vào trong giá thành sản xuất kinh doanh điện và đưa vào tính toán điều chỉnh giá điện. Các chi phí đầu tư ngoài ngành không được phép đưa vào trong giá thành sản xuất kinh doanh điện cũng như trong tính toán điều chỉnh giá điện. Theo quy định trên, hàng năm, căn cứ vào số liệu chi phí đã được kiểm toán độc lập xác nhận, Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tiến hành kiểm tra giá thành sản xuất kinh doanh điện của EVN. Chi phí sản xuất kinh doanh điện được tách bạch theo chi phí các khâu như phát điện, truyền tải điện, phân phối, phụ trợ và quản lý ngành. Cụ thể các chi phí được tính vào giá điện 2019 như sau:

- Giá than nội địa bán cho sản xuất điện: (i) Điều chỉnh giá than bước 1 tăng từ ngày 05 tháng 01 năm 2019; (ii) Điều chỉnh giá than bước 2 đồng bộ với thời điểm điều chỉnh giá điện ngày 20 tháng 3 năm 2019 (thực hiện theo Văn bản số 19/VPCP-KTTH ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Văn phòng Chính phủ về giá than bán cho sản xuất điện và Văn bản số 15828/BTC-QLG ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính về giá than bán cho sản xuất điện); (iii) Do nguồn than nội địa không đủ để phục vụ sản xuất điện năm 2019, một số nhà máy điện phải sử dụng than trộn (trộn than nội địa và nhập khẩu) có giá than cao hơn nhiều so với giá than nội địa cùng chủng loại.

- Thuế bảo vệ môi trường đối với than, dầu được điều chỉnh kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 theo Nghị quyết 579/2018/UBTVQH14 ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Biểu thuế bảo vệ môi trường.

- Giá khí trong bao tiêu cho sản xuất điện thực hiện theo cơ chế thị trường (theo Nghị quyết số 57/2013/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội) đồng bộ với thời điểm điều chỉnh giá điện ngày 20 tháng 3 năm 2019.

- Phân bổ 753,97 tỷ đồng trong tổng số khoảng 1.487,94 tỷ đồng chênh lệch tỷ giá thực hiện hợp đồng mua bán điện năm 2015 và toàn bộ chênh lệch tỷ giá thực hiện hợp đồng mua bán điện năm 2017 (3.070,9 tỷ đồng) của các nhà máy điện vào năm 2019. Chênh lệch tỷ giá thực hiện theo hợp đồng mua bán điện giữa EVN và các đơn vị phát điện là chênh lệch giữa tỷ giá các đơn vị phát điện mua ngoại tệ để thanh toán các khoản nợ gốc vay ngoại tệ phải trả trong năm 2015, năm 2017 so với tỷ giá quy định tại hợp đồng mua bán điện (quy định tại Thông tư số 56/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương về quy định phương pháp xác định giá phát điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện).

- Tính toán giá các loại nhiên liệu gồm (i) giá dầu thế giới (HSFO) để tính giá khí thị trường, (ii) giá than nhập khẩu dự báo cho năm 2019 được tính theo dự báo của Ngân hàng thế giới.

- Tỷ giá dự báo cho năm 2019 được tính trên cơ sở thực tế bình quân tỷ giá bán ra năm 2018 so với năm 2017 của Ngân hàng ngoại thương Việt Nam công bố. Ảnh hưởng của một số yếu tố đầu vào chính nêu trên và một số yếu tố khác làm tăng chi phí mua điện năm 2019 khoảng 20.000 tỷ đồng được tổng hợp như sau: TT Yếu tố tăng Tỷ lệ tăng (%) Chi phí mua điện dự kiến tăng (tỷ đồng) 1 Điều chỉnh giá than đợt 1 2,61% - 7,67% 3.182,67 2 Điều chỉnh giá than trộn (gồm nội địa và nhập khẩu) 1.920,66 3 Điều chỉnh giá than đợt 2 3,77% đối với than của TKV 5% đối với than của Đông Bắc 2.230,05 4 Giá dầu thế giới (dầu HSFO) để tính giá khí thị trường 2,78% 946,50 5 Giá khí trong bao tiêu tăng theo giá thị trường từ ngày 20 tháng 3 năm 2019, thực hiện theo Nghị quyết 57/2013/QH13 ngày 12/11/2013 của Quốc hội. 44,03% 5.852,41 6 Giá khí trên bao tiêu theo giá thị trường 0,23% 589,55 7 Giá điện cho các nhà máy thủy điện nhỏ áp dụng cho năm 2019 (Biểu giá chi phí tránh được) 1,83% 267,40 8 Tỷ giá USD 1,367% 1.218,30 9 Chênh lệch tỷ giá theo hợp đồng mua bán điện của các nhà máy điện 3.824,87 Tổng 20.032,41 Về tác động của việc điều chỉnh giá điện đến các chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá sản xuất, tốc độ tăng trưởng GDP: Trong quá trình thẩm định, báo cáo Thường trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo điều hành giá thực hiện điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) thực hiện đánh giá tác động của các phương án điều chỉnh giá điện đến chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá sản xuất (PPI) và tốc độ tăng trưởng (GDP), kết quả cụ thể như sau: Mức tăng giá bán lẻ điện bình quân Ảnh hưởng đến CPI (%) Ảnh hưởng đến PPI (%) Ảnh hưởng đến GDP (%) 7,30% +0,26% +0,15% -0,20% 8,36% +0,29% +0,17% -0,22% 9,26% +0,31% +0,19% -0,25% Theo tính toán tổng thể các yếu tố giá năm 2019 của Tổng cục Thống kê, khi thực hiện điều chỉnh giá điện thì CPI bình quân chung năm 2019 tăng trong khoảng 3,3% - 3,9%. Với mức tăng CPI này, việc điều chỉnh giá điện vẫn đảm bảo mục tiêu CPI năm 2019 được Quốc hội thông qua là dưới 4%. Theo thông báo cập nhật tháng 5 năm 2019 của Tổng cục Thống kê tại Văn bản số 586/TCKT-TKG ngày 27 tháng 5 năm 2019, chỉ số giá nhóm điện sinh hoạt tăng 0,33% trong tháng 3 năm 2019; tăng 1,85% trong tháng 4 năm 2019; dự kiến tăng 6,86% trong tháng 5 năm 2019; tổng tác động 3 tháng làm tăng chỉ số CPI khoảng 0,21%. Về quy định giá điện bậc thang cho khách hàng sử dụng điện sinh hoạt: Điện năng là một hàng hóa đặc biệt, việc sản xuất và tiêu dùng diễn ra đồng thời, việc lưu trữ điện năng rất tốn kém. Khi huy động các nhà máy điện phát điện, về nguyên tắc ngành điện sẽ huy động các nhà máy điện có giá rẻ phát điện trước, nhà máy điện có giá đắt hơn phát điện sau cho đến khi đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng điện của khách hàng. Với đặc điểm này, nhằm khuyến khích sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả, hiện nay rất nhiều nước trên thế giới kể cả các nước tiên tiến như Nhật, Hàn Quốc hay các nước trong khu vực như Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Philippines… đều áp dụng giá điện theo các bậc thang và giá điện của bậc thang sau cũng cao hơn so với bậc thang đầu tương tự như Việt Nam. Thực hiện khoản 13 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực trong đó quy định giá điện theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước và khoản 15 Điều 1 giao Thủ tướng Chính phủ quy định cơ cấu biểu giá bán lẻ điện, ngày 07 tháng 4 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện có hiệu lực từ ngày ngày 01 tháng 6 năm 2014 với các mục tiêu chính sau: - Giảm dần việc bù chéo giá điện giữa các đối tượng sử dụng điện và không bán điện dưới giá thành. - Tách bạch hoạt động sản xuất kinh doanh điện của doanh nghiệp điện với thực hiện chính sách an sinh - xã hội của Đảng, Nhà nước đối với hộ nghèo, hộ chính sách xã hội thông qua hỗ trợ tiền điện trực tiếp từ ngân sách Nhà nước. - Biểu giá bán lẻ điện được xây dựng phù hợp theo hướng không quy định quá nhiều bậc thang, qua đó tạo thuận lợi cho người tiêu dùng và cơ quan quản lý theo dõi, áp dụng. Thực hiện các mục tiêu nêu trên, giá bán lẻ điện cho sinh hoạt đã, đang và sẽ tiếp tục được thiết kế theo các bậc để phù hợp với các mức sử dụng điện khác nhau của các hộ dân với giá điện của các bậc tăng dần nhằm khuyến khích các hộ dân sử dụng điện hiệu quả, tiết kiệm. Thực tế áp dụng trong những năm qua cho thấy việc áp dụng giá bán điện sinh hoạt theo các bậc là đơn giản trong áp dụng nhưng vẫn đạt được mục tiêu khuyến khích sử dụng điện tiết kiệm hiệu quả. Căn cứ số liệu về giá bán lẻ điện cho mục đích sinh hoạt trong các năm vừa qua do EVN cung cấp, ý kiến của các hộ sử dụng điện, các cơ quan báo chí, các nhà kinh tế, Bộ Công Thương đã xem xét, kiểm tra tính toán điều chỉnh cơ cấu giá bán lẻ điện sinh hoạt theo các kịch bản giảm từ 6 bậc xuống 5, 4, 3 bậc. Kết quả tính toán các kịch bản cho thấy việc điều chỉnh số bậc sẽ ảnh hưởng đến nhóm khách hàng thu nhập trung bình, thấp dưới 100 kWh và từ 201 - 300 kWh/tháng (năm 2018 tổng số các hộ này là khoảng 12,97 triệu hộ chiếm tới 50,1% trên tổng số 25,89 triệu hộ sinh hoạt). Theo số liệu thống kê năm 2018 của EVN thì trên cả nước, số hộ có mức sử dụng dưới 50 kWh/tháng là 3,9 triệu hộ, chiếm 15,11% tổng số hộ sử dụng điện cho sinh hoạt với mức sử dụng bình quân là 26,2 kWh/hộ/tháng; số hộ có mức sử dụng từ 50 kWh/tháng đến 100 kWh/tháng là 5,32 triệu hộ, chiếm 20,54% tổng số hộ sử dụng điện cho sinh hoạt với mức sử dụng bình quân là 76,86 kWh/hộ/tháng. Trong thời gian tới, với tinh thần cầu thị, tiếp thu ý kiến của các hộ sử dụng điện, các cơ quan báo chí, các nhà kinh tế, Bộ Công Thương sẽ nghiên cứu xem xét lại quy định về các bậc thang trong biểu giá điện sinh hoạt nhằm đảm bảo phù hợp với thực tế sử dụng điện của đa số hộ sử dụng điện trên cả nước. Bộ Công Thương kiến nghị tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ của Chính phủ cho các hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo quy định tại Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về cơ cấu biểu giá bán điện. Bộ Công Thương sẽ đánh giá đầy đủ tác động của việc điều chỉnh đến các nhóm khách hàng, đặc biệt là tác động đến các nhóm khách hàng thu nhập trung bình và thu nhập thấp; đồng thời sẽ tổ chức hội thảo để lấy ý kiến rộng rãi của các đơn vị và người dân, tổng hợp ý kiến và báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét theo quy định. Về các giải pháp, kế hoạch trong thời gian tới của Bộ Công Thương: - Tiếp tục phối hợp tích cực hơn nữa với Bộ Thông tin Truyền thông làm tốt công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về vấn đề tiết kiệm điện trong sản xuất và sinh hoạt của người dân cùng với việc sớm công bố kết quả kiểm tra việc điều chỉnh mức giá bán điện, phương pháp tính giá và việc thu tiền điện thời gian qua để tránh lạm phát kỳ vọng. - Phối hợp với Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) và các đơn vị liên quan đánh giá tác động gián tiếp của việc điều chỉnh giá điện ngày 20 tháng 3 năm 2019 đến kinh doanh, sản xuất của các khách hàng ngoài sinh hoạt và đời sống nhân dân. - Nghiên cứu, đề xuất báo cáo Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh cơ cấu biểu giá điện bậc thang đối với các khách hàng điện sinh hoạt phù hợp với thực tế sử dụng điện của các hộ sử dụng điện, hướng tới mục tiêu giảm bù chéo giữa các hộ tiêu thụ; tiếp tục chương trình khuyến khích sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả; tiếp tục đẩy mạnh tiến độ xây dựng và phát triển thị trường điện với mục tiêu vận hành thị trường bán lẻ cạnh tranh vào năm 2021 góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xã hội bền vững, phù hợp với tiến trình hội nhập của đất nước.

**Câu 2:** ***Cử tri cho rằng tình trạng buôn lậu, sản xuất hàng giả, gian lận thương mại, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ vẫn còn diễn biến hết sức phức tạp cả về quy mô lẫn tính chất, ảnh hưởng tới sản xuất trong nước, doanh nghiệp chân chính, tổn hại người tiêu dùng.... Đề nghị Bộ Công thương tiếp tục thực hiện các giải pháp, chính sách như: tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm; nâng cao hiệu quả công tác phối hợp, trong đó chú trọng tăng cường phối hợp với các lực lượng chức năng như: Hải quan, Biên phòng, Công an, Cảnh sát biển và các cơ quan Thanh tra chuyên ngành kiểm tra, xử lý các đường dây, ổ nhóm, các đối tượng chủ mưu, cầm đầu; kịp thời ngăn chặn việc sản xuất, vận chuyển, buôn bán hàng cấm, hàng nhập lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng trên thị trường nội địa, đặc biệt là địa bàn Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; Tăng cường các hoạt động phối hợp với các hiệp hội, doanh nghiệp trong trao đổi thông tin, hỗ trợ chống buôn lậu, chống hàng giả, hàng kém chất lượng, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ để nâng cao hơn nữa hiệu quả của công tác này.***

**Trả lời**

Trong thời gian qua, Chính phủ, Ban Chỉ dạo 389 quốc gia đã có nhiều chỉ đạo quyết liệt về công tác đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng buôn lậu, sản xuất hàng giả, gian lận thương mại, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, cụ thể: - Đã ban hành Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 về việc đẩy mạnh công tác chống buôn lậu trong tình hình mới; Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2014 về tăng cường công tác đấu tranh chống buôn lậu thuốc lá; Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2017 về một số giải pháp cấp bách trong quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp; Chỉ thị số 13/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh, hàng giả, hàng kém chất lượng thuộc nhóm hàng dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, dược liệu và vị thuốc y học cổ truyền. - Đã chỉ đạo Bộ, ngành, địa phương tập trung triển khai các kế hoạch, chuyên đề có trọng điểm về công tác này, như: Kế hoạch chuyên đề về tăng cường đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh, hàng giả, hàng kém chất lượng thuộc nhóm hàng dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, dược liệu và vị thuốc y học cổ truyền; Kế hoạch về tăng cường công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại xăng dầu; Kế hoạch về tăng cường công tác phòng, chống buôn lậu, sản xuất, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật giả, kém chất lượng; Kế hoạch đấu tranh phòng, chống các hành vi vi phạm trong sản xuất, kinh doanh hàng hoá giả mạo xuất xứ tại các địa bàn trọng điểm,... Thời gian qua với sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, đã tạo được sự chuyển biến cả về nhận thức, trách nhiệm và hiệu quả trong công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, hàng kém chất lượng. Nhận thức của cán bộ, đảng viên về trách nhiệm trong công tác phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả được nâng lên, đã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân tích cực tham gia phát hiện, tố giác buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả tại cộng đồng dân cư. Công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả được tăng cường, góp phần kiềm chế sự gia tăng của buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả. Tuy nhiên, kết quả đạt được vẫn chưa tương xứng tình hình thực tế, chưa đáp ứng mong muốn của Chính phủ và kỳ vọng của người dân. Tình hình buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả vẫn diễn biến phức tạp, đặc biệt tình trạng sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng liên quan đến sức khỏe người dân như dược phẩm, thực phẩm, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm còn xảy ra ở nhiều nơi nhất là khu vực đô thị... ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng, tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội. Trong thời gian tới, để xử lý có hiệu quả hơn tình trạng buôn lậu, sản xuất hàng giả, gian lận thương mại, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, Bộ Công Thương cùng các Bộ ngành, địa phương sẽ chỉ đạo các lực lượng chức năng tăng cường kiểm tra, kiểm soát, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Xác định những nội dung trọng tâm là: - Thực hiện khẩn trương, nghiêm túc, triệt để các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo 389 quốc gia về công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả. - Tích cực chủ động phối hợp xây dựng, triển khai đồng bộ các phương án, chuyên đề, kế hoạch tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, đặc biệt là Bộ đội biên phòng, Hải quan tăng cường kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn hàng lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng ngay từ tuyến biên giới đường biển và đường bộ; chú trọng kiểm tra, ngăn chặn, xử lý việc sản xuất, vận chuyển, buôn bán hàng cấm, hàng nhập lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng trên thị trường nội địa, nhất là tại các địa bàn trọng điểm như thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh…; Kiên quyết xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm; thực hiện tốt chế độ thông tin, báo cáo để có thông tin kịp thời, chính xác phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành; tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các chương trình, kế hoạch để rút kinh nghiệm, đề ra các giải pháp đấu tranh phù hợp với tình hình thực tiễn. - Rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách liên quan đến công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, bảo đảm tính khả thi và theo sát với tình hình thực tế; tạo thuận lợi cho các lực lượng chức năng trong thực thi nhiệm vụ. - Tăng cường kỷ cương, kỷ luật công vụ, phòng chống các biểu hiện tiêu cực, tham nhũng của công chức thực thi; khen thưởng, động viên, nêu gương kịp thời đối với tập thể, cá nhân có thành tích, kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, bao che, tiếp tay cho buôn lậu. - Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; xem xét, xử lý trách nhiệm người đứng đầu, lãnh đạo, cơ quan chức năng và công chức trực tiếp quản lý địa bàn nếu để xảy ra buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng phức tạp, nghiêm trọng kéo dài, gây bức xúc trong nhân dân mà không có giải pháp khắc phục kiên quyết, hiệu quả. - Đẩy mạnh hơn nữa công tác truyền thông, đa dạng về hình thức tuyên truyền để nâng cao ý thức người dân về tác hại của buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả đối với xã hội và kêu gọi mọi người không bao che, tiếp tay cho hành vi này. Phát động toàn dân tham gia tố giác các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả. Công tác tuyên truyền phải được làm thường xuyên, liên tục, tăng cường thông tin tuyên tuyền kết quả của các lực lượng chức năng kết hợp phổ biến kiến thức pháp luật đến người dân… - Tăng cường hợp tác với các Hiệp hội ngành nghề, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong công tác chia sẻ, cung cấp thông tin và hỗ trợ kiểm tra, xử lý vi phạm về buôn lậu, sản xuất hàng giả, gian lận thương mại, vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.

**Câu 3:** ***Cử tri Bình Định kiến nghị***

***Bức xúc việc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) tăng giá điện (Bộ Công thương công bố vào ngày 20/3/2019 theo Quyết định 648/QĐ-BCT) khiến giá điện sinh hoạt tại các hộ gia đình tăng, vượt xa giá điện theo thông báo tăng giá của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), gây bức xúc trong dư luận nhân dân. Với cách tính tiền điện theo giá bậc thang, dùng càng nhiều, tiền điện trả càng đắt là đi ngược với quy luật của kinh tế thị trường và phản ánh sự độc quyền trong phân phối điện của EVN. Việc tăng giá điện đã ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người dân, kéo theo việc gia tăng chỉ số giá dịch vụ và tiêu dùng. Cử tri đề nghị:***

***- Cơ quan có thẩm quyền làm rõ vấn đề này, xem xét điều chỉnh giá bán điện bình quân cho phù hợp và có những giải pháp thiết thực trong thời gian tới.***

***- Rà soát, đánh giá thực trạng nhu cầu sử dụng điện sinh hoạt mức tối thiểu của hộ gia đình trên phạm vi cả nước, làm cơ sở điều chỉnh bản tính giá điện phù hợp. Quy định lại biểu giá bán lẻ điện theo hướng xây dựng biểu giá bán điện cần chia nhỏ thêm nhiều bậc, có thể giảm biểu giá điện từ 06 bậc xuống còn 03 bậc hoặc thấp hơn và tăng số định mức của bậc một cho KWh từ 0 đến 100 hoặc cao hơn.***

***- Công khai, minh bạch cách tính giá điện, cân nhắc lựa chọn thời điểm điều chỉnh giá điện cho phù hợp (thời điểm quyết định nâng giá điện vào đầu mùa khô hạn là không hợp lý).***

***- Bộ Công thương giải trình cơ sở tăng giá điện, xem xét lại các chi phí đưa vào giá thành, có hay không việc đưa các chi phí như bù lỗ đầu tư ngoài ngành, chi phí tuyên truyền, khen thưởng… vào giá thành dẫn đến làm tăng giá điện.***

***- Đề nghị Bộ Công thương phối hợp với Thanh tra Chính phủ và các ngành liên quan đánh giá tính hợp lý trong việc điều chỉnh giá bán điện. Đồng thời, đề nghị thông tin rộng rãi cho người dân được biết kết luận thanh tra để đảm bảo tính minh bạch.***

***- Cần có giải pháp mạnh hơn để tăng cường giám sát đối với ngành điện và sớm phá thế độc quyền của ngành điện như hiện nay, tạo xu thế cạnh tranh bình đẳng, công bằng và hài hòa lợi ích của người dân, doanh nghiệp.***

**Trả lời**

Trong đợt nắng nóng cuối tháng 4 và đầu tháng 5 năm 2019, trước phản ánh của một số khách hàng sử dụng điện về hóa đơn tiền điện tăng cao, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Thanh tra Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan kiểm tra việc điều chỉnh mức giá bán điện, phương pháp tính giá và việc thu tiền điện thời gian qua; làm rõ đúng, sai, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 6 năm 2019. Bộ Công Thương đã chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) thực hiện đầy đủ, đúng quy định về áp giá bán điện, ghi chỉ số, thanh toán hóa đơn tiền điện, trường hợp có sai sót phải truy thu thoái hoàn cho người sử dụng điện. Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 1114/QĐ-BCT ngày 02 tháng 5 năm 2019 về việc kiểm tra tình hình thực hiện Quyết định số 648/QĐ-BCT và đã thành lập 3 Đoàn kiểm tra liên Bộ, ngành thực hiện kiểm tra tại các đơn vị điện lực và một số khách hàng sử dụng điện trên cả 3 miền. Kết quả kiểm tra ban đầu cho thấy, EVN đã thực hiện đúng quy định trong công tác niêm yết công khai giá điện mới, công tác ghi chỉ số công tơ, chốt chỉ số, tính tiền điện, áp giá bán lẻ điện và thanh toán tiền điện. Hiện tại, chưa thấy có các trường hợp gian lận, cố tình tính toán sai tiền điện đối với các khách hàng sử dụng điện. Về nguyên nhân hóa đơn tiền điện tăng cao, ngoài việc điều chỉnh giá điện bán lẻ bình quân lên 8,36%, các nguyên nhân sau cũng dẫn đến hóa đơn tiền điện tăng cao: - Nhu cầu sử dụng điện tăng cao do thời tiết nắng nóng, đây là nguyên nhân chính dẫn đến nhu cầu phụ tải điện toàn quốc và ở cả 3 miền trong tháng 4 năm 2019 tăng cao hơn so với tháng 3 năm 2019 và cùng kỳ 2018. Theo báo cáo của EVN, trong tháng 4 năm 2019 tổng điện năng thương phẩm tăng 10,26% so với cùng kỳ năm 2018 và 14,23% so với tháng 3 năm 2019. Trong đó phụ tải quản lý, tiêu dùng (bao gồm sinh hoạt) tăng 14,15% so với cùng kỳ năm 2018 và tăng 21,03% so với tháng 3 năm 2019. - Số ngày trong kỳ ghi chỉ số công tơ tháng 4 nhiều hơn. Số ngày sử dụng điện trong các kỳ hóa đơn tháng 4 là 31 ngày nhiều hơn 3 ngày so với kỳ hóa đơn tháng 3 (chỉ có 28 ngày) làm cho điện năng tính toán trong hoá đơn tiền điện tháng 4 tăng thêm bình quân 10,71%. Về lý do điều chỉnh giá bán lẻ điện từ ngày 20/3/2019 và các khoản chi phí được phép đưa vào giá điện Theo quy định tại Quyết định số 24/2017/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân, chỉ có chi phí sản xuất kinh doanh của các hoạt động trong lĩnh vực điện được phép đưa vào trong giá thành sản xuất kinh doanh điện và đưa vào tính toán điều chỉnh giá điện. Các chi phí đầu tư ngoài ngành không được phép đưa vào trong giá thành sản xuất kinh doanh điện cũng như trong tính toán điều chỉnh giá điện. Theo quy định trên, hàng năm, căn cứ vào số liệu chi phí đã được kiểm toán độc lập xác nhận, Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tiến hành kiểm tra giá thành sản xuất kinh doanh điện của EVN. Chi phí sản xuất kinh doanh điện được tách bạch theo chi phí các khâu như phát điện, truyền tải điện, phân phối, phụ trợ và quản lý ngành. Cụ thể các chi phí được tính vào giá điện 2019 như sau: - Giá than nội địa bán cho sản xuất điện: (i) Điều chỉnh giá than bước 1 tăng từ ngày 05 tháng 01 năm 2019; (ii) Điều chỉnh giá than bước 2 đồng bộ với thời điểm điều chỉnh giá điện ngày 20 tháng 3 năm 2019 (thực hiện theo Văn bản số 19/VPCP-KTTH ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Văn phòng Chính phủ về giá than bán cho sản xuất điện và Văn bản số 15828/BTC-QLG ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính về giá than bán cho sản xuất điện); (iii) Do nguồn than nội địa không đủ để phục vụ sản xuất điện năm 2019, một số nhà máy điện phải sử dụng than trộn (trộn than nội địa và nhập khẩu) có giá than cao hơn nhiều so với giá than nội địa cùng chủng loại. - Thuế bảo vệ môi trường đối với than, dầu được điều chỉnh kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 theo Nghị quyết 579/2018/UBTVQH14 ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Biểu thuế bảo vệ môi trường. - Giá khí trong bao tiêu cho sản xuất điện thực hiện theo cơ chế thị trường (theo Nghị quyết số 57/2013/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội) đồng bộ với thời điểm điều chỉnh giá điện ngày 20 tháng 3 năm 2019. - Phân bổ 753,97 tỷ đồng trong tổng số khoảng 1.487,94 tỷ đồng chênh lệch tỷ giá thực hiện hợp đồng mua bán điện năm 2015 và toàn bộ chênh lệch tỷ giá thực hiện hợp đồng mua bán điện năm 2017 (3.070,9 tỷ đồng) của các nhà máy điện vào năm 2019. Chênh lệch tỷ giá thực hiện theo hợp đồng mua bán điện giữa EVN và các đơn vị phát điện là chênh lệch giữa tỷ giá các đơn vị phát điện mua ngoại tệ để thanh toán các khoản nợ gốc vay ngoại tệ phải trả trong năm 2015, năm 2017 so với tỷ giá quy định tại hợp đồng mua bán điện (quy định tại Thông tư số 56/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương về quy định phương pháp xác định giá phát điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện). - Tính toán giá các loại nhiên liệu gồm (i) giá dầu thế giới (HSFO) để tính giá khí thị trường, (ii) giá than nhập khẩu dự báo cho năm 2019 được tính theo dự báo của Ngân hàng thế giới. - Tỷ giá dự báo cho năm 2019 được tính trên cơ sở thực tế bình quân tỷ giá bán ra năm 2018 so với năm 2017 của Ngân hàng ngoại thương Việt Nam công bố. Ảnh hưởng của một số yếu tố đầu vào chính nêu trên và một số yếu tố khác làm tăng chi phí mua điện năm 2019 khoảng 20.000 tỷ đồng được tổng hợp như sau: TT Yếu tố tăng Tỷ lệ tăng (%) Chi phí mua điện dự kiến tăng (tỷ đồng) 1 Điều chỉnh giá than đợt 1 2,61% - 7,67% 3.182,67 2 Điều chỉnh giá than trộn (gồm nội địa và nhập khẩu) 1.920,66 3 Điều chỉnh giá than đợt 2 3,77% đối với than của TKV 5% đối với than của Đông Bắc 2.230,05 4 Giá dầu thế giới (dầu HSFO) để tính giá khí thị trường 2,78% 946,50 5 Giá khí trong bao tiêu tăng theo giá thị trường từ ngày 20 tháng 3 năm 2019, thực hiện theo Nghị quyết 57/2013/QH13 ngày 12/11/2013 của Quốc hội. 44,03% 5.852,41 6 Giá khí trên bao tiêu theo giá thị trường 0,23% 589,55 7 Giá điện cho các nhà máy thủy điện nhỏ áp dụng cho năm 2019 (Biểu giá chi phí tránh được) 1,83% 267,40 8 Tỷ giá USD 1,367% 1.218,30 9 Chênh lệch tỷ giá theo hợp đồng mua bán điện của các nhà máy điện 3.824,87 Tổng 20.032,41 Về tác động của việc điều chỉnh giá điện đến các chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá sản xuất, tốc độ tăng trưởng GDP: Trong quá trình thẩm định, báo cáo Thường trực Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo điều hành giá thực hiện điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) thực hiện đánh giá tác động của các phương án điều chỉnh giá điện đến chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá sản xuất (PPI) và tốc độ tăng trưởng (GDP), kết quả cụ thể như sau: Mức tăng giá bán lẻ điện bình quân Ảnh hưởng đến CPI (%) Ảnh hưởng đến PPI (%) Ảnh hưởng đến GDP (%) 7,30% +0,26% +0,15% -0,20% 8,36% +0,29% +0,17% -0,22% 9,26% +0,31% +0,19% -0,25% Theo tính toán tổng thể các yếu tố giá năm 2019 của Tổng cục Thống kê, khi thực hiện điều chỉnh giá điện thì CPI bình quân chung năm 2019 tăng trong khoảng 3,3% - 3,9%. Với mức tăng CPI này, việc điều chỉnh giá điện vẫn đảm bảo mục tiêu CPI năm 2019 được Quốc hội thông qua là dưới 4%. Theo thông báo cập nhật tháng 5 năm 2019 của Tổng cục Thống kê tại Văn bản số 586/TCKT-TKG ngày 27 tháng 5 năm 2019, chỉ số giá nhóm điện sinh hoạt tăng 0,33% trong tháng 3 năm 2019; tăng 1,85% trong tháng 4 năm 2019; dự kiến tăng 6,86% trong tháng 5 năm 2019; tổng tác động 3 tháng làm tăng chỉ số CPI khoảng 0,21%. Về quy định giá điện bậc thang cho khách hàng sử dụng điện sinh hoạt: Điện năng là một hàng hóa đặc biệt, việc sản xuất và tiêu dùng diễn ra đồng thời, việc lưu trữ điện năng rất tốn kém. Khi huy động các nhà máy điện phát điện, về nguyên tắc ngành điện sẽ huy động các nhà máy điện có giá rẻ phát điện trước, nhà máy điện có giá đắt hơn phát điện sau cho đến khi đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng điện của khách hàng. Với đặc điểm này, nhằm khuyến khích sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả, hiện nay rất nhiều nước trên thế giới kể cả các nước tiên tiến như Nhật, Hàn Quốc hay các nước trong khu vực như Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Philippines… đều áp dụng giá điện theo các bậc thang và giá điện của bậc thang sau cũng cao hơn so với bậc thang đầu tương tự như Việt Nam. Thực hiện khoản 13 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực trong đó quy định giá điện theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước và khoản 15 Điều 1 giao Thủ tướng Chính phủ quy định cơ cấu biểu giá bán lẻ điện, ngày 07 tháng 4 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện có hiệu lực từ ngày ngày 01 tháng 6 năm 2014 với các mục tiêu chính sau: - Giảm dần việc bù chéo giá điện giữa các đối tượng sử dụng điện và không bán điện dưới giá thành. - Tách bạch hoạt động sản xuất kinh doanh điện của doanh nghiệp điện với thực hiện chính sách an sinh - xã hội của Đảng, Nhà nước đối với hộ nghèo, hộ chính sách xã hội thông qua hỗ trợ tiền điện trực tiếp từ ngân sách Nhà nước. - Biểu giá bán lẻ điện được xây dựng phù hợp theo hướng không quy định quá nhiều bậc thang, qua đó tạo thuận lợi cho người tiêu dùng và cơ quan quản lý theo dõi, áp dụng. Thực hiện các mục tiêu nêu trên, giá bán lẻ điện cho sinh hoạt đã, đang và sẽ tiếp tục được thiết kế theo các bậc để phù hợp với các mức sử dụng điện khác nhau của các hộ dân với giá điện của các bậc tăng dần nhằm khuyến khích các hộ dân sử dụng điện hiệu quả, tiết kiệm. Thực tế áp dụng trong những năm qua cho thấy việc áp dụng giá bán điện sinh hoạt theo các bậc là đơn giản trong áp dụng nhưng vẫn đạt được mục tiêu khuyến khích sử dụng điện tiết kiệm hiệu quả. Căn cứ số liệu về giá bán lẻ điện cho mục đích sinh hoạt trong các năm vừa qua do EVN cung cấp, ý kiến của các hộ sử dụng điện, các cơ quan báo chí, các nhà kinh tế, Bộ Công Thương đã xem xét, kiểm tra tính toán điều chỉnh cơ cấu giá bán lẻ điện sinh hoạt theo các kịch bản giảm từ 6 bậc xuống 5, 4, 3 bậc. Kết quả tính toán các kịch bản cho thấy việc điều chỉnh số bậc sẽ ảnh hưởng đến nhóm khách hàng thu nhập trung bình, thấp dưới 100 kWh và từ 201 - 300 kWh/tháng (năm 2018 tổng số các hộ này là khoảng 12,97 triệu hộ chiếm tới 50,1% trên tổng số 25,89 triệu hộ sinh hoạt). Theo số liệu thống kê năm 2018 của EVN thì trên cả nước, số hộ có mức sử dụng dưới 50 kWh/tháng là 3,9 triệu hộ, chiếm 15,11% tổng số hộ sử dụng điện cho sinh hoạt với mức sử dụng bình quân là 26,2 kWh/hộ/tháng; số hộ có mức sử dụng từ 50 kWh/tháng đến 100 kWh/tháng là 5,32 triệu hộ, chiếm 20,54% tổng số hộ sử dụng điện cho sinh hoạt với mức sử dụng bình quân là 76,86 kWh/hộ/tháng. Trong thời gian tới, với tinh thần cầu thị, tiếp thu ý kiến của các hộ sử dụng điện, các cơ quan báo chí, các nhà kinh tế, Bộ Công Thương sẽ nghiên cứu xem xét lại quy định về các bậc thang trong biểu giá điện sinh hoạt nhằm đảm bảo phù hợp với thực tế sử dụng điện của đa số hộ sử dụng điện trên cả nước. Bộ Công Thương kiến nghị tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ của Chính phủ cho các hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo quy định tại Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về cơ cấu biểu giá bán điện. Bộ Công Thương sẽ đánh giá đầy đủ tác động của việc điều chỉnh đến các nhóm khách hàng, đặc biệt là tác động đến các nhóm khách hàng thu nhập trung bình và thu nhập thấp; đồng thời sẽ tổ chức hội thảo để lấy ý kiến rộng rãi của các đơn vị và người dân, tổng hợp ý kiến và báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét theo quy định. Về các giải pháp, kế hoạch trong thời gian tới của Bộ Công Thương: - Tiếp tục phối hợp tích cực hơn nữa với Bộ Thông tin Truyền thông làm tốt công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về vấn đề tiết kiệm điện trong sản xuất và sinh hoạt của người dân cùng với việc sớm công bố kết quả kiểm tra việc điều chỉnh mức giá bán điện, phương pháp tính giá và việc thu tiền điện thời gian qua để tránh lạm phát kỳ vọng. - Phối hợp với Tổng cục Thống Kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) và các đơn vị liên quan đánh giá tác động gián tiếp của việc điều chỉnh giá điện ngày 20 tháng 3 năm 2019 đến sản xuất kinh doanh. - Nghiên cứu, đề xuất báo cáo Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh cơ cấu biểu giá điện bậc thang đối với các khách hàng điện sinh hoạt phù hợp với thực tế sử dụng điện của các hộ sử dụng điện, hướng tới mục tiêu giảm bù chéo giữa các hộ tiêu thụ; tiếp tục chương trình khuyến khích sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả; tiếp tục đẩy mạnh tiến độ xây dựng và phát triển thị trường điện với mục tiêu vận hành thị trường bán lẻ cạnh tranh vào năm 2021 góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xã hội bền vững, phù hợp với tiến trình hội nhập của đất nước.

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**Câu 1:** ***Cử tri đánh giá cao những nỗ lực của Bộ GTVT trong công tác khắc phục tình trạng chất lượng xấu của mặt đường Quốc lộ 1, đoạn qua tỉnh Bình Định thời gian gần đây. Cử tri mong muốn Bộ tiếp tục chỉ đạo các nhà đầu tư, Ban quản lý dự án, nhà thầu và các đơn vị liên quan tăng cường triển khai việc khắc phục triệt để tình trạng hư hỏng mặt đường của Quốc lộ 1, đoạn qua địa phận tỉnh Bình Định, nhất là các đoạn được đầu tư theo hình thức BOT để bảo đảm giao thông thông suốt và an toàn cho mùa mưa lũ sắp đến.***

**Trả lời**

Đối với dự án sử dụng nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ, Ban Quản lý dự án Đường Hồ Chí Minh đã chỉ đạo các nhà thầu khắc phục kịp thời, đảm bảo an toàn giao thông trên Quốc lộ 1 qua tỉnh Bình Định; một số đoạn tuyến được tăng cường mặt đường theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ GTVT chỉ đạo Ban QLDA và các đơn vị có liên quan triển khai hoàn thành và được nghiệm thu, bàn giao đưa vào khai thác sử dụng từ tháng 6/2019, hiện nay giao thông đi lại an toàn, êm thuận. Đối với 02 dự án BOT Bắc và Nam Bình Định, Bộ Giao thông vận tải đã chỉ đạo Ban Quản lý dự án Đường Hồ Chí Minh, nhà đầu tư khẩn trương triển khai sửa chữa các hư hỏng cục bộ mặt đường trên tuyến, đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình khai thác. Tổng cục Đường bộ Việt Nam (trực tiếp là Cục quản lý Đường bộ III) thường xuyên kiểm tra hiện trường dự án, nếu các hư hỏng mặt đường không được nhà đầu tư chỉ đạo sửa chữa, khắc phục kịp thời thì Tổng cục Đường bộ Việt Nam xem xét, đánh giá và dừng thu phí theo quy định trong Hợp đồng BOT. Thời tiết khu vực miền Trung, đặc biệt là tỉnh Bình Định thời gian qua nắng nóng kéo dài, ảnh hưởng nghiêm trọng đến mặt đường bê tông nhựa. Thời gian tới khi mùa mưa xuất hiện khoảng tháng 10/2019, nguy cơ xảy ra hiện tượng hư hỏng mặt đường tăng lên, do đó Bộ GTVT đã chỉ đạo Ban Quản lý dự án Đường Hồ Chí Minh, nhà đầu tư, các đơn vị có liên quan, lập kế hoạch cụ thể, chi tiết, chủ động huy động máy móc, thiết bị thi công, vật tư, vật liệu để có phương án triển khai các nhiệm vụ an toàn giao thông trên tuyến và khắc phục các tồn tại của mặt đường, đảm bảo an toàn tuyệt đối trong quá trình khai thác.

**Câu 2:** ***Cử tri Bình Định kiến nghị “Cử tri cho rằng thực tế, những vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng xảy ra thời gian qua đều ít nhiều liên quan trực tiếp đến chất lượng đào tạo (do sự yếu kém của lái xe khi xử lý tình huống). Do đó, kiến nghị Bộ GTVT cần sớm có các biện pháp chấn chỉnh quyết liệt, để nâng cao chất lượng đào tạo, sát hạch và cấp bằng lái xe, giám sát chặt cả chương trình, thời gian và chất lượng dạy học tại các cơ sở đào tạo sát hạch (nhất là đối với xe tải, xe khách, xe container). Ngoài ra Bộ cần đề xuất tăng chế tài xử phạt hành chính và hình sự, nghiên cứu quy định cấm hành nghề vĩnh viễn đối với những lái xe vi phạm đặc biệt nghiêm trọng luật giao thông”.***

**Trả lời**

Bộ GTVT trân trọng cảm ơn Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Định đã quan tâm, góp ý nhằm giúp công tác quản lý nhà nước của Bộ ngày càng tốt hơn, đáp ứng nhu cầu của xã hội và nhân dân. Về nội dung kiến nghị nêu trên, Bộ GTVT xin Trả lời: như sau: Theo báo cáo phân tích nguyên nhân dẫn đến các vụ tai nạn có nhiều nguyên nhân, trong đó bao gồm cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Hiện Chương trình đào tạo lái xe của Việt Nam được đánh giá là phù hợp với một số nước tiên tiến trên thế giới, đồng thời giấy phép lái xe của Việt Nam đã được 75 nước là thành viên của Công ước về giao thông đường bộ năm 1968 công nhận. Qua thống kê thực tế từ các vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng trong năm 2018 và 6 tháng đầu năm 2019, thì thâm niên lái xe của người lái xe gây tai nạn là trên 8 năm, nguyên nhân chủ yếu do sử dụng rượu, bia quá nồng độ quy định, ma túy hoặc lái xe liên tục quá thời gian quy định. Tuy nhiên, trong thực tế việc đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe hiện nay vẫn còn những tồn tại, trong đó còn có một số cơ sở đào tạo chưa đảm bảo chương trình đào tạo. Vì vậy, việc nâng cao chất lượng công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ là yêu cầu cấp bách, là một trong các giải pháp góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông trong thời gian tới. Thời gian qua, Bộ GTVT đã đưa ra nhiều giải pháp, trong đó đặc biệt chú trọng đến công tác xây dựng một số văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh trong lĩnh vực đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, cụ thể: 1. Hoàn thiện Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ. Theo đó, Bộ GTVT đã đưa ra một số quy định cụ thể gồm: a) Đối với công tác đào tạo: - Quy định các cơ sở đào tạo lái xe ứng dụng công nghệ trong quản lý, giám sát thời gian học môn Pháp luật giao thông đường bộ và truyền dữ liệu giám sát về Tổng cục Đường bộ Việt Nam và các Sở Giao thông vận tải. - Quy định các cơ sở đào tạo lái xe trang bị thiết bị giám sát thời gian và quãng đường học lái xe trên đường của học viên theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ GTVT ban hành. - Học lái xe trên cabin mô phỏng. b) Đối với công tác sát hạch: - Quy định các Trung tâm sát hạch lắp đặt camera giám sát phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch lái xe trong hình, trên xe sát hạch đường trường; dữ liệu hình ảnh (dạng video) giám sát sân sát hạch phải công khai tại màn hình lắp đặt tại phòng chờ sát hạch thực hành lái xe trong hình và đảm bảo kết nối trực tuyến, truyền dữ liệu hình ảnh (dạng video) về Tổng cục Đường bộ Việt Nam và chia sẻ dữ liệu với các Sở Giao thông vận tải. - Bổ sung nội dung sát hạch xử lý các tình huống giao thông trên phần mềm mô phỏng. 2. Xây dựng Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt trình Chính phủ xem xét, ban hành. Theo đó, Bộ Giao thông vận tải đã đưa ra một số quy định gồm: - Quy định chế tài xử phạt (mức phạt tiền, hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả) tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm, bảo đảm tính răn đe và khả thi khi thực hiện. Đặc biệt, tăng nặng mức xử phạt đối với các nhóm hành vi vi phạm có nguy cơ cao gây mất an toàn giao thông (như: vi phạm quy định về nồng độ cồn, chất ma túy, đi không đúng phần đường, làn đường, chạy quá tốc độ, đi ngược chiều, lùi xe trên đường cao tốc…); đồng thời có xét đến tính khả thi khi thực hiện (như: thẩm quyền xử phạt của các chức danh trực tiếp thực hiện công tác thanh tra, tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm; tính chất quản lý, khai thác của lĩnh vực đường bộ, đường sắt; thu nhập bình quân và khả năng chi trả của người dân khi bị xử phạt). Như vậy, với việc triển khai đồng bộ, thường xuyên, liên tục các giải pháp mới sẽ khắc phục các tồn tại trong công tác quản lý đào tạo sát hạch, cấp giấy phép lái xe thời gian qua, đáp ứng yêu cầu nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe góp phần giảm thiểu tai nạn.

**Câu 3:** ***Cử tri Bình Định kiến nghị “Cử tri kiến nghị Bộ GTVT tiếp tục rà soát, điều chỉnh giảm phí BOT”, trong đó có trạm BOT Bắc Bình Định và Trạm BOT Quốc lộ 19 qua địa bàn tỉnh Bình Định”.***

**Trả lời**

Trước tiên, Bộ GTVT trân trọng cảm ơn Đại biểu Quốc hội Bình Định đã quan tâm, góp ý nhằm giúp công tác quản lý của Bộ GTVT ngày càng tốt hơn, đáp ứng nhu cầu của xã hội và người dân. Về nội dung kiến nghị của cử tri nêu trên, Bộ GTVT xin Trả lời: như sau: Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Bộ GTVT đã giao Tổng cục Đường bộ Việt Nam chủ trì, phối hợp với các địa phương, các Nhà đầu tư đề xuất phương án xử lý các bất cập tại các trạm thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ. Đến nay, Bộ GTVT đã miễn, giảm giá cho các phương tiện khu vực lân cận trạm thu phí tại hầu hết các trạm thu phí BOT. Thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016, Bộ GTVT đã phối hợp với Bộ Tài chính báo cáo và được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận phương án giảm giá đối với xe loại 4 (xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng container 20 fit) từ mức từ 140.000 đồng xuống 120.000 đồng và nhóm 5 (xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 fit) từ mức 200.000 đồng xuống 180.000 đồng. Đến nay, Bộ GTVT đã đàm phán với các Nhà đầu tư để giảm giá tại tất cả các trạm thu phí có phương án tài chính đảm bảo khả năng thu hồi vốn. Đối với trạm thu phí Bắc Bình Định và trạm Quốc lộ 19 trên địa bàn tỉnh Bình Định: Bộ GTVT và các Nhà đầu tư BOT đã giảm phí đối với xe nhóm 4 và nhóm 5 theo đúng chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016. Ngoài ra, trên cơ sở số liệu chi phí đầu tư thực tế sau thanh tra, kiểm toán, đề xuất của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Định, Tổng cục Đường bộ Việt Nam và các Nhà đầu tư, Bộ GTVT đã tiếp tục miễn giảm phí đối với các phương tiện lân cận tại 02 trạm thu phí nêu trên. Trong thời gian tới, trên cơ sở giá trị quyết toán cuối cùng của các dự án, Bộ GTVT sẽ phối hợp với Nhà đầu tư rà soát, cập nhật lại phương án tài chính để tiếp tục xem xét giảm phí chung cho các phương tiện qua 02 trạm thu phí nêu trên nếu doanh thu và phương án tài chính của các dự án vẫn đảm bảo khả năng thu hồi vốn.

**Câu 4: *Cử tri Bình Định kiến nghị “Kiến nghị Bộ GTVT phối hợp với lực lượng chức năng của Bộ Công an và các địa phương tăng cường điều tiết, tổ chức quản lý chặt chẽ hoạt động vận tải, phục vụ nhu cầu đi lại của người dân, nhất là trong các đợt nghỉ lễ, kiểm soát chặt chẽ, hạn chế việc tăng giá vé tàu, xe”.***

**Trả lời**

Trước tiên, Bộ GTVT trân trọng cảm ơn Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Định đã quan tâm, góp ý về lĩnh vực vận tải đường bộ, nhằm giúp công tác quản lý nhà nước của Bộ ngày càng tốt hơn, đáp ứng nhu cầu của xã hội và nhân dân. Về nội dung kiến nghị của cử tri nêu trên, Bộ GTVT xin Trả lời: như sau: 1. Về công tác chỉ đạo điều hành: Hàng năm, Bộ GTVT đã phối hợp với Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành các công điện, chỉ thị về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong dịp tết dương lịch, tết nguyên đán và lễ hội mùa xuân; Bộ GTVT ban hành Quyết định kèm theo Kế hoạch công tác phục vụ tốt nhu cầu đi lại của nhân dân, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong dịp Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán và Lễ hội mùa xuân; đồng thời Bộ GTVT đã ban hành các công điện, chỉ thị, văn bản để yêu cầu Tổng cục Đường bộ Việt Nam, các Cục quản lý chuyên ngành, các Sở GTVT, các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong toàn ngành GTVT, trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình đôn đốc, chỉ đạo và thực hiện tốt các nhiệm vụ chủ yếu sau: a) Tăng cường điều tiết, tổ chức quản lý chặt chẽ hoạt động vận tải, phục vụ nhu cầu đi lại của người dân dịp Tết Nguyên đán, không để xảy ra tình trạng người dân không được về quê ăn tết do không có tàu, xe; tăng cường kiểm tra việc thực hiện kê khai giá cước, niêm yết giá cước vận tải, giá vé tàu, vé xe theo quy định; tổ chức vận chuyển hàng hóa thông suốt trong dịp Tết, đặc biệt là các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biển đảo; b) Tăng cường kiểm tra, kiểm soát chất lượng, an toàn kỹ thuật các phương tiện tham gia giao thông; có biện pháp ngăn chặn việc vận chuyển trái phép hàng cháy nổ, hàng nguy hiểm, các sản phẩm, gia súc, gia cầm không rõ nguồn gốc và không có chứng nhận kiểm dịch y tế trên các phương tiện vận tải; c) Đẩy mạnh triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp kiềm chế, giảm thiểu tai nạn giao thông và khắc phục tình trạng ùn tắc giao thông nhất là các tuyến đường cửa ngõ các đô thị lớn, nhà ga, sân bay; kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trật tự, an toàn giao thông; tăng cường các điều kiện để bảo đảm cứu hộ, cứu nạn khi xảy ra sự cố. Công tác chỉ đạo điều hành năm 2019: Công điện số 1793/CĐ-TTg ngày 13/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong dịp tết dương lịch, tết nguyên đán kỷ hợi và lễ hội xuân 2019; Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 23/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hiện các giải pháp cấp bách bảo đảm trật tự an toàn giao thông trong hoạt động vận tải đường bộ; Quyết định số 2409/QĐ-BGTVT ngày 07/11/2018 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Kế hoạch công tác phục vụ tốt nhu cầu đi lại của nhân dân, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong dịp Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán và mùa Lễ hội xuân Kỷ Hợi năm 2019; Công điện số 55/CĐ-BGTVT ngày 27/11/2018 của Bộ trưởng Bộ GTVT về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong dịp Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán Kỷ Hợi và Lễ hội xuân 2019; Công điện số 61/CĐ-BGTVT ngày 20/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong dịp Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán Kỷ Hợi và Lễ hội xuân năm 2019. Về công tác tổ chức thực hiện năm 2019: - Bộ GTVT đã phối hợp với UBATGT Quốc gia công bố công khai đối với cơ quan thông tấn báo chí Trung ương và địa phương về số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận và giải quyết thông tin phản ánh về hoạt động vận tải, tình hình trật tự an toàn giao thông trong dịp nghỉ Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán và Lễ hội xuân Kỷ Hợi năm 2019. Bộ GTVT đã chỉ đạo Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Sở GTVT tăng cường kiểm tra, chấn chỉnh hoạt động vận tải và chuẩn bị công tác vận tải dịp Tết năm 2019. - Trong các đợt cao điểm, các đợt nghỉ lễ, tết hàng năm, Thanh tra Bộ GTVT có các văn bản chỉ đạo lực lượng thanh tra ngành GTVT tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, trong đó có nội dung chỉ đạo về phối hợp lực lượng chức năng (công an, cảnh sát giao thông, …) trong công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông. - Tổng cục Đường bộ Việt Nam (văn bản 7809/TCĐBVN-QLBTĐB-ATGT ngày 19/11/2018), Cục Hàng không Việt Nam (Chỉ thị số 4356/CT-CHK ngày 24/10/2018), Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (văn bản số 2367/CĐTNĐVN-VT-ATGT); Thanh tra Bộ (văn bản 1283/TTr-P3 ngày 23/11/2018) chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tăng cường công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong dịp Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán và Lễ hội xuân Kỷ Hợi năm 2019. - Tổng cục Đường bộ Việt Nam đã chủ động phối hợp với Cục Cảnh sát giao thông trong tổ chức thực hiện; ngày 23/01/2019, Tổng cục ĐBVN có văn bản số 518/TCĐBVN-VT chỉ đạo các Sở GTVT, trong đó có Sở GTVT Bình Định về việc thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ hoạt động vận tải, phục vụ tốt nhất nhu cầu đi lại của người dân trong dịp Tết Nguyên đán và mùa Lễ hội Xuân 2019; đồng thời tổ chức trực 24/24h trong các ngày nghỉ Tết Nguyên đán, kịp thời giải quyết các ý kiến của người dân phản ánh về tình hình vận tải hành khách trong dịp nghỉ Tết qua đường dây nóng. - Trên cơ sở văn bản chỉ đạo của Bộ GTVT, Thanh tra Bộ GTVT, Tổng cục Đường bộ Việt Nam, các Sở GTVT đã chủ động thực hiện: + Ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai tập trung vào các nội dung trọng tâm như: kế hoạch phục vụ công tác vận tải trong dịp nghỉ Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán và Lễ hội xuân Kỷ Hợi năm 2019 đề chỉ đạo hoạt động của các bến xe, đơn vị kinh doanh vận tải; kế hoạch, phương án xe ô tô dự phòng, tăng cường; công tác thanh tra, kiểm tra đảm bảo TTATGT; công tác bình ổn giá cước vận tải; phối hợp công tác phòng chống buôn lậu, hàng giả; phân công trực số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận thông tin. + Khảo sát các điểm tập trung nhu cầu đi lại, chủ động giải tỏa hành khách dịp trước và sau Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán xuân Kỷ Hợi năm 2019. - Các địa phương có vận chuyển khách bằng đường thủy như: Hải Phòng, Quảng Ninh, Quảng Ngãi, thành phố Hồ Chí Minh, Kiên Giang, Vũng Tàu... đều chủ động chỉ đạo triển khai các biện pháp để bảo đảm an toàn giao thông và đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân.

**Câu 5:** ***Cử tri Bình Định kiến nghị “Cử tri kiến nghị Bộ GTVT rà soát, có phương án xử lý dứt điểm các điểm đen tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông trên các quốc lộ”.***

**Trả lời**

Trước tiên, Bộ Giao thông vận tải trân trọng cảm ơn cử tri và các Đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Định đã quan tâm, góp ý nhằm giúp công tác quản lý nhà nước của Bộ GTVT ngày càng tốt hơn, đáp ứng nhu cầu của xã hội và nhân dân. Về nội dung kiến nghị của cử tri nêu trên, Bộ Giao thông vận tải xin tải Trả lời: như sau: Vấn đề xử lý điểm đen, tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ trên hệ thống quốc lộ luôn là ưu tiên hàng đầu trong quá trình xây dựng chính sách và triển khai thực hiện của Bộ GTVT để đảm bảo an toàn giao thông, an toàn khai thác và sử dụng hiệu quả hệ thống quốc lộ. Theo báo cáo của Tổng cục ĐBVN, riêng trong 6 tháng đầu năm 2019 đã xử lý 56 điểm đen và xử lý 40 điểm tiềm ẩn. Đối với các quốc lộ đi qua địa bàn tỉnh Bình Định, các điểm đen, điểm tiềm ẩn TNGT có nguy cơ gây mất ATGT đã được tiến hành kiểm tra, rà soát và đưa vào kế hoạch bảo trì hàng năm để xử lý. Đối với QL.19B và QL.19C qua địa bàn tỉnh Bình Định, trong năm 2019 công tác bảo trì chưa được bố trí kinh phí do chưa hoàn thành thủ tục điều chuyển tài sản hạ tầng đường bộ từ địa phương về Trung ương quản lý. Ngày 09/7/2019, Bộ GTVT đã có Văn bản số 6380/BGTVT-TC gửi Bộ Tài chính đề nghị điều chuyển tài sản hạ tầng đường bộ từ UBND tỉnh Bình Định về Bộ GTVT quản lý. Đề nghị UBND tỉnh Bình Định có kiến nghị với Bộ Tài chính để sớm hoàn thành việc điều chuyển tài sản và bố trí kinh phí để quản lý, bảo trì hệ thống quốc lộ nhằm đảm bảo ATGT, giảm thiểu nguy cơ tai nạn giao thông đối với người và phương tiện tham gia giao thông. Thực hiện Kế hoạch năm ATGT 2019, Bộ GTVT giao Tổng cục ĐBVN liên tục kiểm tra, rà soát các điểm đen, tiềm ẩn TNGT phát sinh trong quá trình khai thác sử dụng hệ thống quốc lộ; chủ động phối hợp với địa phương thực hiện các giải pháp để xử lý dứt điểm các vị trí này nhằm đảm bảo ATGT, an toàn khai thác như kiến nghị của cử tri.

**Câu 6:** ***Cử tri Bình Định kiến nghị “Cử tri kiến nghị Bộ GTVT nghiên cứu đề xuất Chính phủ nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 19B, Quốc lộ 19C đưa vào danh mục đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025"***.

**Trả lời**

Trước tiên, Bộ GTVT trân trọng cảm ơn cử tri và Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Định đã quan tâm, góp ý về lĩnh vực giao thông, nhằm giúp công tác quản lý nhà nước của Bộ ngày càng tốt hơn, đáp ứng nhu cầu của xã hội và người dân. Về nội dung kiến nghị của cử tri nêu trên, Bộ GTVT xin trả lời như sau: Quốc lộ 19B và Quốc lộ 19C đoạn qua tỉnh Bình Định được nâng cấp thành quốc lộ và mới được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Quy hoạch phát triển GTVT vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 2054/QĐ-TTg ngày 23/11/2015. Trong thời gian tới, để phù hợp với quy hoạch được duyệt, Bộ GTVT sẽ rà soát, phối hợp với các bộ, ngành báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét bố trí vốn khi phù hợp với tiêu chí và khả năng cân đối vốn. Trước mắt, Bộ GTVT sẽ tiếp tục chỉ đạo Tổng cục Đường bộ Việt Nam tiến hành sửa chữa để đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình khai thác từ nguồn bảo trì đường bộ.

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**Câu 1:** ***Cử tri kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan đôn đốc đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, nhất là các dự án lớn, công trình quan trọng, các chương tình mục tiêu quốc gia, tạo sức lan tỏa để đóng góp cho tăng trưởng của nền kinh tế; kiên quyết không gia hạn, chuyển tiếp đối với các dự án giải ngân chậm tiến độ.***
**Trả lời**

1. Đối với việc đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công hằng năm:

- Trên cơ sở chỉ đạo của cấp có thẩm quyền và tình hình giải ngân thực tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã dự thảo và trình Chính phủ ban hành các nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 08/7/2016 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2016 và Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công, trong đó quy định các giải pháp thúc đẩy tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công hằng năm.

- Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ, trong các năm gần đây Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì thành lập các đoàn công tác với sự tham dự của các bộ, ngành liên quan làm việc trực tiếp với các Bộ, ngành và địa phương để đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ giải ngân, đồng thời tìm hiểu các khó khăn, vướng mắc của các bộ, ngành và địa phương trong việc giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và đồng thời cũng đề xuất các giải pháp cụ thể để thúc đẩy thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công.

2. Đối với việc không gia hạn, chuyển tiếp đối với các dự án giải ngân chậm tiến độ: Tại Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 quy định thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công hằng năm chỉ đến ngày 31 tháng 01 năm sau. Việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công nguồn NSNN hằng năm chỉ trong trường hơp bất khả kháng và phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, đồng thời không được kéo dài quá ngày 31 tháng 12 năm sau năm kế hoạch.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

**Câu 1:** ***Cử tri kiến nghị Tòa án nhân dân tối cao phối hợp với Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Công an sớm ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện và thống nhất áp dụng pháp luật về một số hành vi, tội phạm liên quan đến ma túy, dâm ô với trẻ em, trốn thuế, trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động của các doanh nghiệp, vi phạm an toàn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng, vi phạm sử dụng mạng xã hội.***

**Trả lời**

Ngày 15 tháng 8 năm 2019, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 214 về tội gian lận bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, Điều 215 về tội gian lận bảo hiểm y tế và Điều 216 về tội trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động của Bộ luật Hình sự. Hiện nay, Tòa án nhân dân tối cao đang xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định tại các điều 141, 142, 143, 144, 145, 146, 147 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án xâm hại tình dục. Dự thảo Nghị quyết này đã được tổ chức xin ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân và dự kiến Hội đồng Thẩm phán sẽ thông qua trong phiên họp tháng 9 năm 2019. Về đề nghị hướng dẫn các tội phạm liên quan đến ma túy, an toàn giao thông, vi phạm sử dụng mạng xã hội, căn cứ khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội, trong thời gian tới, trên cơ sở tổng kết việc áp dụng pháp luật, giám đốc việc xét xử, Tòa án nhân dân tối cao sẽ nghiên cứu, xem xét ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật nếu cần thiết.

**Câu 2:** ***Cử tri kiến nghị sớm ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể Khoản 2, Điều 202 Bộ Luật lao động năm 2012, quy định: “Thời hiệu yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp lao động cá nhân là 01 năm, kể từ ngày phát hiện ra hành vi mà mỗi bên tranh chấp cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm”; vì trên thực tế, việc xác định được cụ thể ngày phát hiện ra hành vi mà mỗi bên tranh chấp cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm là rất khó, dẫn đến việc áp dụng Luật không thống nhất.***

**Trả lời**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Lao động thì:“Thời hiệu yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp lao động cá nhân là 01 năm, kể từ ngày phát hiện ra hành vi mà mỗi bên tranh chấp cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm”. Tùy vào từng vụ tranh chấp lao động cụ thể (như tranh chấp về tiền lương, tiền đóng bảo hiểm; tranh chấp về bồi thường chi phí đào tạo; tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động; tranh chấp bồi thường thiệt hại và trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động; tranh chấp về kỷ luật lao động …) để xác định “ngày phát hiện ra hành vi mà mỗi bên tranh chấp cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm” (làm căn cứ tính ngày bắt đầu thời hiệu yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động). Ví dụ: trong trường hợp tranh chấp về kỷ luật lao động, thời hiệu yêu cầu giải quyết tranh chấp thông thường sẽ được tính kể từ ngày quyết định kỷ luật lao động có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, nếu người lao động nhận được quyết định kỷ luật lao động sau ngày quyết định có hiệu lực thi hành thì thời hiệu yêu cầu giải quyết tranh chấp được tính kể từ ngày người lao động nhận được quyết định đó. Ngoài ra, khi áp dụng quy định về thời hiệu nêu trên, cần xem xét về thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự, bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự quy định tại Điều 156, Điều 157 của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, trong thời gian tới, trên cơ sở tổng kết việc áp dụng pháp luật, giám đốc việc xét xử khi có vướng mắc liên quan đến giải quyết tranh chấp lao động Tòa án nhân dân tối cao sẽ nghiên cứu, xem xét ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất nếu cần thiết.

**BỘ TÀI CHÍNH**

**Câu 1:** ***Cử tri kiến nghị Bộ tài chính thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính, ngân sách nhà nước (NSNN), cơ cấu lại NSNN theo hướng tăng tỷ trọng thu nội địa, tăng tỷ trọng chi đầu tư, giảm tỷ trọng chi thường xuyên; đẩy mạnh cổ phần, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước (DNNN) theo kế hoạch, lộ trình đề ra; đánh giá cụ thể các chính sách thuế, xem xét khả năng mở rộng cơ sở thuế phù hợp với yêu cầu thực tế; đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền các chính sách thuế, tạo đồng thuận; tích cực triển khai hóa đơn điện tử; quản lý, chống thất thu thuế.***

**Trả lời**

a) Về vấn đề kỷ luật tài chính, ngân sách nhà nước

Trên cơ sở quán triệt yêu cầu tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính – ngân sách; quản lý, điều hành ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, theo tinh thần Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 25/2016/QH14 trong giai đoạn vừa qua, Bộ Tài chính đã tích cực tham mưu các cấp thẩm quyền hoàn thiện thể chế tài chính - NSNN (như: Luật sửa đổi, bổ sung các Luật NSNN, Luật quản lý, sử dụng tài sản công,...). Đặc biệt, Luật NSNN năm 2015 đã bổ sung quy định rõ phạm vi ngân sách; quy định việc tổng hợp đầy đủ các nguồn thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật vào NSNN; quy định các khoản thu, chi NSNN phải được dự toán; kiểm soát chặt việc chuyển nguồn; quy định các hành vi bị cấm trong lĩnh vực NSNN về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị; về vấn đề công khai, minh bạch ngân sách... Trong điều hành, về thu NSNN, đã tăng cường, đổi mới công tác quản lý thu, quyết liệt chống thất thu, chống chuyển giá, buôn lậu, gian lận thương mại, trốn thuế; quản lý chặt chẽ hoàn thuế giá trị gia tăng, đảm bảo đúng đối tượng, chính sách pháp luật thuế của Nhà nước; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế theo phương pháp phân tích rủi ro, tập trung vào các doanh nghiệp, ngành nghề, lĩnh vực có rủi ro cao, có dấu hiệu đáng ngờ; thực hiện giao chỉ tiêu kế hoạch thanh tra, nhiệm vụ kiểm tra thuế cho cơ quan thuế các cấp phấn đấu; tăng cường trao đổi thông tin, phối hợp với các cơ quan chức năng về đấu tranh phòng, chống các hành vi tội phạm trong lĩnh vực thuế để phát hiện, xử lý hành vi trốn thuế, gian lận thuế và mua bán hoá đơn bất hợp pháp, gian lận về thuế... Từ năm 2016 đến năm 2018, các đơn vị thuộc Bộ Tài chính đã thực hiện 285.979 cuộc thanh tra, kiểm tra; kiến nghị xử lý tài chính trên 117 nghìn tỷ đồng, trong đó: kiến nghị thu hồi nộp NSNN là 57,6 nghìn tỷ đồng; giảm lỗ 33,3 nghìn tỷ đồng; kiến nghị xử lý tài chính khác 12,4 nghìn tỷ đồng,...

Về chi NSNN, đã kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo điều hành, quản lý chi NSNN chặt chẽ, tiết kiệm, đúng quy định, chống lãng phí; nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN; chỉ đề xuất ban hành chính sách làm tăng chi NSNN khi thật sự cần thiết và có nguồn đảm bảo; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch việc sử dụng NSNN; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc chi tiêu, đảm bảo đúng chính sách, chế độ quy định; thực hiện nghiêm các kết luận thanh tra, kiểm toán; kiên quyết giữ bội chi theo dự toán Quốc hội quyết định.

Về bội chi và nợ công: đã kiểm soát chặt chẽ bội chi NSNN trong phạm vi Quốc hội quyết định cả về số tuyệt đối và tương đối; quản lý chặt chẽ tốc độ tăng nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài của quốc gia trong giới hạn cho phép. Không chuyển vốn vay về cho vay lại, bảo lãnh Chính phủ thành vốn cấp phát NSNN. Thực hiện đánh giá đầy đủ tác động lên nợ công và khả năng trả nợ trong trung hạn trước khi thực hiện các khoản vay mới. Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại danh mục nợ công theo hướng bền vững. Tuy nhiên, trong báo cáo của các cơ quan thanh tra, kiểm toán, báo cáo giám sát của các cơ quan dân cử vẫn chỉ ra các sai phạm về tài chính xuất phát từ việc quản lý đất đai, tài nguyên, khoáng sản, đầu tư công, tài sản công còn chưa chặt chẽ, ý thức chấp hành của nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương chưa cao.

b) Về vấn đề cơ cấu lại NSNN theo hướng tăng tỷ trọng thu nội địa, tăng tỷ trọng chi đầu tư, giảm tỷ trọng chi thường xuyên

- Trên cơ sở bám sát Nghị quyết 07-NQ/TW của Bộ Chính trị, các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt công tác hoàn thiện thể chế, chính sách trong lĩnh vực tài chính – ngân sách nhằm góp phần huy động và phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; cơ cấu lại NSNN và nợ công theo hướng bền vững, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí. Triển khai đồng bộ các giải pháp về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, qua đó rút ngắn thời gian nộp thuế từ 537 giờ xuống còn 117 giờ; đưa Hải quan Việt Nam vào nhóm ASEAN 4, đưa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính thuế, hải quan là 2 trong 3 nhóm tốt nhất, trong đó chi phí tuân thủ thủ tục thuế ở mức thấp nhất.

- Trong quản lý, điều hành đã tham mưu các cấp thẩm quyền quyết định dự toán NSNN các năm theo đúng quy định, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, từng bước cơ cấu lại NSNN, nợ công theo hướng tích cực, bền vững.

+ Thu NSNN các năm 2016-2018 đều vượt dự toán , năm 2019 quyết tâm phấn đấu vượt 5% dự toán. Tỷ lệ huy động thu vào NSNN bình quân đạt 24,9%GDP, từ thuế, phí đạt 21%GDP. So với mục tiêu Nghị quyết 07 của Bộ Chính trị (21%GDP) và Nghị quyết 25 của Quốc hội (thu NSNN là 23,5%GDP – trong đó thu từ thuế, phí khoảng 21%GDP), thì đạt và vượt mục tiêu đề ra. Thu nội địa chiếm tỷ trọng ngày càng cao, giai đoạn 2011-2015 là 68,7%; giai đoạn 2016-2020 ước khoảng 81,5%, dự kiến đến năm 2020 khoảng 83-84%, cơ bản đạt mục tiêu theo Nghị quyết số 07-NQ/TW (đạt 84-85%).

+ Chi NSNN được bố trí trên cơ sở kết quả dự toán thu và định hướng giảm dần tỷ lệ bội chi NSNN. Cơ cấu lại chi NSNN, ưu tiên dành nguồn lực tăng chi đầu tư, ngay từ khâu dự toán, tỷ trọng chi ĐTPT trong tổng chi NSNN đã được bố trí tăng từ mức 25,7% năm 2017 lên mức 26,3% năm 2019. Trong điều hành, do được bổ sung nguồn tăng thu và dự phòng, nên tỷ trọng chi ĐTPT thực hiện đạt 27-28% tổng chi NSNN (mục tiêu Nghị quyết Quốc hội là 25-26%). Tỷ trọng dự toán chi thường xuyên trong tổng chi NSNN giảm từ 64,9% năm 2017 xuống 63,8% năm 2019; tỷ trọng chi thường xuyên thực hiện vào khoảng 62-63% tổng chi NSNN.

+ Bội chi NSNN: Giai đoạn 2016-2018, Chính phủ đã điều hành chi chặt chẽ, giữ bội chi NSNN trong phạm vi Quốc hội quyết định, cả số tuyệt đối và số tương đối, bình quân ở mức 3,7-3,8%GDP. Đánh giá, bội chi NSNN giai đoạn 05 năm 2016-2020 khoảng 3,8-3,9%GDP, đến năm 2020 khoảng 3,4%GDP, đạt mục tiêu tại Nghị quyết Đại hội, Bộ Chính trị và Quốc hội. Nhờ giảm bội chi NSNN, siết chặt quản lý vay và bảo lãnh Chính phủ, từ năm 2017 tỷ lệ nợ công, nợ chính phủ bắt đầu giảm, từ mức 63,7%GDP năm 2016 xuống còn 58,4%GDP năm 2018. Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nợ công theo hướng bền vững, góp phần ổn định vĩ mô, nâng cao xếp hạng tín nhiệm quốc gia. Đa dạng các nhà đầu tư trái phiếu Chính phủ (tỷ trọng nắm giữ trái phiếu của ngân hàng thương mại giảm từ 78% năm 2016 xuống 47% hiện nay); phát hành trái phiếu kỳ hạn từ 5 năm trở lên (bao gồm kỳ hạn dài 20-30 năm), kéo dài kỳ hạn danh mục trái phiếu Chính phủ , giảm lãi suất huy động . Đánh giá, về cơ bản các mục tiêu cơ cấu lại NSNN, quản lý nợ công hoàn thành và hoàn thành vượt mục tiêu đề ra, loại trừ mục tiêu về quy mô, cơ cấu thu ngân sách trung ương và quy mô đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương.

c) Về vấn đề cổ phần, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước; Trên cơ sở định hướng sắp xếp, cơ cấu lại khu vực DNNN, trong đó tập trung cổ phần hóa các DNNN không cần nắm giữ 100% vốn, đến nay cơ chế, chính sách về cổ phần hóa DNNN đã được hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung, tạo điều kiện thuận lợi đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa, thu hút được các nhà đầu tư có tiềm năng, hạn chế thất thoát vốn, tài sản nhà nước, đồng thời quan tâm, bảo đảm quyền lợi chính đáng của người lao động. Tính đến 2018, đã cổ phần hóa 667 doanh nghiệp và bộ phận doanh nghiệp. Trong đó: Giai đoạn 2016 – 2018, đã cổ phần hóa 159 doanh nghiệp. Đến ngày 31/01/2018, cả nước chỉ còn hơn 500 DNNN, trong đó, có 07 tập đoàn kinh tế, 57 tổng công ty nhà nước, 441 doanh nghiệp độc lập thuộc các bộ, ngành, địa phương. Dự kiến đến năm 2020, còn khoảng 150 DNNN, chủ yếu là các công ty xổ số, công ích và 03 Tập đoàn: Dầu khí, điện lực và Viettel. Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ chỉ còn hiện diện tại 11 ngành, lĩnh vực (so với trên 60 năm 2001), trong đó tập trung vào những ngành, lĩnh vực then chốt, cung cấp sản phẩm, dịch vụ thiết yếu. Tuy nhiên, tiến độ sắp xếp, cổ phần hóa DNNN và thoái vốn nhà nước còn chậm. Trong 6 tháng đầu năm 2019, có 6 doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa. Lũy kế từ năm 2017 đến nay, mới cổ phần hóa 35/127 doanh nghiệp, đạt 28% kế hoạch. Để tiếp tục đẩy mạnh công tác cổ phần, thoái vốn DNNN theo kế hoạch, lộ trình đề ra, các Bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, Tổng công ty nhà nước cần tập trung khắc phục những tồn tại, hạn chế, nghiêm túc, khẩn trương, quyết liệt triển khai các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; hoàn thành việc phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai đề án cơ cấu lại các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực quản lý theo đúng quy định tại Quyết định số 707/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; các DNNN thuộc diện cổ phần hóa cần khẩn trương rà soát toàn bộ quỹ đất đang quản lý, sử dụng để lập phương án sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai trình Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ý kiến về phương án và giá đất để cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa theo đúng quy định.

d) Về vấn đề xem xét khả năng mở rộng cơ sở thuế phù hợp với yêu cầu thực tế; đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền các chính sách thuế, tạo đồng thuận; tích cực triển khai hóa đơn điện tử; quản lý, chống thất thu thuế.

- Về vấn đề xem xét khả năng mở rộng cơ sở thuế phù hợp với yêu cầu thực tế Thực hiện Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020, định hướng sửa đổi, bổ sung các khoản thu ngân sách nhà nước để thực hiện chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước tại Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 25/2016/QH14 của Quốc hội, Bộ Tài chính đã nghiên cứu xây dựng, lấy ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trình Thủ tướng Chính phủ đề án “Mở rộng cơ sở thuế và chống xói mòn nguồn thu ngân sách nhà nước”, trong đó: Đã tiến hành tổng kết thi hành các Luật thuế và thu ngân sách nhà nước hiện hành, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến các chính sách thuế để hoàn thiện hệ thống chính sách thuế bảo đảm minh bạch, rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện; đề xuất mở rộng cơ sở thuế để phát triển nguồn thu, bao quát các nguồn thu mới phát sinh và cơ cấu lại thu NSNN theo hướng tăng nguồn thu nội địa (không kể thu từ dầu thô), theo hướng: (i) Mở rộng cơ sở thu phù hợp, bao quát các nguồn thu mới, khai thác tốt thuế thu từ tài sản, tài nguyên, bảo vệ môi trường; điều tiết hợp lý các mặt hàng không khuyến khích tiêu dùng, điều tiết các khoản thu nhập; hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong các sắc thuế; đảm bảo tính trung lập của thuế, góp phần tạo dựng môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, khuyến khích đầu tư, điều tiết hợp lý thu nhập; (ii) Cải cách chính sách thuế để tương thích với các Luật mới đã ban hành như Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Luật đầu tư, Luật khoáng sản,...; (iii) Đảm bảo tính nhất quán, rõ ràng, giảm thủ tục hành chính tạo thuận lợi cho người nộp thuế; (iv) Đảm bảo mục tiêu hội nhập kinh tế quốc tế, phù hợp với xu hướng phát triển, qua đó góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam và tăng việc làm cho người lao động, chống thất thu ngân sách nhà nước, chống gian lận thương mại, chuyển giá. Trong quá trình xây dựng đề xuất chính sách, Bộ Tài chính rất mong nhận được sự tham gia đóng góp của các Đoàn đại biểu Quốc hội Tỉnh/thành phố trong cả nước và tỉnh Bình Định, tạo sự đồng thuận cao trong ban hành chính sách và tổ chức thực hiện, nhằm đạt được mục tiêu đề ra.

- Tăng cường công tác tuyên truyền các chính sách thuế, tạo đồng thuận: Thời gian qua, ngành Tài chính đã phối hợp hiệu quả với các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình, đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật thuế bằng nhiều hình thức đa dạng, linh hoạt:

+ Tích cực phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo đài, đài truyền hình Trung ương và địa phương đăng tải nhiều tin, bài liên quan đến các chính sách thuế GTGT, TNDN, TNCN…Đồng thời, trên website Tổng cục Thuế và Cục thuế các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương thường xuyên cập nhật các tin, bài về chính sách thuế, các hoạt động của ngành Thuế;

+ Tổ chức họp báo chuyên đề liên quan tới các chính sách thuế mới ban hành;

+ Trả lời: phỏng vấn, cung cấp tài liệu cho các cơ quan báo, đài về các vấn đề được dư luận xã hội quan tâm;… Ngoài ra, trước khi ban hành Luật thuế mới, văn bản hướng dẫn chính sách thuế mới, ngành Thuế đều đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử các dự thảo Luật, dự thảo văn bản hướng dẫn để lấy ý kiến tham gia của người nộp thuế.

- Về triển khai hóa đơn điện tử: Từ năm 2011, thực hiện Nghị định số 51/2010/NĐ-CP của Chính phủ, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 32/2011/TT-BTC hướng dẫn về hóa đơn điện tử để áp dụng trên cả nước. Theo đó đến năm 2017 trên cả nước đã có 5.200 doanh nghiệp áp dụng hóa đơn điện tử với số lượng hóa đơn điện tử phát hành là hơn 600 triệu hóa đơn. Trong năm 2018 số lượng doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử ngày càng tăng do các doanh nghiệp nhận biết được lợi ích của việc sử dụng và do công tác tuyên truyền triển khai của cơ quan thuế. Tuy nhiên, theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP thì doanh nghiệp được phép sử dụng nhiều hình thức hóa đơn, do đó nhiều doanh nghiệp vẫn sử dụng hóa đơn giấy theo hình thức đặt in hoặc tự in. Để việc áp dụng hóa đơn điện tử được rộng rãi, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 quy định về hóa đơn điện tử và có hiệu lực từ ngày 01/11/2018 và thời hiệu áp dụng chính thức là từ ngày 01/11/2020. Ngành Tài chính đã và đang khẩn trương ban hành các văn bản hướng dẫn, phối hợp với người nộp thuế để chuẩn bị cơ sở hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn việc triển khai thực hiện, để bảo đảm đến thời điểm hiệu lực của Nghị định số 119/2018/NĐ-CP, mọi điều kiện áp dụng hóa đơn điện tử được sẵn sàng, triển khai có hiệu quả việc áp dụng hóa đơn điện tử.

- Về quản lý, chống thất thu thuế (nội dung này đã được đề cập trong điểm a) Về vấn đề kỷ luật tài chính, ngân sách nhà nước). 28, 30, 31, 32, 33, 34. Cử tri thành phố Hải Phòng kiến nghị)

**Câu 2:** ***Cử tri kiến nghị Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp khẩn trương hoàn thiện cơ cấu tổ chức, triển khai tích cực các chức năng, nhiệm vụ được giao, đẩy mạnh công tác cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước, xử lý các doanh nghiệp yếu kém, thua lỗ; tập trung cơ cấu lại toàn diện, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước theo đúng chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước.***

**Trả lời**

1. Việc hình thành cơ cấu tổ chức và tuyển dụng cán bộ

a) Về cơ cấu tổ chức Ủy ban đã hình thành đầy đủ cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 131/NĐ-CP của Chính phủ, gồm 9 đơn vị trực thuộc: (1) Vụ Nông nghiệp; (2) Vụ Công nghiệp; (3) Vụ Năng lượng; (4) Vụ Công nghệ và hạ tầng; (5) Vụ Tổng họp; (6) Vụ Pháp chế, kiểm soát nội bộ; (7) Vụ Tổ chức cán bộ; (8) Văn phòng; (9) Trung tâm thông tin.

b) Về tuyển dụng cán bộ Để cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban và các đơn vị; làm cơ sở cho việc tuyển dụng cán bộ, công chức, Ủy ban đã xây dựng và trình Bộ Nội vụ Đề án vị trí việc làm của Ủy ban. Đến nay Ủy ban đã tiếp nhận 71 cán bộ, công chức từ 16 cơ quan Trung ương, 3 cơ quan địa phương, và 1 doanh nghiệp về Ủy ban công tác.

c) Về kiện toàn bộ khung lãnh đạo - Về Lãnh đạo Ủy ban: Ủy ban đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định bổ nhiệm 03 Lãnh đạo Ủy ban gồm Chủ tịch và 02 Phó Chủ tịch.

- Về Lãnh đạo cấp Vụ: Chủ tịch Ủy ban đã bổ nhiệm 21 lãnh đạo cấp Vụ, gồm 06 Vụ trưởng và tương đương, 15 Phó Vụ trưởng và tương đương, 04 lãnh đạo cấp phòng.

d) Về ban hành các quy chế, quy định về quản lý nội bộ Đen nay Ủy ban đã ban hành tổng cộng 33 quy chế, quy định quản lý nội bộ trên tổng số 44 quy chế, quy định quản lý dự kiến ban hành trước 31/12/2019, và 15 quy trình, hướng dẫn công tác nội bộ. Ngoài ra, Chủ tịch Ủy ban cũng có các văn bản điều hành về: Phân công công việc trong Lãnh đạo Ủy ban; hướng dẫn về mẫu quyết định phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của các tập đoàn, tổng công ty; phân công trong việc thực hiện và phối hợp giám sát hoạt động đầu tư vốn vào doanh nghiệp; việc thực hiện và phối hợp đánh giá doanh nghiệp, đánh giá người quản lý,...

đ) Về công tác hành chính - quản trị, kế hoạch - tài chính, đối ngoại - lễ tân; ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý Công tác văn thư đã bảo đảm đồng bộ với việc triển khai thực hiện trục liên thông văn bản điện tử của Chính phủ; đảm bảo việc xây dựng kế hoạch công tác tuần, tháng, quý, năm của Lãnh đạo Ủy ban; kịp thời thông báo kết luận của Lãnh đạo Ủy ban để các đơn vị triển khai được đầy đủ và hiệu quả. Bước đầu thực hiện công tác hợp tác quốc tế, qua đó, mở ra cơ hội họp tác giữa các tập đoàn, tổng công ty của Ủy ban với các nhà đầu tư nước ngoài. Bảo đảm điều kiện làm việc, trang thiết bị phục vụ công tác cho cán bộ công chức, viên chức của Ủy ban; thực hiện đầy đủ các quy định về công tác tài chính, kế toán. Đã triển khai đồng thời và đưa vào sử dụng cơ bản đạt yêu cầu của định hướng Chính phủ điện tử và nhu cầu trước mắt của Ủy ban một số hệ thống CNTT như: phần mềm Voffĩce, phần mềm Bộ chỉ số, hệ thống Internet, cổng thông tin điện tử của Ủy ban. Trung tâm thông tin đã nỗ lực xây dựng Bộ chỉ số và phần mềm tổng hợp, phân tích phục vụ giám sát, đánh giá thực trạng doanh nghiệp và đang tiến hành thừ nghiệm kết nối trực tiếp với các doanh nghiệp, hướng đến vận hành tự động hệ thống, xuyên suốt. Nen tảng công nghệ này sẽ là một trong những công cụ quan trọng để Ủy ban hiện đại hóa quản lý nhằm tăng cường tính minh bạch, kịp thời theo xu thế của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Hiện nay, đã kết nối được 19/19 tập đoàn, tổng công ty.

e) Về công tác đảng, đoàn thế

- Về tổ chức Đảng: Ngày 27 tháng 12 năm 2018, Đảng Ủy Khối các cơ quan Trung ương có Quyết định số 1618-QĐ/ĐUK về việc thành lập Đảng bộ cơ sở Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và chỉ định Ban chấp hành Đảng bộ Ủy ban, Bí thư Đảng bộ Ủy ban. Ngày 11 tháng 01 năm 2019, Ban Chấp hành Trung ương Đảng có Quyết định số 170-QĐ/TW về việc thành lập Ban cán sự đảng Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Ngày 9 tháng 5 năm 2019, Đảng Ủy Khối các cơ quan Trung ương có Quyết định số 1766-QĐ/ĐUK chỉ định Ban thường vụ Đảng Ủy và Phó Bí thư Đảng bộ. Trên cơ sở các quyết định nêu trên, Đảng bộ Ủy ban đã quyết định thành lập 8 chi bộ trực thuộc và chỉ định Bí thư các chi bộ.

- Về tổ chức Đoàn thể: Được sự đồng ý của các cấp, đến nay Ủy ban đã thành lập tổ chức Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và Công đoàn của Ủy ban. Cơ bản đến nay, các tổ chức đảng, đoàn thể đã hình thành, hoạt động ổn định, Ủy ban luôn quan tâm, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức các lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ, chuyên viên trong cơ quan để bảo đảm và tăng cường chất lượng sinh hoạt và hoạt động.

2. Về tiếp nhận và giải quyết các công việc dở dang từ các Bộ Theo chỉ đạo của Chính phủ, việc bàn giao doanh nghiệp về Ủy ban thực hiện theo nguyên tắc chuyển giao nguyên trạng. Theo đó, những công việc các Bộ đang xử lý dở dang được chuyển giao về Ủy ban để tiếp tục xử lý. Khối lượng các công việc này là rất lớn (257 việc); nhiều việc rất phức tạp, tồn đọng qua nhiều thời kỳ; có việc liên quan đến thanh tra, kiểm tra, điều tra, xét xử, kỷ luật, thay thế cán bộ. Sau 10 tháng tiếp nhận, Ủy ban đã tiến hành phân loại công việc theo mức độ cần thiết, cấp bách để ưu tiên xử lý nhằm sớm tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, tái cơ cấu, cổ phần hóa, thoái vốn của doanh nghiệp. Đen nay, Ủy ban đã hoàn thành xử lý 95 việc; tập trung chủ yếu ở các vấn đề: bổ sung chức danh lãnh đạo quản lý chủ chốt còn khuyết của một số tập đoàn, tổng công ty; công bố kết quả xếp loại doanh nghiệp, báo cáo tài chính, phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2017; phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2018; sắp xếp lại, xử lý nhà, đất; xử lý các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác tái cơ cấu, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước, quyết toán vốn khi cổ phần hóa của một số doanh nghiệp ; giải quyết theo thẩm quyền đối với một số dự án đầu tư của doanh nghiệp; xử lý đối với 12 dự án thua lỗ, chậm tiến ngành công thương.

3. Về việc giải quyết những công việc mới phát sinh thuộc thẩm quyền

- Ngay sau khi tiếp nhận 19 doanh nghiệp, Lãnh đạo Ủy ban đã cùng các đơn vị chức năng của Ủy ban đã làm việc trực tiếp với từng tập đoàn, tổng công ty về tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh, thực hiện kế hoạch năm 2018 và dự kiến kế hoạch năm 2019; nắm bắt những khó khăn, vướng mắc, đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp. Qua đó, Lãnh đạo Ủy ban đã chỉ đạo các tập đoàn, tổng công ty phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2018 đã được các Bộ phê duyệt; khẩn trương xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2019 để trình Ủy ban xem xét, phê duyệt; nghiên cứu xây dựng kế hoạch phát triển đến năm 2025, định hướng chiến lược đến năm 2035, trong đó chú ý đến việc đầu tư phát triển phải phù họp với lĩnh vực kinh doanh chính và nguồn lực, khả năng tài chính hiện có, bảo toàn, phát triển vốn và các nguồn lực Nhà nước giao, bảo đảm hiệu quả kinh tế. Ủy ban đã cơ bản hoàn thành việc phê duyệt kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2019 hoặc giao nhiệm vụ cho người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (đối với các tập đoàn, tổng công ty đã chuyển thành công ty cổ phần) biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của 14 tập đoàn, tổng công ty trên tổng số 19 tập đoàn, tổng công ty trực thuộc.

- Bước đầu rà soát để phát hiện những điểm chưa thống nhất, chưa rõ ràng trong các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư và cổ phần hóa, thoái vốn của DNNN; đặc biệt là trong các Luật và văn bản hướng dẫn Luật như: Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật đầu tư xây dựng, Luật quản lý và sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, Luật điện lực, Luật dầu khí, Luật hàng không, Luật đường sắt,...

Trên cơ sở đó, làm việc với các Bộ để làm rõ hoặc nghiên cứu việc kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, sửa đối, bố sung cho phù họp. - Triển khai các công việc cần thiết để bảo đảm thực hiện đầy đủ các quy định về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh hiệu quả hoạt động và công khai tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước năm 2019 theo Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 6 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ. Cụ thể là:

+ Xây dựng và ban hành Kế hoạch giám sát hoạt động đầu tư vốn nhà nước vào các tập đoàn, tổng công ty trực thuộc Ủy ban;

+ Xây dựng và ban hành Kế hoạch giám sát tài chính; phê duyệt Kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2019;

+ Xây dựng báo cáo tình hình đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, báo cáo giám sát tài chính doanh nghiệp, giám sát vốn của doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài;

+ Giao các chỉ tiêu và thực hiện việc đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp;

+ Phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ.

- Cho ý kiến đối với người đại diện phần vốn nhà nước tại các tập đoàn, tổng công ty là công ty cổ phần về những nội dung quan trọng để tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường kỳ năm 2019.

- Thực hiện công tác tổ chức, cán bộ đối với các tập đoàn, tổng công ty theo thẩm quyền. Báo cáo, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ về cơ chế đặc thù trong việc tuyển dụng Kiểm soát viên nhà nước đối với các tập đoàn, tổng công ty trực thuộc Ủy ban để bảo đảm bố trí đủ số lượng, chất lượng Kiểm soát viên nhà nước tại các tập đoàn, tổng công ty.

- Chỉ đạo đẩy nhanh công tác sắp xếp, tái cơ cấu, cổ phần hóa, thoái vốn theo các phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa để triển khai thực hiện công tác cổ phần hóa đối với các tập đoàn, tổng công ty: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, Tổng công ty Viễn thông MobiFone, Tổng công ty Phát điện 2, Tổng công ty Lương thực miền Bắc; Kiện toàn Ban Chỉ đạo cổ phần hóa, Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam, Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam.

4. Về thực hiện các nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao và các nhiệm vụ liên quan khác

- Trong thời gian qua, Ủy ban cũng đã tích cực thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến quyền, trách nhiệm của Ủy ban theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, thực hiện đầy đủ các báo cáo về tình hình chuyển giao quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp; báo cáo về tình hình các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước do Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh làm đại diện chủ sở hữu; báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Ủy ban theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ....

- Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ, Bộ Công thương và Ủy ban đã tố chức buoi họp bàn giao nhiệm vụ Thường trực Ban Chỉ đạo và Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo của Chính phủ xử lý 12 dự án yếu kém thuộc ngành Công Thương. Đến nay, Ủy ban đã ban hành Quyết định kiện toàn nhân sự Tổ tái cơ cấu, thúc đẩy sắp xếp, cơ cấu lại, cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước và xử lý các tồn tại, yếu kém của một số Dự án/doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả do các Bộ ngành chuyển giao về Ủy ban.

- Đồng thời, Ủy ban cũng tích cực tham gia, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp... như:

+ Tham gia ý kiến với Văn phòng Chính phủ về báo cáo đánh giá việc thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP năm 2018 và dự thảo Nghị quyết 01/NQ-CP năm 2019; các vấn đề có liên quan đến tổ chức, hoạt động của 19 tập đoàn, tổng công ty trực thuộc Úy ban khi Văn phòng Chính phủ và các Bộ hỏi ý kiến trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định theo thẩm quyền; tham gia ý kiến với các Bộ, ngành liên quan trong việc xây dựng các Đe án, Nghị quyết có liên quan.

+ Đã gặp gỡ, làm việc với một số tổ chức, đơn vị quốc tế như: OECD, Temasek Holdings, Ngân hàng ADB, Tổ chức IMF,... nhằm trao đổi thông tin nghiệp vụ, tìm kiếm cơ hội họp tác về hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ đào tạo, tư vấn, đồng thời tìm kiếm cơ hội đầu tư và phát triển của các tập đoàn, tổng công ty trực thuộc Ủy ban.

5. Cơ cấu lại, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nưóc tại doanh nghiệp

a) Tinh hình phê duyệt phương án cơ cẩu lại doanh nghiệp

Hiện nay, Ủy ban đang thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước đối với 19 tập đoàn, tổng công ty, trong đó 12 tập đoàn, tổng công ty do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, gồm: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV), Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Vinachem), Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam (Vinataba), Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (VNR), Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC), Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Tổng công ty Viễn thông Mobifone (Mobifone), Tổng công ty Lương thực Miền Bắc (Vinafoodl), Tổng công ty Cà phê Việt Nam (Vinacafe) và Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC). Trong số 12 tập đoàn, tổng công ty nêu trên, có 06 tập đoàn, tổng công ty đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phưong án cơ cấu lại, gồm: EVN, TKV, VNPT, Vinachem, Vinafoodl, SCIC và 01 Tổng công ty do Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt là Mobifone. 05 tập đoàn, tổng công ty hiện đang là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ chưa được phê duyệt phương án cơ cấu lại theo Quyết định 707/QĐ-TTg, tình hình triển khai như sau: (1) Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN): Căn cứ công văn số 1182/TTg-ĐMDN ngày 11/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục doanh nghiệp thuộc PVN thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn giai đoạn 2017-2020, Bộ Công Thương chủ trì phối hợp với các Bộ ngành liên quan và PVN xây dựng Đề án tái cơ cấu toàn diện PVN giai đoạn 2017-2020. PVN đã cơ bản hoàn thiện việc xây dựng Đe án trình Bộ Công Thương. Tuy nhiên, do có sự chuyến giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại PVN từ Bộ Công Thương về Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp nên tính đến nay, Bộ Công Thương chưa trình Thủ tướng Chính phủ. (2) Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC): Ngày 20/9/2018, Văn phòng Chính phủ có công văn số 9041/VPCP-ĐMDN về việc phương án tố chức lại Tống công ty Đầu tư phát triển và quản lý dự án hạ tầng giao thông Cừu Long (CIPM) theo đó, Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ đồng ý chủ trương tổ chức lại CIPM theo hướng sáp nhập vào VEC. Hiện nay, VEC đang phối họp với các cơ quan liên quan đế triển khai thực hiện, Ủy ban sẽ tiếp tục đề nghị VEC khẩn trương thực hiện xây dựng phương án cơ cấu lại doanh nghiệp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. (3) Tổng công ty Đường sắt Việt Nam (VNR): Theo báo cáo của VNR, dự thảo Đề án cơ cấu lại VNR đã được xây dựng và báo cáo Bộ Giao thông vận tải. Đề án đã được Bộ Giao thông vận tải tổ chức họp nhiều lần đế phân tích, đánh giá và tổng công ty đã tiếp thu, hoàn thiện Đề án tại Tờ trình số 3052/TTr-ĐS ngày 14/9/2018 (trình lần thứ 3). Tuy nhiên, do có sự chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại VNR từ Bộ Giao thông vận tải về Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp nên Bộ Giao thông vận tải chưa trình Thủ tướng Chính phủ. Ngày 21/3/2019, tổng công ty đã trình Ủy ban dự thảo Đe án đã được hoàn thiện tại Tờ trình số 686/TTr- ĐS. Hiện dự thảo Đề án đang được Ủy ban xem xét và sẽ trình Thủ tướng Chính phủ trong năm 2019. (4) Tổng công ty thuốc lá Việt Nam (Vinataba): Tại Thông báo số 89/TB- VPCP ngày 16/6/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Kết luận của Thủ tướng Chính phủ về vướng mắc, kiến nghị khi cổ phần hóa Công ty mẹ - Vinataba, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Công Thương thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thuốc lá Thăng Long (sau khi hoàn thành chương trình tổng thể đầu tư, di dời Công ty) và Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn theo đúng quy định; tạm dừng cổ phần hóa Vinataba. Do đó, trước mắt việc thực hiện cơ cấu lại Vinataba sẽ thực hiện cùng phương án cổ phần hóa 02 Công ty nêu trên. (5) Tổng công ty Cà phê Việt Nam (Vinacafe): Theo kế hoạch, Vinacafe sẽ thực hiện cổ phần hóa trong giai đoạn 2019 - 2020, do đó việc cơ cấu lại doanh nghiệp sẽ thực hiện cùng việc cổ phần hóa Vinacafe.

b) Về tình hình cổ phần hóa Ủy ban đã có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc điều chỉnh, sửa đổi danh mục doanh nghiệp cổ phần hóa giai đoạn 2016-2020. Theo đó, Ủy ban đã thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư việc điều chỉnh lộ trình cổ phần hóa 06 doanh nghiệp (Vinachem, VNPT, TKV, Vinacafe, Vinafoodl, MobiFone) thực hiện trong giai đoạn 2019-2020. Tuy nhiên, phải hoàn thành việc sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất của các doanh nghiệp (bao gồm các doanh nghiệp có vốn góp của doanh nghiệp cổ phần hóa) trước khi thực hiện các bước tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp theo quy định. Do đó, việc cổ phần hóa đúng tiến độ đối với các doanh nghiệp nêu trên sẽ rất khó khăn trong bối cảnh không còn nhiều thời gian để thực hiện. Tính đến thời điểm hiện nay, cả 06 doanh nghiệp nêu trên vẫn đang trong quá trình chuấn bị các thủ tục đê hoàn thiện các trình cấp có thẩm quyền ban hành quyết định cổ phần hóa. Bên cạnh đó, Ủy ban cũng đề nghị đối với 05 doanh nghiệp thuộc EVN (gồm các Tổng công ty Điện lực: Miền Bắc, Miền Trung, Miền Nam, Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh) không đưa vào Danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa giai đoạn 2019 - 2020; Đối với 02 doanh nghiệp thuộc PVN (Tổng công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí và Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất) thực hiện theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

c) Về tình hình thoải vốn Ủy ban cũng đã có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với dự thảo Quyết định sủa đổi Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn 2017-2020. Tại văn bản nêu trên, Ủy ban đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư kế hoạch thoái vốn của 03 doanh nghiệp gồm: Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex), Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV), và Tổng công ty Hàng không Việt Nam (VNA) sẽ thực hiện thoái vốn theo quyết định riêng của Thủ tướng Chính phủ thay vì thực hiện theo quy định tại Quyết đinh số 1232/QĐ-TTg. Ngoài ra Ủy ban đề nghị bổ sung danh mục 162 doanh nghiệp thuộc diện chuyển giao về SCIC vào dự thảo Quyết định sửa đổi Quyết định số 1232/QĐ-TTg.

d) Khó khăn, vướng mắc Việc sắp xếp lại của các doanh nghiệp thường phụ thuộc vào kế hoạch, quy hoạch, chiến lược của các ngành, lĩnh vực để đảm bảo phù hợp với các quy định chung, do vậy trong quá trình xây dựng Đe án sắp xếp lại thường phải điều chỉnh và lấy ý kiến nhiều cơ quan, đơn vị để hoàn thành. Việc rà soát, phê duyệt phương án sử dụng đất của doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa gặp nhiều khó khăn, nhiều quy trình, thủ tục, mất nhiều thời gian do lịch sử, pháp lý đất đai phức tạp, địa phương phê duyệt rất chậm. Nghị định 167/2017/NĐ-CP đã có hướng dẫn nhưng còn có nội dung chưa cụ thể, cách hiểu còn khác nhau dẫn đến lúng túng, không thống nhất khi thực hiện. Việc xác định lợi thế giá trị quyền sử dụng đất đối với đất thuê trả tiền hàng năm, định giá thương hiệu, quyền sở hữu trí tuệ, giá trị văn hóa, lịch sử... quy định tại Nghị định 32/2018/NĐ-CP để xác định giá khởi điểm khi thoái vốn còn có nội dung chưa cụ thể, cách hiểu còn khác nhau dẫn đến lúng túng, không thống nhất khi thực hiện. Đa số các doanh nghiệp thuộc Ủy ban thực hiện cổ phần hóa (công ty mẹ các tập đoàn, tổng công ty và các doanh nghiệp thành viên) đều là các doanh nghiệp có quy mô lớn, phạm vi hoạt động rộng, tài sản trải dài trên nhiều tỉnh, thành phố trong cả nuớc. Do vậy, khi thực hiện cổ phần hóa sẽ phải thực hiện khối lượng công việc rất lớn như lập và phê duyệt phương án sử dụng đất, kiểm kê tài sản, xác định giá trị doanh nghiệp, lập báo cáo quyết toán thuế tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp... Những công việc này tương đối phức tạp, phụ thuộc nhiều vào cơ quan quản lý ở địa phương, các doanh nghiệp cổ phần hóa đều thuộc diện Kiểm toán nhà nước kiểm toán kết quả xác định giá trị doanh nghiệp. Do vậy, doanh nghiệp không kiểm soát, chủ động được về tiến độ thực hiện, thực tế tiến độ triển khai cổ phần hóa các doanh nghiệp (phê duyệt kết quả xác định giá trị doanh nghiệp, phê duyệt phương án cổ phần hóa, phê duyệt quyết toán cổ phần hóa) đều kéo dài hơn so với các thời hạn quy định của pháp luật. Việc thực hiện thoái vốn đầu tư của các tập đoàn, tổng công ty gặp khó khăn do quy mô thị trường còn nhỏ, khó có thể hấp thụ hết toàn bộ số vốn mà doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa, thoái vốn trong một khoảng thời gian nhất định. Việc thực hiện chuyển giao doanh nghiệp về SCIC vẫn còn gặp phải một số khó khăn, vướng mắc như: (i) đối với doanh nghiệp đang phải tiếp tục xử lý các tồn tại về tài chính, chưa quyết toán cổ phần hóa, các Bộ, địa phương và SCIC còn gặp nhiều vướng mắc trong việc thống nhất các nội dung chuyển giao, (ii) một số Bộ, địa phương chưa thực sự tích cực, chủ động thực hiện chuyển giao doanh nghiệp về SCIC.

6. Đánh giá chung

Tuy mới ra đời nhưng Ủy ban luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng, Quốc hội và Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng - Trưởng ban Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp; sự phối hợp của các Bộ, ngành, địa phương và 19 tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước trực thuộc trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Tính đến nay, chỉ hơn 9 tháng chính thức hoạt động theo Nghị định số 131/2018/NĐ-CP của Chính phủ nhưng Ủy ban đã giải quyết một khối lượng công việc rất lớn, có những kết quả đáng ghi nhận. Bước đầu quan hệ công tác giữa Ủy ban và các tập đoàn, tổng công ty đã đi vào nề nếp, theo đúng quy định của pháp luật; định hình ngày một rõ hơn quan hệ phổi họp công tác với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trong giải quyết các công việc liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư của doanh nghiệp. Tuy nhiên, trước mắt Ủy ban còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhất là chưa đủ về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực; việc phối họp với một số cơ quan quản lý nhà nước trong thực hiện cơ chế, chính sách pháp luật về sản xuất, kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp; những tồn tại, yếu kém tiềm tàng, kéo dài qua nhiều thời kỳ trong một số doanh nghiệp, dự án đầu tư còn phải tiếp tục xử lý;... Thời gian tới, Ủy ban sẽ tiếp tục phối họp với các cơ quan liên quan và các tập đoàn, tổng công ty để sớm vượt qua những khó khăn, thách thức nêu trên, bảo đảm hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

7. Phương hưóng, nhiệm vụ trong thòi gian tới

Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp xác định phương hướng, nhiệm vụ cho năm 2019 và nhũng năm tiếp theo tập trung vào những nội dung chủ yếu sau đây:

1) Khẩn trương kiện toàn bộ máy tổ chức của Ủy ban nhằm đáp ứng nhu cầu về nhân sự, đảm bảo hoàn thành tốt các công việc theo chức năng, nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

2) Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan và các tập đoàn, tổng công ty trong việc:

- Xử lý dứt điểm những công việc thuộc trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với 19 tập đoàn, tổng công ty mà Ủy ban đã nhận bàn giao từ các Bộ.

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định của pháp luật đối với các công việc thường xuyên mà tập đoàn, tổng công ty báo cáo Ủy ban. –

 Kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các tập đoàn, tổng công ty trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư và trong quá trình thực hiện sắp xếp lại, tái cơ cấu, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- Tích cực xây dựng phương án để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc đối với việc xử lý 12 dự án kém hiệu quả ngành Công Thương.

3) Nghiên cứu việc sắp xếp, kiện toàn hệ thống Kiểm soát viên nhà nước tại các tập đoàn, tổng công ty; quy định về chế độ làm việc và phối hợp công tác của các Kiểm soát viên trong Ủy ban; việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các Kiểm soát viên.

4) Chủ động phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương khẩn trương thực hiện việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời chỉ đạo Tổng công ty lập kế hoạch và thực hiện tiếp tục cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp tiếp nhận theo đúng tiến độ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5) Rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền hướng dẫn hoặc xem xét sửa đổi, bổ sung những quy định của pháp luật còn chưa đầy đủ, rõ ràng, thống nhất và chưa họp lý liên quan đến tổ chức, hoạt động sản xuất, kinh doanh và tái cơ cấu, cổ phần hóa, thoái vốn của các tập đoàn, tổng công ty do Ủy ban làm đại diện chủ sở hữu nhà nước. Đặc biệt là quy định trong Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Quản lý và sử dụng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Đất đai, Luật Đường sắt, Luật Hàng không dân dụng và các Nghị định hướng dẫn Luật, văn bản pháp luật khác có liên quan.

6) Thực hiện và chỉ đạo các tập đoàn, tổng công ty thực hiện nghiêm túc các quy định về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh hiệu quả hoạt động và công khai tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước năm 2019 theo Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 6 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ; quy định về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ.

7) Tổ chức triển khai thực hiện chiến lược, kế hoạch, chương trình về quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

8) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc sắp xếp, cơ cấu lại các tập đoàn, tổng công ty trong Ủy ban và các doanh nghiệp thuộc Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước để có những nhũng tập đoàn, tổng công ty đa sở hữu, quy mô lớn, hoạt động trong những lĩnh vực mang tầm chiến lược, phát huy tốt lợi thế so sánh, có khả năng cạnh tranh khu vực và quốc tế, có tính dẫn dắt, định hướng xây dựng nền kinh tế tri thức, có hàm lượng công nghệ cao, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của toàn bộ nền kinh tế.

9) Nghiên cứu những giải pháp phù hợp, đủng pháp, luật để bảo đảm cho các tập đoàn, tổng công ty thực sự hoạt động theo cơ chế thị trường, lấy hiệu quả kinh tế làm tiêu chí đánh giá chủ yếu, cạnh tranh bình đẳng với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác. Với nhiệm vụ phục vụ các mục tiêu chính trị - kinh tế - xã hội (nhu: điều tiết, bình ổn giá cả, bảo đảm cân đối lớn, đầu tu lớn vào cơ sở hạ tầng nền tảng tạo điều kiện và động lực cho phát triển kinh tế - xã hội đất nước, thực hiện công bằng xã hội), các tập đoàn, tổng công ty được xác định rõ chi phí để Nhà nước bù đắp và được làm rõ khi đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh.

10) Phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu việc đổi mới mô hình tổ chức, phương thức lãnh đạo và nâng cao hiệu quả lãnh đạo của tố chức đảng; phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội tại các tập đoàn, tổng công ty do Ủy ban làm đại diện chủ sở hữu.

11) Chỉ đạo các tập đoàn, tổng công ty:

- Xây dựng kế hoạch phát triển đến năm 2025, định hướng chiến lược đến năm 2035.

- Rà soát, đánh giá toàn diện thực trạng và phân loại doanh nghiệp, dự án, công trình đầu tư và vốn, tài sản nhà nước để có giải pháp cơ cấu lại, xử lý phù hợp. Xử lý dứt điểm các doanh nghiệp, dự án đầu tư thua lỗ, kém hiệu quả, chậm tiến độ.

- Thực hiện Đồ án tái cơ cấu và kế hoạch, tiến độ sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước và niêm yết trên thị trường chứng khoán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm đúng nội dung, kế hoạch và tiến độ, công khai, minh bạch và quy định của pháp luật. Trong đó tập trung vào tái cơ cấu một cách toàn diện các tập đoàn, tổng công ty về ngành, nghề kinh doanh, cơ cấu doanh nghiệp thành viên, tài chính, quản trị, công nghệ, tổ chức, nguồn nhân lực, cơ cấu sản phẩm, ngành nghề kinh doanh, chiến lược phát triển để nâng cao hiệu quả hoạt động và bảo toàn, phát triển vốn và các nguồn lực Nhà nước giao.

- Tăng cường đầu tư, từng bước nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ, kỹ thuật hiện đại vào sản xuất, kinh doanh và quản lý; coi đây là yếu tố quyết định nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Xây dựng mô hình quản trị doanh nghiệp hiện đại phù họp các nguyên tắc, chuẩn mực quốc tế. Kiện toàn hệ thống kiểm soát nội bộ để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm pháp luật, lợi ích nhóm, lạm dụng chức vụ, quyền hạn, tiêu cực, tham nhũng một cách hiệu quả. Nâng cao tính minh bạch, công khai và trách nhiệm giải trình, đặc biệt là về tài chính, đầu tư, mua sắm, sử dụng vốn nhà nước, chi phí, kết quả kinh doanh, phân phối lợi nhuận. Rà soát, phát hiện và kiên quyết xử lý dứt điểm các doanh nghiệp thua lỗ, dự án đầu tư không hiệu quả, hiệu quả thấp theo nguyên tắc thị trường.Tăng cường kiểm tra, giám sát, không để xảy ra thất thoát vốn, tài sản nhà nước trong quá trình hoạt động kinh doanh và quá trình sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn và quản lý, sử dụng vốn nhà nước.

12) Áp dụng các cơ chế và công cụ quản lý hiện đại vào công tác của úy ban trong việc giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh và tình hình tài chính của các doanh nghiệp nhằm đưa ra những quyết định quản lý và cảnh báo rủi ro sát thực và kịp thời, phù hợp. Trước mắt, ban hành hệ thống tiêu chí quản trị hiện đại trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin; hoàn thiện và đưa vào vận hành phần mềm Bộ chỉ số giám sát tài chính doanh nghiệp và cơ chế quản lý, giám sát danh mục đầu tư vốn nhà nước của các doanh nghiệp trên cơ sở hệ thống thông tin trực tuyến.

**BỘ NỘI VỤ**

**Câu 1:** ***Cử tri Bình Định kiến nghị "Cử tri kiến nghị tiếp tục chỉ đạo các Bộ, ngành và địa phương triển khai thực hiện việc sắp xếp bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết 18-NQ/TW, Nghị quyết 19- NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương, tổ chức sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm, bảo đảm sự hợp lý, liên thông từ Trung ương đến địa phương; tiếp tục rà soát, hoàn thiện thể chế về quản lý, giám sát cán bộ; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí ở các cấp, các ngành và địa phương, cơ sở; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các địa phương; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm"***

**Trả lời**

1. Về việc triển khai thực hiện và sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW

a) Về việc tổ chức triển khai thực hiện Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 18-NQ/TW), Bộ Chính trị đã ban hành Kế hoạch số 07-KH/TW ngày 27/11/2017 thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XII và Kết luận số 34-KL/TW ngày 07/8/2018 về thực hiện một số mô hình thí điểm theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW. Đồng thời, thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 19-NQ/TW), Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW. Theo đó, trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện: Ban Tổ chức Trung ương đã thường xuyên chỉ đạo, đánh giá kết quả thực hiện và đôn đốc các cơ quan Trung ương và các địa phương triển khai thực hiện nghiêm Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kế hoạch và Kết luận của Bộ Chính trị, Nghị quyết của Chính phủ trong giao ban công tác xây dựng đảng hằng tháng. - Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ giao và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Nghị quyết số 39/NQ-CP ngày 11/6/2019 về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5 năm 2019, Bộ Nội vụ đã có Văn bản số 2971/BNV- TCBC ngày 04/7/2019 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc hoàn thiện dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện thay thế Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; đẩy mạnh công tác kiểm tra công vụ, trong đó có việc đôn đốc việc tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết, Kết luận của Đảng và Nghị quyết của Chính phủ.

b) Về sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm Hiện nay, theo yêu cầu của Ban Tổ chức Trung ương tại Văn bản số 8456-CV/BTCTW ngày 20/6/2019 thì các cơ quan Trung ương và các địa phương đang tiến hành sơ kết, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW để làm cơ sở đề xuất các biện pháp nhằm thực hiện tốt các Nghị quyết nêu trên.

2. Về việc rà soát, hoàn thiện thê chế quản lý, giám sát cán bộ Thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 30/6/2016 của Hội nghị Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; Nghị quyết số 18-NQ/TW; Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII nêu trên và Nghị quyết số 26- NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; theo phân công của Chính phủ, Bộ Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành rà soát và đang hoàn thiện Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức năm 2008 và Luật viên chức năm 2010, bảo đảm đồng bộ, liên thông giữa quy định của Đảng và của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức; đặc biệt là các nhiệm vụ nhằm đổi mới công tác cán bộ và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, như: Hoàn thiện các quy định về phân công, phân cấp thẩm quyền quản lý, quy trình bổ nhiệm, đánh giá, luân chuyển, điều động, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức ...; chấn chỉnh, khắc phục tình trạng kén chọn vị trí, chức danh trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đổi mới phương thức tuyển chọn cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là người đứng đầu theo hướng công khai, dân chủ, minh bạch; tăng thẩm quyền và đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức dưới quyền để kiểm điểm khi có dấu hiệu vi phạm hoặc chậm trễ, trì trệ, kém hiệu quả trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Kiên quyết sàng lọc, miễn nhiệm, thay thế, cho từ chức đối với cán bộ, công chức, viên chức làm việc kém hiệu quả, không hoàn thành nhiệm vụ, yếu về năng lực, kém về phẩm chất đạo đức, tín nhiệm thấp mà không chờ hết nhiệm kỳ, hết tuổi công tác. Cùng với việc hoàn thiện thể chế về công tác quản lý, giám sát cán bộ thì các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức, đơn vị cần phải thực hiện đúng quy chế, quy định của Đảng và của pháp luật về công tác cán bộ. Việc quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm hoặc đề nghị bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử phải chấp hành nghiêm quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, thủ tục, số lượng, độ tuổi, năng lực, phẩm chất cán bộ, bảo đảm sự lãnh đạo của cấp uỷ, tổ chức đảng và phát huy dân chủ trong công tác cán bộ; thực hiện đúng nguyên tắc, minh bạch và công khai, công tâm, khách quan trong lựa chọn, giới thiệu nhân sự, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

3. Về đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí ở các cấp, các ngành và địa phương; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền địa phương và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trong lĩnh vưc tổ chức, cán bô Tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII đã đặt ra nhiệm vụ, giải pháp chung đối với toàn bộ hệ thống chính trị, trong đó có nội dung: ""Xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể, sát thực để tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện kiểm tra, thanh tra, giám sát việc chấp hành các quy định về sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trong hệ thống chính trị. Biểu dương, khen thưởng kịp thời những tổ chức, cá nhân thực hiện có hiệu quả; xử lý nghiêm minh những tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định, không đạt mục tiêu tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế. Đây là một trong những tiêu chí quan trọng để kiểm điểm, đánh giá, giới thiệu bầu cử, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ"". Thực hiện nhiệm vụ được giao, hằng năm Bộ Nội vụ đã tổ chức nhiều cuộc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất về công tác quản lý biên chế công chức, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; tuyển dụng công chức, viên chức; bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý... Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện những thiếu sót, sai phạm trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về công tác quản lý biên chế, tổ chức cán bộ ở các Bộ, ngành và địa phương; theo đó, Bộ Nội vụ đã đề nghị Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo tổ chức thực hiện đúng theo quy định, như: đề nghị sửa đổi, bổ sung các quy định không phù hợp; hủy bỏ, thu hồi các quyết định về công tác cán bộ không đúng quy định, có sai phạm về tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình tuyển dụng công chức, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý; tổ chức kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm của các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan để xảy ra thiếu sót, sai phạm để xử lý theo quy định.

**Câu 2: *Cử tri Bình Định kiến nghị “Cử tri phản ánh việc thực hiện Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (mới có hiệu lực từ ngày 25/6/2019) đã bộc lộ một số bất cập như: giảm số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã; Người tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố ngoài 03 chức danh (Bí thư Chi bộ; Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố; Trưởng Ban công tác Mặt trận) không hưởng phụ cấp hàng tháng mà được hưởng bồi dưỡng khi trực tiếp tham gia vào công việc của thôn, tổ dân phố từ đoàn phí, hội phí khoán cho các đoàn thể và từ các nguồn quỹ khác...không bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ. Kiến nghị Bộ Nội vụ tham mưu trình Chính phủ có văn bản hướng dẫn để triển khai thực hiện; xem xét, điều chỉnh có quy định lộ trình thực hiện cho phù họp hơn”***

**Trả lời**

Việc giảm số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP được thể hóa từ chủ trương của Đảng tại Kết luận số 64- KL/TW ngày 28/5/2013 của Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa XI về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở; Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và Nghị quyết số 56/2017/QH14 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Trong đó có nội dung và yêu cầu: Đẩy mạnh thực hiện kiêm nhiệm đối với một số chức danh của cán bộ, công chức từ trung ưong đến cấp xã, nhất là kiêm nhiệm đối với các chức danh cán bộ không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Khoán kinh phí chi trả phụ cấp để khuyến khích giảm dần số lượng những người hoạt động không chuyên trách và tăng thu nhập theo hướng tinh gọn, giảm bớt chức danh theo Kết luận số 64-KL/TV/ ngày 28/5/2013 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XI; quy định khung số lượng cán bộ, công chức cấp xã cho phù hợp, giảm biên chế, thực hiện nghiêm, thống nhất việc khoán chi phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, tổ dân phố; tăng cường kiêm nhiệm công việc và quy định mức tối đa (không quá 3 người) hưởng phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước ở mỗi thôn, tổ dân phố. Hiện nay, Bộ Nội vụ đang trong quá trình xây dựng Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 34/2019/NĐ-CP. Dự thảo Thông tư đã được gửi để lấy ý kiến các cơ quan Trung ương và địa phương để sớm hoàn thiện và ban hành trong thời gian tới.

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**Câu 1:** ***Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn sách giáo khoa mới theo đúng lộ trình Quốc hội đã thông qua; tổ chức kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia năm 2019 theo hướng giao các trường Đại học chịu trách nhiệm tổ chức và chấm thi, không ủy quyền chính quyền địa phương, để bảo đảm nghiêm túc, trung thực, khách quan, không để tái diễn tiêu cực; đẩy mạnh các hoạt động giáo dục đạo đức, văn hóa, kỹ năng cho học sinh; ban hành quy tắc văn hóa ứng xử trong trường học; tăng cường kiểm tra, giám sát các địa phương, bảo đảm an ninh, an toàn trường học, phòng, chống bạo lực học đường. Bộ chỉ đạo các địa phương theo phân cấp quản lý chịu trách nhiệm bảo đảm an ninh, an toàn trường học, phòng chống bạo lực học đường tại địa phương; chủ động kiểm tra, rà soát, xử lý nghiêm khắc người đứng đầu cơ sở giáo dục để xảy ra vi phạm.***

**Trả lời**

1. Về chỉ đạo biên soạn sách giáo khoa mới theo lộ trình Quốc hội đã thông qua Ngày 26/12/2018, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đã ban hành Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ban hành Chương trình giáo dục phổ thông áp dụng thống nhất trên cả nước theo lộ trình: Từ năm học 2020 - 2021 áp dụng cho lớp 1; từ năm học 2021 - 2022 áp dụng cho lớp 2 và lớp 6; từ năm học 2022 - 2023 áp dụng cho lớp 3, lớp 7 và lớp 10; từ năm học 2023 - 2024 áp dụng cho lớp 4, lớp 8 và lớp 11; từ năm học 2024 - 2025 áp dụng cho lớp 5, lớp 9 và lớp 12. Bộ GDĐT đã thành lập các Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa theo từng môn học, hoạt động giáo dục ở từng cấp học và đang tiến hành thẩm định sách giáo khoa các môn học, hoạt động giáo dục lớp 1 để kịp thời triển khai đổi mới chương trình, sách giáo khoa lớp 1 bắt đầu từ năm học 2020 - 2021.

2. Tổ chức kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2019 theo hướng giao các trường đại học chịu trách nhiệm tổ chức và chấm thi Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ GDĐT đã tổ chức rà soát, đánh giá toàn bộ các khâu của quy trình tổ chức Kỳ thi trung học phổ thông (THPT) quốc gia để tổ chức tốt hơn kỳ thi năm 2019, trong đó đã điều động các trường đại học, cao đẳng (ĐH, CĐ) đến các tỉnh để phối hợp tổ chức thi theo nguyên tắc trường ĐH, CĐ địa phương không tham gia phối hợp tổ chức thi tại địa phương mình. Bộ GDĐT trực tiếp chỉ đạo tổ chức chấm bài thi trắc nghiệm, giao nhiệm vụ cho các trường ĐH chủ trì, đặt camera giám sát phòng lưu trữ đề thi/bài thi, phòng chấm thi 24/24 giờ; sửa đổi, nâng cấp, hoàn thiện phần mềm chấm thi trắc nghiệm theo hướng mã hóa dữ liệu toàn bộ dữ liệu chấm thi; “đánh phách điện tử”; đối với việc chấm bài thi tự luận (Ngữ văn) do sở GDĐT chủ trì, quy định chặt chẽ hơn khâu chấm 2 vòng độc lập, thực hiện chấm kiểm tra tối thiểu 5% số bài thi, trong đó các bài đạt điểm cao phải được chọn để chấm kiểm tra. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; đồng thời với chỉ đạo các sở GDĐT, các trường ĐH, CĐ thực hiện nghiêm túc công tác lựa chọn, phân công cán bộ thực hiện các khâu của kỳ thi theo đúng quy định của quy chế; phối hợp với các cơ quan, nhất là cơ quan Công an để tập huấn kỹ về nghiệp vụ tổ chức thi, thanh tra thi cũng như kỹ năng phòng chống, phát hiện các gian lận, nhất là gian lận sử dụng công nghệ cao để đảm bảo tổ chức kỳ thi nghiêm túc, khách quan, công bằng. Kỳ thi THPT quốc gia năm 2019 vừa qua được dư luận xã hội đánh giá cao, đảm bảo khách quan, công bằng, giảm áp lực và tốn kém, tạo thuận lợi cho thí sinh. Với sự vào cuộc của các bộ, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Kỳ thi đã đánh giá trung thực kết quả học tập của học sinh ở bậc phổ thông, đảm bảo kết quả thi có độ tin cậy và phân hóa để xét công nhận tốt nghiệp THPT và làm cơ sở cho tuyển sinh giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp.

3. Về đẩy mạnh giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh Giáo dục nhân cách, phẩm chất, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng mang tính nền tảng trong giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ. Để làm tốt nhiệm vụ này, Bộ GDĐT đã và đang thực hiện những giải pháp sau:

- Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành và ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường .

- Thường xuyên phối hợp với các bộ, ngành, tổ chức, đoàn thể ở Trung ương và chỉ đạo các sở giáo dục và đào tạo phối hợp với các sở, ban, ngành, tổ chức ở địa phương bảo đảm an ninh, an toàn trường học, phòng, chống bạo lực học đường; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục pháp luật; kiến thức, kỹ năng về phòng, chống bạo lực học đường cho học sinh.

- Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp, hình thức giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục pháp luật cho học sinh, sinh viên; tích hợp, lồng ghép nội dung phòng, chống bạo lực học đường vào nội dung một số môn học và hoạt động giáo dục. Ban hành Chương trình giáo dục phổ thông mới theo hướng tích hợp giáo dục kỹ năng sống trong các môn học và hoạt động giáo dục, đổi mới nội dung, phương pháp trong môn đạo đức, giáo dục công dân, giảm tải nội dung, thời lượng các môn học chính khóa, tăng cường các hoạt động ngoại khóa, hoạt động giáo dục trải nghiệm nhằm chuyển chủ yếu từ trang bị kiến thức sang phát triển năng lực, hình thành nhân cách của người học.

 - Chỉ đạo các cơ sở giáo dục xây dựng trường học dân chủ, an toàn, lành mạnh, thân thiện; xây dựng và triển khai bộ Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục, bảo đảm các giá trị cốt lõi: Nhân ái, Tôn trọng, Trách nhiệm, Hợp tác, Trung thực trong mối quan hệ của mỗi thành viên trong cơ sở giáo dục đối với người khác, đối với môi trường xung quanh và đối với chính mình. Phát triển các câu lạc bộ phù hợp với năng khiếu, sở thích, điều kiện và lứa tuổi học sinh. Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, hoạt động thể thao, hoạt động xã hội để hình thành và phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh.

- Tăng cường phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong quản lý giáo dục học sinh; thường xuyên thông tin hai chiều giữa nhà trường và gia đình học sinh về hoạt động của nhà trường, tình hình học tập, rèn luyện để phối hợp triển khai các biện pháp giáo dục học sinh.

 Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra việc tổ chức thực hiện quy định về đạo đức nhà giáo; việc giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; kịp thời nắm bắt các thông tin xử lý tại địa phương và tôn vinh, tuyên dương, khen thưởng, tuyên truyền rộng rãi trong toàn ngành các tấm gương người tốt, việc tốt.

- Triển khai kết luận tại phiên họp Uỷ ban Quốc gia đổi mới giáo dục và đào tạo và Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực ngày 26/7/2019 về công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh phổ thông, Bộ GDĐT đang hoàn thiện để trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị tăng cường các giải pháp giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên.

4. Về ban hành quy tắc văn hóa ứng xử trong trường học Bộ GDĐT đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1299/QĐ-TTg ngày 03/10/2018 phê duyệt Đề án Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học. Bộ cũng đã ban hành Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019 quy định Quy tắc ứng xử trong các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên.

5. Về tăng cường kiểm tra, giám sát các địa phương và phân cấp quản lý các địa phương chịu trách nhiệm về công tác bảo đảm an ninh, an toàn trường học, phòng, chống bạo lực học đường Trong các văn bản Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành và Bộ GDĐT ban hành quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường, trong đó đã quy định trách nhiệm của các địa phương. Đồng thời, Bộ GDĐT đã tổ chức hội nghị trực tuyến đảm bảo an ninh, an toàn trường học, phòng chống bạo lực học đường ngày 17/4/2019 với sự tham dự của gần 20.000 người tại 63 điểm cầu sở GDĐT và 603 điểm cầu phòng GDĐT nhằm quán triệt và triển khai các giải pháp cũng như phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý giáo dục và đến giáo viên, nhân viên trong cơ sở giáo dục với bạo lực học đường. Luật Giáo dục 2019 đã quy định nhiệm vụ và quyền của người học, quy định quy định rõ trách nhiệm của ủy ban nhân dân các cấp trong việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giáo dục của cơ sở giáo dục trên địa bàn. Hiện nay, Bộ GDĐT đang soạn thảo Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật Giáo dục 2019.

**Câu 2:** ***Cử tri Bình Định kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức công tác chấm thi trung học phổ thông quốc gia năm 2019 bảo đảm nghiêm túc, không để phát sinh tiêu cực, gian lận điểm; tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện chấm thi ở các địa phương.***

**Trả lời**

Nhằm bảo đảm nghiêm túc, không phát sinh tiêu cực, gian lận trong công tác chấm thi THPT quốc gia đã xảy ra năm 2018, trong kỳ thi THPT quốc gia năm 2019, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) trực tiếp chỉ đạo tổ chức chấm bài thi trắc nghiệm, giao nhiệm vụ cho các trường đại học chủ trì; đặt camera giám sát phòng lưu trữ đề thi/bài thi, phòng chấm thi 24/24 giờ; sửa đổi, nâng cấp, hoàn thiện phần mềm chấm thi trắc nghiệm theo hướng mã hóa dữ liệu toàn bộ dữ liệu chấm thi; “đánh phách điện tử” Phiếu trả lời trắc nghiệm; tăng cường tính bảo mật, có chức năng giám sát, kiểm soát chặt chẽ người dùng, đồng thời có thể phát hiện, truy xuất các tác động trái phép vào bài thi; đối với việc chấm bài thi tự luận (môn Ngữ văn) do sở GDĐT chủ trì, quy định chặt chẽ hơn khâu chấm 2 vòng độc lập, thực hiện chấm kiểm tra tối thiểu 5% số bài thi, trong đó các bài đạt điểm cao phải được chọn để chấm kiểm tra. Đồng thời, Bộ GDĐT tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; chỉ đạo các sở GDĐT, các trường đại học, cao đẳng thực hiện nghiêm túc công tác lựa chọn, phân công cán bộ thực hiện theo đúng quy định của quy chế; phối hợp với các cơ quan, nhất là cơ quan Công an để tập huấn kỹ về nghiệp vụ tổ chức thi, thanh tra thi cũng như kỹ năng phòng chống, phát hiện các gian lận, nhất là gian lận sử dụng công nghệ cao. Kỳ thi THPT quốc gia năm 2019 đã diễn ra an toàn, khách quan, nghiêm túc và được được Thủ tướng Chính phủ và dư luận xã hội đánh giá cao, đảm bảo khách quan, công bằng, giảm áp lực và tốn kém, tạo thuận lợi cho thí sinh.

**Câu 3:** ***Cử tri đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo trong quá trình triển khai chương trình giáo dục cần quan tâm xem xét tính khả thi về lộ trình thực hiện bắt đầu từ năm học 2018-2019 dạy học 2 buổi/ngày cho lớp 1, đến năm học 2022-2023 dạy học 2 buổi/ngày cho tất cả các lớp tiểu học, vì hiện nay nhiều địa phương đang gặp khó khăn về kinh phí đầu tư và quỹ đất để xây dựng các lớp học mới.***

**Trả lời**

Dạy học 2 buổi/ngày (dạy học cả ngày) là nhu cầu thiết yếu của xã hội và là một trong những yêu cầu quan trọng góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày giúp giáo dục toàn diện học sinh tiểu học, bảo đảm thời lượng học tập, sinh hoạt tập thể, trải nghiệm thực tế, vui chơi, tham gia hoạt động cộng đồng; thực hiện mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục; đáp ứng nhu cầu của gia đình và xã hội trong việc giáo dục, quản lí học sinh . Để triển khai dạy học 2 buổi/ngày theo chương trình giáo dục phổ thông mới, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu với Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 về việc đẩy mạnh thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 phê duyệt Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017- 2025. Tại Chỉ thị số 16/CT-TTg, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo: Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí, cân đối vốn đầu tư để thực hiện các chương trình, đề án, dự án nhằm tăng cường cơ sở vật chất cho các địa phương theo lộ trình triển khai áp dụng chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới; Bộ Tài chính xây dựng dự toán kinh phí chi thường xuyên sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề hàng năm để chuẩn bị các điều kiện về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, cơ sở vật chất theo lộ trình triển khai thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới, bảo đảm phù hợp với phân cấp và khả năng cân đối ngân sách nhà nước; hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện chương trình theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương điều chỉnh, sắp xếp để sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có; xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học để thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới. Triển khai Quyết định số 1436/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Công văn số 428/BGDĐT-CSVC về việc thực hiện Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2017-2025. Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị Đoàn đại biểu Quốc hội các địa phương có ý kiến với Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời giám sát việc bố trí đủ quỹ đất và ngân sách để đầu tư cơ sở vật chất, trường lớp đảm bảo lộ trình học 2 buổi/ngày cấp tiểu học.